

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP



100
(1905-2005)

**NĂM XÂY DỰNG
VÀ TRƯỞNG THÀNH**



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP
100 NĂM XÂY DỰNG
VÀ TRƯỞNG THÀNH
(1905 – 2005)

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Bác sĩ cao cấp CK II, cử nhân chính trị

Lê Trung Dũng

Tiến sĩ, bác sĩ cao cấp, cử nhân chính trị

Lê Quốc Hùng

Thạc sĩ, bác sĩ, cử nhân chính trị

Trần Hoài Nam

NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN

Phùng Văn Ong

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

**BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP
100 NĂM XÂY DỰNG
VÀ TRƯỞNG THÀNH
(1905 – 2005)**

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG – 2005

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN THẾ BÌNH

Giám đốc – Tổng biên tập

Biên tập

DƯƠNG SƯƠNG MAI

Sửa bản in

CAO VĂN LUẬN

Trình bày và thiết kế mỹ thuật

NGUYỄN HẢI PHƯƠNG

In 500 cuốn, khổ 19x26,5cm. Số xuất bản: 64-2005/CXB/5-50/NXBHP
Cấp ngày 26-10-2005. Chế bản và in tại Công ty In và Văn hóa phẩm – Bộ
VHTT.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12-2005

LỜI NÓI ĐẦU

Tròn một trăm năm (1905-2005) trôi qua, Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng mà tiền thân và Bệnh viện Thành phố đã có những bước tiến mạnh mẽ cả về quy mô cũng như chất lượng khám chữa bệnh, xứng đáng với tầm vóc của một bệnh viện đa khoa vùng Duyên Hải Bắc Bộ.

*Cuốn sách “**Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp- 100 năm xây dựng và trưởng thành**” ghi lại những hoạt động, những đóng góp của các bác sỹ, dược sỹ, kỹ thuật viên, nhân viên qua từng thời kỳ thực hiện nhiệm vụ khám bệnh và chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân thành phố cũng như khu vực Duyên Hải.*

Nửa đầu thế kỷ XX, Bệnh viện Thành phố với quy mô nhỏ bé, các thầy thuốc đều là quân đội Pháp, chỉ một ít là hộ lý, nhân viên người Việt Nam. Việc khám chữa bệnh lúc này dành cho binh lính, sỹ quan quân đội viễn chinh, viên chức người Pháp phục vụ trong bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở Hải Phòng và vùng Duyên Hải Bắc Bộ. Nhân dân, thợ thuyền trong các công xưởng, nhà máy của thành phố Hải Phòng ít được tiếp nhận điều trị.

Từ ngày 13 tháng 5 năm 1955 thành phố Hải Phòng được giải phóng, Bệnh viện mới thực sự khám chữa bệnh cho cán bộ, bộ đội và nhân dân suốt từ Quảng Ninh trở vào đến Nam Định, Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên. Những năm tháng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, Bệnh viện vừa chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong hoàn cảnh sơ tán nhưng vẫn đảm bảo tốt công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc bệnh nhân. Bệnh viện rất vinh dự được đón Bác Hồ cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước về thăm, được nhận nhiều phần thưởng cao quý, nhiều năm là bệnh viện tiên tiến xuất sắc của Bộ Y tế. Bệnh viện Tiệp Khắc và giờ đây là Bệnh viện Việt Tiệp với vai trò và quy mô phục vụ đã thay đổi, luôn được Chính Phủ, Bộ Y tế và Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố cùng các cấp, các ngành quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, mở rộng bệnh viện, không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, đảm bảo phục vụ hơn 700 giường như ngày hôm nay. Trong quá trình phấn đấu đi lên, các thầy thuốc, các điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên của Bệnh viện đã đóng góp trí tuệ và năng lực chuyên môn khám, cứu chữa được nhiều ca bệnh hiểm nghèo, đồng thời cũng đón góp nhiều thầy thuốc giỏi, cán bộ khoa học quản lý cho ngành Y tế cả nước. Ngày nay, trên con đường phát triển, Bệnh viện đặc biệt chú trọng giáo dục y đức, quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên sâu có học hàm, học vị cao, những kỹ thuật viên có tay nghề giỏi; tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây mới nhiều tòa nhà khang trang, có thiết bị máy móc tiên tiến, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân thành phố cũng như khu vực Duyên Hải Bắc bộ.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách, khó tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để tái bản lần sau được hoàn thiện hơn

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

CHƯƠNG I

NHÀ THƯƠNG BẢN XỨ

I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ THƯƠNG HẢI PHÒNG

Vào cuối thế kỷ XIX, sau khi đã chiếm được toàn bộ Việt Nam (1884), Chính phủ Pháp quyết định triển khai xây dựng Hải Phòng thành một cảng quốc tế, cửa ngõ của cả miền Bắc Đông Dương mở ra Biển Đông. Đến năm 1891, Hải Phòng đã có hàng trăm hãng buôn nước ngoài. Đáng chú ý là hàng trăm hãng buôn của Pháp cũng đặt trụ sở tại Hải Phòng.

Cùng với thương nghiệp, tư bản Pháp còn gấp rút xây dựng cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt như Cảng Hải Phòng (1876), Nhà máy Xi măng (1899), Nhà máy Sợi (1899), Nhà máy Phốt phát (1891), nhà máy Xà phòng (1887), Công ty Than (1888), Công ty Điện, Công ty nước (1892).

Để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho quân đội viễn chinh xâm lược này, các cơ sở y tế khám, chữa bệnh, phòng bệnh cũng được xây dựng cùng thời với các hoạt động khác. Nó là hậu cần như lương thực, thực phẩm không thể thiếu của tư bản xa xứ Pháp.

Theo *Tóm lược tình hình Đông Dương* (Revue Indochinoise) số 17 năm 1899, *Công báo* (Actes officiels) ngày 9 tháng 7 năm 1899, toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định thành lập một nhà thương lưu động 30 giường.

Một Nghị định khác in trong Nhật báo chính thức về Đông Dương ngày 3 tháng 2 năm 1902 về việc thành lập một Hội đồng có ghi thành phần gồm:

- Tướng chỉ huy lữ đoàn – Chủ tịch Hội đồng
- Công sứ (đốc lý thành phố)
- Phó chỉ huy trưởng đồn pháo thủ Hải Phòng
- Giám đốc nhà thương
- Hai thành viên của Hội đồng thành phố do Hội đồng chỉ định
- Một sĩ quan cảnh sát được chủ tịch Hội đồng quản trị thành phố chỉ định, làm thư ký

Nhiệm vụ của Hội đồng trên đây là nghiên cứu đề xuất một địa điểm cao ráo, thoáng đãng ở xa thành phố để xây dựng một nhà thương. Nghị định này làm tại Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 1902 do toàn quyền Đông Dương ký.

Ngày 20 tháng 01 năm 1902, thực dân Pháp thành lập Tổng nha Y tế Đông Dương (Direction générale de la santé de l'Indochine). Sau đó là hệ thống vệ sinh và y tế cộng đồng miền Duyên Hải (Ty Y tế cộng đồng miền Duyên Hải)

được thành lập đặt trụ sở tại Hải Phòng. Phạm vi kiểm soát của nó bao gồm các cơ sở y tế ở Hồng Gai, Quảng Yên, Móng Cái, Kiến An, ngoài ra còn có các đại lý ở cảng bãi cháy và Mũi Ngọc.

Đọc lại một số tài liệu còn lưu giữ được về sự ra đời một cơ sở y tế (tuyên tỉnh) cho thấy thực dân Pháp khá thận trọng trong quá trình xây dựng nhà thương.

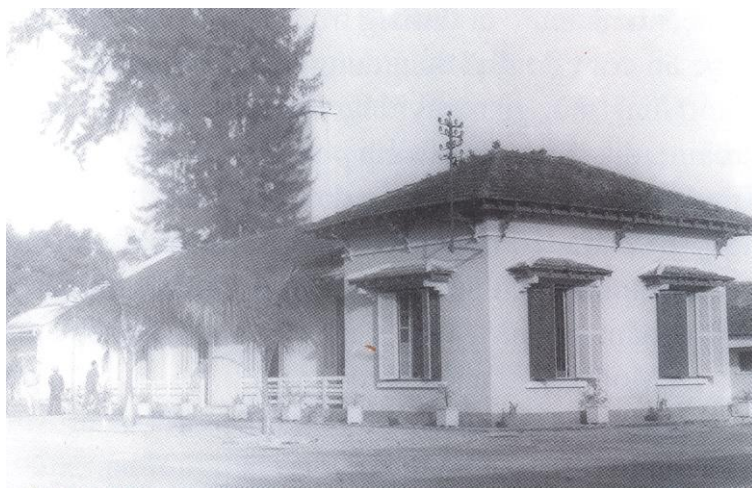
Ngày 02 tháng 10 năm 1905 Hội đồng thành phố quyết định xây dựng nhà thương bản xứ (Hospital indigène), địa điểm được chọn vốn là một bãi đất trống, có một vài lán trại xiêu vẹo, trống trải của Sở mộ phu mới cất lên, làm nơi tập trung hàng trăm phu mộ ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ đợi tàu đi vào các đồn điền cao su Nam Kỳ hay Tân Thế Giới.

Cuối tháng 4 năm 1906, nhà thương xây xong, vền vẹn có 3 nhà (pavilion), một phòng khám và nhập viện (sau này là phòng Tổ chức và văn phòng Đảng ủy), hai nhà khác (sau này là khoa Huyết học và Hội trường trung tâm) là phòng điều trị bệnh nhân làm phúc. Ba nhà trên đây đều lợp tôn và đã chịu đựng với thời gian đến mãi sau này.



Cổng ra vào bệnh viện Thành phố

Do quá chật chội nên cùng năm 1906, thành phố phải cho xây thêm một nhà cho khoa ngoại, một nhà cho khoa nội, một nhà bếp, một nhà tắm và khu vệ sinh



Phòng làm việc của Ban Giám đốc Bệnh viện xây dựng từ thời Pháp

Cơ sở nhỏ bé như vậy nên số bệnh nhân đến nằm chữa bệnh khoảng 25 người/tháng và trung bình mỗi ngày có 40 người đến khám bệnh. Nhà thương còn có một phòng mổ, địa điểm là khoa Tai mũi họng hiện nay, phòng này tồn tại mãi đến năm 1955, khi Tiệp Khắc viện trợ năm 1957, phòng mổ này được sửa chữa nâng cấp thành phòng mổ khoa Tai mũi họng.

Năm 1927, nhà thương xây thêm các phòng 4,5 (khoa nội); 6,7 (khoa ngoại) và phòng đẻ.

Năm 1940-1941, khu nhà hai tầng kê bên đường Cát Dài được xây dựng cho khoa ngoại và phòng mổ. Bác sĩ Fesquet phụ trách khoa này.

Ngoài giờ làm việc ở bệnh viện, ông Fesquet còn có nhà thương tư ở số nhà 17 đường Xa-vat-xi-ơ (nay là trụ sở Thành đoàn TNCSHCM thành phố).

Giám đốc nhà thương là bác sĩ Forest. Ông cũng có phòng khám ở số nhà 41 đường A-mi-ran đơ Bô-mông (đường Hoàng Văn Thụ sau này).

Nhân viên y tế rất ít, khoa nội, khoa ngoại mỗi khoa có 4-6 người do một y tá trưởng điều hành chung. Hàng ngày bác sĩ đến nhà thương làm việc 3-4 giờ, khám bệnh nhân và cho thuốc (thường cho 2-3 ngày liền), còn mọi việc chuyên môn là các y tá trưởng. Các ông Phạm Đăng Khôi, Nguyễn Văn Đàm, Nguyễn Văn Diệp, Đỗ Đức Cảnh và các bà Nhị, bà Phượng là những y tá trưởng, nữ hộ sinh có vai trò chủ chốt ở các phòng chuyên môn.

Năm 1944, nhà thương được mở rộng thêm trên toàn bộ khu đất cạnh Đê lao. Dãy nhà này thấp bao gồm các phòng quản trị, kế toán, nhà khi, nhà bếp, phòng nhốt bệnh nhân điên và tạm giam giữ những tù nhân có bệnh đến chữa.

Cơm ăn của bệnh nhân do nhà thầu đưa từ ngoài vào, y công nhận và chia cho bệnh nhân. Y tá thường trực (3-4 người cho cả nhà thương) và y công cũng được ăn cơm do nhà thầu cung cấp không phải trả tiền.

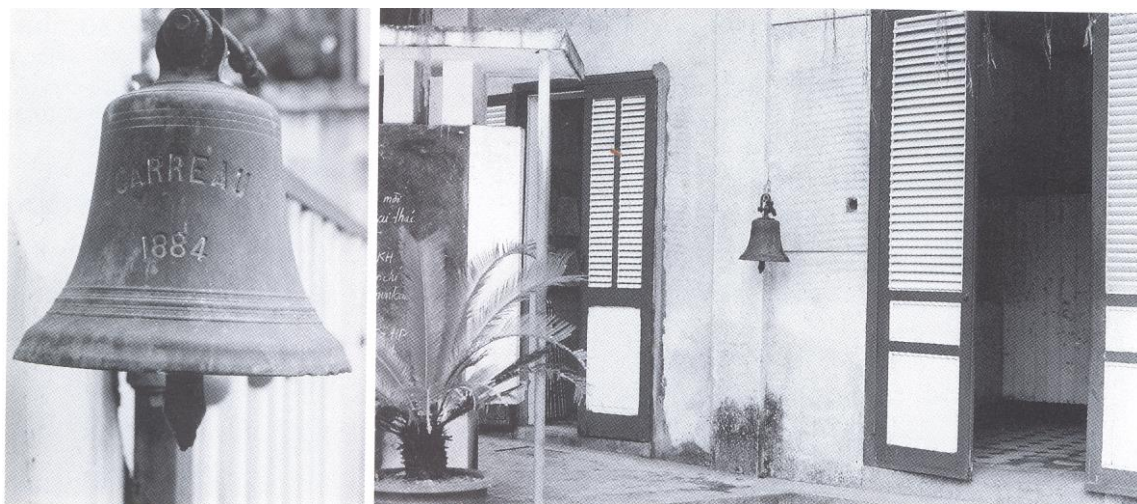
Cùng thời gian này, Hải Phòng còn ra đời một khu truyền nhiễm (Lazaret urbain), địa điểm cách thành phố khoảng bốn cây số, nằm trên tả ngạn sông Lạch Tray, trên đường Hải Phòng đi Kiến An. Khu truyền nhiễm này đợc khởi công ngày 24 tháng 10 năm 1904 và hoàn thành vào ngày 15 tháng 01 năm 1906.

Khu truyền nhiễm này khá lớn (so với nhà thương bản xứ) và ổn định mãi những năm sau này, bao gồm:

- Một phòng nhập viện
- Một phòng cho bệnh nhân là người châu Âu
- Một phòng cho bệnh nhân là người bản xứ
- Một phòng theo dõi bệnh nhân người bản xứ
- Một phòng cách ly cho người bản xứ
- Hai nhà bếp
- Hai nhà vệ sinh
- Một phòng làm nơi ở của người bảo vệ

Một bộ phận khác được xây dựng thêm gồm nơi giặt đồ vải, một nhà tắm đủ chỗ đặt bốn bồn tắm và một điểm đặt lò tẩy trùng.

Ta thấy được là ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, Hải Phòng đã ra đời một cơ sở khám chữa bệnh (nhà thương bản xứ) và khu truyền nhiễm, cách ly tẩy trùng. Hai anh em sinh đôi này tuy là hai đơn vị nhưng gắn bó với nhau như hình với bóng. Và cùng thời gian, khu truyền nhiễm, cách ly tẩy trùng trở thành một bộ phận của nhà thương bản xứ (sau này là nhà thương thành phố) tới những năm 50 của thế kỷ XX. Các bệnh lao, thương hàn, hoại thư sinh hơi... đều nằm ở đây thường là có vào nhưng không có ra.



Quả chuông báo giờ làm việc và tan giờ làm việc từ thời Pháp (có niên đại trên 100 năm)

Hải Phòng còn có một nhà thương khác cho người Pháp (người Hải Phòng) quen gọi là nhà thương cầu Ngự) được xây dựng tại địa điểm quân y viện 203 hiện nay. Sau này, đến năm 1894 trên đất này không còn bệnh viện nữa mà chỉ còn một vài phòng làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh thông thường cho binh sĩ.

Năm 1907, trong báo cáo của mình về Đông Dương, toàn quyền Paul Doumer dẫn tình hình y tế Hải Phòng, phần nói về nhà thương bản xứ:

HOPITAL INDIGÈNE	
D ^r Forest,	Médecin Chef Service de Médecine.
D ^r Fesquet,	Service de Chirurgie.
Tran-van-Ninh,	Médecin Indochinois-Médecine.
Tran-van-Thua,	— Chirurgie.
Nguyễn-Khoi,	Pharmacien Indochinois.
Pham-thi-Nhi,	Sage-femme.
Pham-dang-Khoi,	Infirmier principal.
Nguyễn-van-Dam,	Infirmier-Chef de 1 ^{re} classe.
Nguyễn-van-Diép,	Infirmier-Chef de 2 ^e classe.
Nguyễn-van-Dong,	Infirmier ordinaire.
Nguyễn-nhu-Am,	—
Luong-thi-Phuong	(N ^{me}). —
Hoang-van-Mai,	Infirmier temporaire.

Tài liệu về nhà thương Bản xứ và khu Lazazet (Lây nhiễm) cầu Niệm (nguyên bản tiếng Pháp)

“...Cơ sở này xây dựng năm 1905, gồm những nhà nhỏ bằng gạch, tiếp nhận chừng bốn mươi bệnh nhân. Số người đã nằm chữa bệnh là 508 và người khám bệnh là 1.030. Toàn xứ Bắc Kỳ có 1.027 giường bệnh. Theo niên giám của Pháp năm 1935, sau hai lần sửa chữa và mở rộng nhà thương, qua tình hình nhân sự cho thấy số thầy thuốc và nhân viên tuy có tăng cường nhưng hoạt động chỉ bó hẹp ở một số khoa nội, ngoại, sản, dược... Đặc biệt là giám đốc Ty Vệ sinh thành phố vẫn kiêm nhiệm giám đốc Nhà thương. Về phía Nhà thương bản xứ, số nhân viên từ chủ nhiệm các khoa đến y tá hợp đồng vền vẹn 13 người, nhiệm vụ như sau:

Forest, bác sĩ, giám đốc nhà thương – phụ trách khoa nội.

Fesquet, bác sĩ, phụ trách khoa ngoại.

Trần Văn Ninh, y sĩ Đông Dương, khoa nội.

Trần Văn Thừa, y sĩ Đông Dương, khoa ngoại.

Nguyễn Khôi, dược sĩ Đông Dương.

Nguyễn Thị Nhị, nữ hộ sinh

Phạm Đăng Khôi, y tá trưởng.

Nguyễn Văn Đàm, y tá trưởng hạng nhất.

Nguyễn Văn Điệp, y tá trưởng hạng nhì.

Nguyễn Văn Dong, y tá thường.

Nguyễn Như Âm, y tá thường.

Lương Thị Phụng, y tá thường.

Hoàng Văn Hai, y tá hợp đồng.

Với số nhân viên chuyên môn trên đây thì khả năng phục vụ sẽ rất hạn

De 1902 à 1907, la ville a fait édifier un lazaret, un hôpital indigène et un magasin à grains.

1^o *Lazaret urbain.* — Sis à quatre kilomètres environ de Haiphong, sur les rives du Song Lach-tray, en bordure de la route de Haiphong à Kien-an, le lazaret urbain fut commencé le 24 octobre 1904 et terminé le 15 janvier 1906.

Ce bâtiment comprend :

- Un pavillon d'entrée ;
- Un pavillon pour malades européens ;
- Un pavillon pour malades indigènes ;
- Un pavillon d'observations pour indigènes ;
- Un pavillon d'isolement pour indigènes ;
- Deux cuisines ;
- Deux water-closet ;
- Un pavillon servant de logement au gardien.

Un nouveau corps de bâtiment va prochainement être édifié et comprendra une buanderie, une salle de bains de dimensions suffisantes pour l'installation de quatre baignoires et un abri pour l'étuve à désinfecter.

2^o *Hôpital indigène.* — La création d'un hôpital indigène fut décidée par le Conseil municipal dans sa séance du 2 octobre 1905 et la construction commencée immédiatement.

Le pavillon d'entrée et deux pavillons pour malades furent terminés au mois d'avril 1906.

Dans le courant de l'année, les bâtiments existant étant devenus insuffisants, le Conseil municipal vota de nouveaux crédits qui servirent à l'édification d'un pavillon pour blessés, d'un pavillon pour malades, d'une cuisine, d'une salle de bains et de water-closet.

Le nombre des malades traités mensuellement est de vingt-cinq environ et quarante indigènes, en moyenne, viennent chaque jour se présenter à la visite du médecin.

ché. Trong khi đó, các ông Forest và Fesquet đều có phòng khám chữa bệnh tư. Danh sách trên đây không thấy nói đến các phòng xét nghiệm, một công việc không thể thiếu của một nhà thương.

Nhân sự của Ty vệ sinh thành phố đã có thay đổi, ngoài bác sĩ Care, quan tư thầy thuốc, giám đốc Ty Vệ sinh thành phố kiêm nhiệm việc chữa bệnh cho gái mại dâm mắc bệnh hoa liễu và bác sĩ Gouillon, thanh tra các trường học và chữa bệnh cho viên chức, còn hầu hết là người Việt Nam.

Niên giám năm 1935 của Pháp cũng ghi lại một số tình hình khác, khi đó dân số Hải Phòng là 72.764:

Người Âu	: 2.229	Người bản xứ	: 69.540
Binh sĩ Châu Âu	: 503	Binh sĩ người bản xứ:	492

Tháng 8 năm 1945, trong muôn vàn khó khăn của một thành phố vừa thoát qua nạn đói, ngay sau khi Nhật vừa đầu hàng thì quân Tưởng lại ùn ùn kéo vào giải giáp quân đội Nhật. Trong khí thế cách mạng, các thầy thuốc và nhân viên bệnh viện hòa nhập và cuộc kháng chiến. Bác sĩ Nguyễn Văn Tín, nguyên bác sĩ phẫu thuật nhà thương thành phố được cử làm giám đốc bệnh viện (tháng 8/1945-11/1946). Trong vòng hơn một năm, hoạt động của bệnh viện trở lại bình thường, việc khám và chữa bệnh được mở rộng, người bệnh được đón tiếp tận tình. Mặc dù thời gian rất ngắn nhưng bệnh viện đã mở được lớp đào tạo y tá cho trên bốn mươi người, trong đó có một phần tư đào tạo tại nhà thương Kiến An. Hội đồng chấm thi tốt nghiệp gồm các bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên (chủ tịch Hội đồng), Lê Văn Cơ, Nguyễn Văn Tín, Trần Lâm Bảo.

Tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp lần thứ hai nổ ra ở Hải Phòng vào ngày 20 tháng 11 năm 1946.

Bệnh viện rút ra khỏi thành phố về Vĩnh Bảo rồi hòa vào cuộc kháng chiến toàn quốc. Những y tá mới được đào tạo hăng hái gia nhập quân y, một số vào các ngành khác. Số người ở lại nội thành có các chị Nguyễn Thị Chinh, Tô Thị Việt, Trần Thị Đoan... năm 1954 không theo địch vào Nam, ở lại chờ Chính phủ ta vào tiếp quản, tiếp tục làm việc cho tới ngày về nghỉ hưu.

Riêng bác sĩ Nguyễn Văn Tín, sau khi đưa bệnh viện ra Vĩnh Bảo, ông về Hà Nội nhận công tác tại Cục quân y, ở đây ông được gặp bác sĩ Vũ Văn Cẩn, cục trưởng, rồi được lệnh ở lại liên tỉnh Hải – Kiến thành lập quân y viện đóng tại thôn Bách Phương, huyện An Lão.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp xâm lược Hải Phòng lần thứ hai, thời gian chúng chiếm đóng thành phố này cũng là lâu nhất, mãi tới ngày 13 tháng 5 năm 1955 thành phố mới trở về nhân dân ta. Trước đó, do nhu cầu của một thành phố

đông dân, một hải cảng lớn và cũng phần nào muốn tranh thủ dư luận, Pháp đã mở mang thêm các cơ sở y tế. Ngoài nhà thương do Nha y tế Bắc Việt quản lý và đài thọ, trong thành phố còn có 19 phòng khám chữa bệnh tư và 22 nhà hộ sinh do một số bác sĩ và hộ sinh người Việt, Pháp và Hoa Kiều mở nhưng đều có quy mô nhỏ bé.

Về mặt y tế cộng đồng, ngoài bệnh viện chính còn có phòng khám bệnh cho công chức (khu 4 gian gần ga An Dương cũ), khu khám bệnh và các chuyên khoa Răng, Mắt, nhân dân quen gọi là nhà thương quả bóng (sau này là nhà triển lãm thành phố) có 30 giường, khu bệnh nhân cách ly vì các bệnh lây nhiễm ở cầu Niệm (Lazaret cầu Niệm) với 101 giường, nhà tập trung chữa bệnh hoa liễu cho gái mại dâm ở 105 Cát Dài.

Ở bệnh viện chính có 121 giường và 72 giường làm phúc. Số nhân viên từ bác sĩ đến y tá có 116 người và 8 học sinh y tá học việc, trong đó có 5 bác sĩ, 1 dược sĩ, 50 y tá, 4 nữ hộ sinh.

Bệnh viện có 2 phòng mổ, máy chiếu điện, phòng xét nghiệm và phòng được có khả năng sản xuất và pha chế thuốc thông thường. Trang bị dựa vào hàng viện trợ Mỹ. Vào những năm 50, chiến tranh mở rộng, bộ đội ta đánh mạnh ở các mặt trận, binh lính Pháp và ngụy bị thương nhiều, tại bệnh viện chính ngoài khu hai tầng nhường cho bệnh viện Ciais, nhiều phòng khám phải dành cho các nạn nhân chiến tranh sau các cuộc càn quét bắn phá bừa bãi và liên miên của chúng. Những năm Pháp chiếm đóng trở lại, ở các huyện chỉ có một phòng phát thuốc do một y tá phụ trách, nên bệnh nhân nội khoa đều phải nằm ở khoa Nội 105 Cát Dài (nay là số nhà 153) có 72 giường. Ở đây có 1 bác sĩ, 6 y tá và 1 y công.

Do điều kiện sống tồi tệ, trình độ hiểu biết về y tế, vệ sinh môi trường rất kém, tình hình bệnh tật hết sức phức tạp, nhất là các bệnh truyền nhiễm, các bệnh đường tiêu hóa. Bác ít, phòng khám ít và chật chội, cả thành phố chỉ có một nơi khám ở vườn hoa, bệnh nhân phải chờ đợi, chen chúc từ sáng tinh mơ. Sau khám tùy theo tình hình bệnh tật, bệnh nhân được điều trị ngoại trú hoặc chuyển tới nằm ở khoa nội Cát Dài hoặc ngoại khoa. Giá tiền nằm viện đối với bệnh nhân nằm phòng trả tiền khá cao, có các hạng 60, 90, 120 đồng/giường/ngày.

Năm 1955 khi Chính phủ ta vào tiếp quản, mặc dù đã có 50 năm hoạt động, bệnh viện chính vẫn còn là một cơ sở y tế hết sức nhỏ bé. Mặt khác, trước khi rút khỏi thành phố địch đã chuyển phần lớn dụng cụ, thuốc men vào Nam. Không thầy thuốc nào ở lại, nhân viên có nghề như y tá, hộ sinh chỉ có khoảng 20 người, nên phải bắt tay xây dựng bệnh viện từ con số không, mọi việc phải làm lại từ đầu. Bệnh nhân nhiều, một số y tá từ vùng kháng chiến vào tiếp quản

và những người có tinh thần yêu nước ở lại phải làm việc hết sức để duy trì hoạt động của bệnh viện.

II. THÀNH LẬP CƠ SỞ CÁCH MẠNG

Những năm đầu thành lập nhà thương bản xứ, thầy thuốc từ giám đốc đến chủ nhiệm khoa đều là sĩ quan quân y Pháp, mãi sau này vào những năm 30, 40 của thế kỷ mới có các y sĩ Đông Dương là người Việt Nam.

Trước cách mạng tháng Tám 1945, giám đốc nhà thương chính vẫn là một trung tá quân y người Pháp.

Nhà thương nhỏ bé, viên chức cao cấp đều là người Pháp nhưng những viên chức Việt Nam ở đây không hề vắng mặt trong sự nghiệp cách mạng. Năm 1927, tỉnh bộ “Thanh niên” được thành lập, phong trào cách mạng lên nhanh, thu hút nhiều trí thức, học sinh và công nhân tham gia. Chị Nguyễn Thị Vinh (Vinh sẹ) là nữ hộ sinh nội trú trong nhà thương được các đồng chí Ngọc (Phục), Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Đức Cảnh giác ngộ, đến với cách mạng rất tích cực. Chị được kết nạp vào Thanh niên cách mạng đồng chí hội, lúc đầu sinh hoạt ghép với tổ học sinh – viên chức. Chị Vinh dần dần giác ngộ thêm hai người nữa và kết nạp vào Hội là chị Hiền (em gái) và anh Thủy. Ba người hình thành một tổ thanh niên sinh hoạt học tập trực thuộc Tỉnh bộ và hoạt động trong nhà thương. Tại đây, chị Vinh đã gần gũi anh chị em viên chức, động viên mọi người nêu cao tinh thần thương yêu đồng bào, tận tình chăm sóc thợ thuyền, nông dân đến chữa bệnh ở nhà thương.



Nữ hộ sinh Nguyễn Thị Vinh (Vinh sẹ), nữ chiến sĩ Cách mạng hoạt động nhà thương Thành phố, đang hướng dẫn đồng chí Vương Thế Dũng (trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng) và đồng chí Nguyễn Văn Luyện (Bí thư Đảng ủy Bệnh viện) thăm nơi làm việc (hoạt động bí mật) của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, lãnh tụ Cách mạng, nguyên Bí thư thành ủy đầu tiên của Hải Phòng

Cuối năm 1927, chị Vinh, chị Phụng, anh Ngọc tìm vốn mở một hiệu sách ở phố Cát Cụt nhưng đến cuối năm 1928, do yêu cầu của cách mạng các chị đã nhượng hiệu sách cho Tỉnh bộ. Hiệu sách được đổi tên là Học Hải và trở thành một địa điểm mà các cán bộ cách mạng thường lui tới liên lạc với tổ chức, đồng thời là đầu mối giao thông có nhiệm vụ nhận, chuyển tài liệu, sách báo cách mạng từ nước ngoài về. Các chị góp phần rất lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Hải Phòng và Việt Nam.

Giữa tháng 5/1930, chị Nguyễn Thị Thuận (Tư già) bị mật thám bắt giam ở đề lao Hải Phòng. Anh em tù chính trị đấu tranh quyết liệt buộc chúng đưa chị Thuận sang nhà hộ sinh của nhà thương vì chị đã đến kỳ sinh nở. Tỉnh bộ giao cho cơ sở ở nhà thương giúp đỡ và tạo điều kiện cho chị Thuận vượt ngục. Chị Thuận là đảng viên cộng sản, biết nhiều cơ sở của Đảng bộ Hải Phòng nên bọn mật thám canh phòng rất cẩn mật. Do kế hoạch đã được bố trí của chị Vinh vào sẩm tối một ngày đầu tháng 10/1939, chị Nguyễn Thị Thuận đã vượt khỏi nhà tù để hoạt động cách mạng.

Sau khi chị Thuận vượt ngục, mật thám Pháp mở cuộc điều tra, xét hỏi thầy thuốc và nhân viên nhà hộ sinh. Chúng bắt chị Vinh nhưng không đủ chứng

cứ đành phải thả. Đầu tháng 11/1930, do có kẻ phản bội khai về những hoạt động của nhóm hoạt động ở nhà thương, mật thám Pháp đã ập đến nhà thương bắt chị Vinh. Ngày ấy, tờ báo Đông Pháp ra ngày 7 tháng 11 năm 1930 đã đưa tin:

“... Sáng nay lại bắt cô đỡ nhà thương tên là Nguyễn Thị Vinh và em gái cô là Nguyễn Thị Hiến. Chính cô Vinh đã báo cho bà Nguyễn Thị Thuận, là người quốc sự phạm vượt ngục hồi nọ. Cả hai chị em cô Vinh đã bị tổng giam để xét xử về tội âm mưu làm rối loạn an ninh công cộng.”

Sau khi chị Vinh, chị Hiến bị thực dân Pháp bắt, hoạt động cách mạng trong nhà thương lắng hẳn xuống. Nhưng các cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân và nông dân thành phố vẫn tiếp diễn, tác động trực tiếp đến thầy thuốc và nhân viên nhà thương, lôi cuốn họ tham gia ủng hộ cách mạng. Sáng ngày 31/7/1932, mặc dù các ngã đường đều bị cấm, binh lính đầy đường, dân chúng thành phố, trong đó có thầy thuốc, nhân viên, bệnh nhân ở nhà thương đã kéo đến công đề lao biểu tình phản đối thực dân Pháp thi hành án tử hình đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lân.

Phát xít Nhật đổ bộ vào Hải Phòng, rồi Nhật – Pháp đánh nhau. Phong trào giải phóng dân tộc lúc mạnh lúc yếu, lúc lên lúc xuống... Rồi cách mạng bùng nổ trong những ngày tháng Tám năm 1945 lịch sử. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, từ sáng sớm, dân chúng các xóm thợ, đường phố, nông thôn kéo về Nhà hát lớn thành phố mít tinh giành chính quyền. Bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên được cử làm chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời. Các thầy thuốc, y tá, hộ sinh, y công của nhà thương cũng chỉnh tề trong đội ngũ của mình. Khí thế cách mạng đã làm họ hăng say, nhiệt tình tham gia giải quyết khó khăn, xây dựng chế độ mới. Đất nước được độc lập, nhà thương được mở rộng, thầy thuốc được đào tạo.

Sau hơn một năm, ngày 20 tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp nổ súng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn miền Bắc, đánh chiếm trở lại Hải Phòng. Nhiều lớp huấn luyện cấp tốc về cứu thương cho tự vệ, thanh niên khu phố được mở kịp thời. Nhiều thầy thuốc và nhân viên y tế tham gia bộ đội, cứu chữa và phát thuốc cho chiến sĩ và nhân dân bị tai nạn. Họ có mặt ở những nơi xảy ra chiến sự ác liệt. Sau đó, một số thầy thuốc, nhân viên y tế đã ra đi kháng chiến. Những người vì hoàn cảnh riêng, ở lại, vẫn tận tụy làm chuyên môn nghiệp vụ chữa bệnh cho nhân dân. Một số y tá và thầy thuốc vẫn bí mật đưa cán bộ, bộ đội vào nhà thương chữa bệnh, băng bó vết thương và giúp họ thoát khỏi sự truy lùng của địch. Công đoàn thành phố đã xây dựng được cơ sở và đoàn viên tích cực trong nhà thương. Các anh, chị Thúy Hạnh, Nguyễn Như Đồng, Lê Thị Nguyệt, Lê Văn Tiểu, Nguyễn Thị Định, Hoàng Thị Ty... sau tiếp

quản thành phố, là những đoàn viên công đoàn đầu tiên của ngành y tế thành phố.

LIÊN HIỆP CÔNG ĐOÀN
HAI - PHÒNG

SỐ 74 / ĐO

Hải-phòng ngày 9- 12 - 1954

BAO CAO ĐẠO BIẾT

Tình hình nhà thương chính

1) Ngày 7 - 12 - 1954 định cho rở những tên ở nhà thương chính, nhưng chưa thấy chúng mang đi, có lẽ chờ ngày mai không có gì nó sẽ chuyển. Thời gian nó rở hết cấp tốc có từ sáng đến chiều đi xong 1 số gian.

Đối phó việc này, cơ sở ta vẫn vận động, giải thích rộng rãi trong cơ sở và nhân dân để phòng và chuẩn bị đấu tranh.

Đề nghị Thành ủy báo cho bộ phận chính ở đây có nhiệm vụ theo sát và đấu tranh.

2) Hiện nay Tổ Quốc ở Hotel Cát Bi Hảiphong lại ở trên gác mà ở dưới có mấy tên tây lai và lính Pháp ở gác ở đó, nếu bị đưa đến nó không cho lên gác và nó la hét đi, có khi nó trở lại phải làm bằng tiếng gào, nó mới nhận. Có việc cạnh gác của bọn tây lai và lính Pháp như vậy, nó làm cho nhân dân rất nhiều cho việc đưa đến tổ chức để đấu tranh của ta.

Đề nghị trên viết thư cho Ủy Ban Liên Hợp đấu tranh đề nghị Tổ quốc ở Hảiphong phải dời đến ở ngoài cửa và cử người của Tổ quốc ở thường trực để nhận đón của nhân dân.

T/L Ban Thường vụ LHCD Hảiphong

Hội nhận:

- Kim, TĐ, TĐĐ (để báo về đề nghị oan thối)
- Hướng chức để trao đổi tình hình
- Lưu

Báo cáo đặc biệt của Liên hiệp Công đoàn thành phố về tình hình Nhà thương chính

Tháng 5/1954, chiến thắng Điện Biên Phủ và sau đó hiệp định Giơnevơ được ký kết. Miền Bắc được giải phóng, Hải Phòng là địa bàn tập kết 300 ngày để quân đội Pháp rút lui. Những ngày cuối cùng, chúng ráo riết thực hiện âm mưu thâm độc với người, cướp của, phá hoại sản xuất, hòng biến Hải Phòng thành thành phố chết. Chúng ép các công sở nhà máy tháo dỡ máy móc mang đi, bắt công chức, công nhân kỹ thuật... ký đơn xin di cư, cưỡng ép dụ dỗ mọi người di cư vào Nam. Khắp nơi trong thành phố, công sở, xưởng thợ, bệnh viện... dân chúng nổi dậy đấu tranh. Hai cuộc đấu tranh ở Phòng khám chữa răng (ngày 29 và 30 tháng 11 năm 1954) và Nhà thương chính (ngày 4 tháng 1 năm 1955) là hai cuộc điển hình của toàn ngành thành phố. Nhiều thầy thuốc, nhân viên nhà thương tích cực vận động nhau không mắc mưu địch, bí mật

chuyển tài liệu, máy móc, dụng cụ chuyên môn ra vùng tự do, cung cấp tình hình và âm mưu địch cho ủy ban quân chính tiếp quản thành phố.

Ngày 27 và 28/11/1954, địch cho đóng hòm định lấy dụng cụ và phương tiện chuyên môn ở phòng khám đa khoa Vườn hoa, anh chị em kịp thời báo cho ủy ban tiếp quản. Tám giờ sáng ngày 29/11/1954, số đông anh chị em y tá, nhân viên Vườn hoa, Nhà thương chính, Trạm phát thuốc Hạ Lý kéo đến giữ máy móc. Cùng lúc đó, một bộ phận đưa đơn có 180 chữ ký lên ủy ban giám sát Quốc tế. Mười giờ, lực lượng an ninh, biệt động, cảnh sát địch đến bao vây, đánh đập dã man và bắt đi một số nhân viên tích cực. Một giờ chiều, dân chúng ở các nơi đổ về tới vạn người, chật ních cả hai dòng Bon-nan (Nguyễn Đức Cảnh) và Xa-vat-xi-ơ (Quang Trung). Khẩu hiệu đấu tranh là đòi thả người bị bắt, bồi thường cho những người bị đánh, không được tháo dỡ máy móc. Sáng ngày 30/11/1954, quần chúng lại kéo đến đông hơn. Kẻ thù nhận thất bại, phải ký vào biên bản của ủy ban giám sát Quốc tế và thả những 5 người để tra xét, không có chứng cứ đành phải thả. Ở nhà thương chính, từ ngày 25/12/1954, lính địch đã đến đóng hòm và tháo dỡ phương tiện y tế, khủng bố nhiều anh chị em cơ sở công đoàn và quần chúng tích cực. Số anh em này có khoảng 50 người nhưng lại làm việc rải rác nhiều nơi. Đầu tháng 1/1955, chúng bắt 10 người là y tá và nhân viên ở một số hòng. Số anh chị em khác được báo trước đã thoát ra khu tự do.

Trưa ngày 4/1/1955, được tin xe nhà binh Pháp đến chuyển máy móc xuống tàu mang đi, dân chúng thành phố đã kéo đến bao vây. Địch huy động nhiều bảo chính đoàn, lính sen đầm đến khủng bố, bắt bớ và ngăn chặn các ngã đường. Sáng sớm ngày 5/1/1955, dân chúng đến lẻ lẻ, lấy cớ thăm hoặc đưa cơm, quà bánh cho người nhà, phân tán vào các khoa, phòng, chờ đấu tranh bên ngoài nổ thì phối hợp. Binh lính địch đến đàn á dã man và chúng đã mang đi được một số hòm máy. Các ngày tiếp theo, từ 6 đến 11/1/1955, mặc dù ủy ban giám sát Quốc tế đã ghi nhận số máy móc còn lại, lính Pháp vẫn điên cuồng đàn áp đấu tranh, đem đi nhiều máy móc quý. Suốt gần một tháng đấu tranh với địch, mặc dù trên hai người bị bắt và tra tấn đánh đập, anh chị em nhân viên nhà thương luôn tin tưởng vào Chính phủ kháng chiến, quyết tâm giữ máy móc, dụng cụ chuyên môn để có điều kiện phục vụ nhân dân.

Ngày 13/5/1955, một ngày hè đẹp trời, các tầng lớp nhân dân Hải Phòng ủa ra đường chào đón những chiến sĩ và cán bộ vào tiếp quản thành phố. Hải Phòng được giải phóng. Nhà thương thành phố trở về với nhân dân.

CHƯƠNG II

BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ

I. NHỮNG NGÀY ĐẦU TIẾP QUẢN

Hải Phòng là khu 300 ngày, địa bàn cuối cùng của quân viễn chinh xâm lược Pháp tập kết và rút vào Nam theo Hiệp định Giơnevơ năm 1945.

Từ trước ngày 13 tháng 5 năm 1955, đoàn cán bộ tiếp quản ngành y tế đã được lệnh vào thành phố nhận bàn giao các cơ sở y tế từ Pháp, vận động nhân viên y tế làm việc ở bệnh viện và nhân dân đấu tranh chống địch tháo dỡ máy móc và cưỡng ép nhân viên kỹ thuật di cư vào Nam.

Trước ngày này tình hình bệnh viện vô cùng rối ren, ngày nào cũng có những cuộc bắt bớ, khám xét, ô tô mật thám, phòng nhì, binh lính chạy bừa bãi trên các con đường trong bệnh viện. Bệnh nhân tự động ôm chân chiếu rời khỏi các phòng bệnh. Nhân viên một số đi Nam, một số mang gia đình lánh ra các huyện ngoại thành, số trung kiên hoạt động trong các đường dây của Liên hiệp công đoàn hoặc Thành ủy thì bám trụ tại các khoa phòng, giữ gìn máy móc chờ Chính phủ vào tiếp quản.

Pháp rút đi để lại một “nhà thương chính” tiêu điều, trống rỗng, các khoa, phòng ngợp ngụa rác rưởi.

Bác sĩ Bùi Đồng được Bộ Y tế giao nhiệm vụ trưởng đoàn y tế tiếp nhận bàn giao các cơ sở y tế Hải Phòng. Ông cũng là giám đốc Sở Y tế kiêm giám đốc Bệnh viện, bác sĩ Vũ Tiến Thọ, phó giám đốc Sở Y tế, phụ trách công tác phòng bệnh phòng dịch của ngành, đồng thời trực tiếp phụ trách khoa lây bệnh viện, dược sĩ Lê Đăng Đệ phụ trách công tác dược toàn ngành và khoa dược của bệnh viện. Vào những ngày đầu hòa bình lập lại, một số cán bộ có chuyên môn sâu thường phải đảm nhiệm nhiều chức năng nhiệm vụ, vừa của toàn ngành vừa của bệnh viện.

Trực tiếp điều hành bệnh viện còn có bác sĩ Phạm Thụy Liên thay mặt giám đốc về đối ngoại, đồng thời là trưởng khoa Ngoại. Bác sĩ Hồ Công Nghĩa phó giám đốc thường trực kiêm phụ trách khoa Sản, khoa X quang.

Số y sĩ, dược sĩ, y tá từ vùng kháng chiến về tiếp quản bệnh viện khoảng hơn mười người và trên ba mươi người khác gồm cán bộ tổ chức, quản trị hành chính và nhân viên tạp vụ.

Số anh chị em nhân viên bệnh viện tản mát đi nhiều nơi dần dần trở lại làm việc. Số này có khoảng trên 60 người gồm 20 y tá, 3 nữa hộ sinh, 10 học sinh y tá học dở dang, 10 y công và trên 20 nhân viên hành chính, kế toán, thợ mộc, nề, điện, nước, lái xe hầu hết là những người đã tích cực tham gia đấu

tranh với địch, nhiều anh chị em đã ra khu giải phóng học tập rồi cùng đoàn vào tiếp quản bệnh viện.

Lúc này bệnh viện được sắp xếp lại, không còn là hai khu vực, một của lính Pháp, một của người Việt như trước, nên nhất loạt phải bố trí lại các khoa phòng. Chỉ trong hai ngày kể từ ngày vào tiếp quản, ra đã triển khai được các khoa Nội, Ngoại, Tai mũi họng, Nhà hộ sinh, Phòng khám và nhập viện, khoa Dược, Phòng xét nghiệm đã đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của cán bộ và nhân dân.

Trong điều kiện cán bộ chuyên môn trung, cao cấp thiếu nên mỗi y sĩ thường phải phụ trách một hoặc hai khoa. Tình trạng này kéo dài đến gần hết năm 1955.

Mặc dù có nhiều khó khăn về người và phương tiện chuyên môn kỹ thuật, bệnh viện vẫn triển khai được 100 giường bệnh. Số biên chế cũng đã lên tới 150 người.

Tổ Đảng đầu tiên gồm các đồng chí Trần Vinh, cán bộ chính trị làm bí thư, bác sĩ Phạm Thụy Liên, y sĩ Nguyễn Đình Quế, y sĩ Phạm Văn Nông, dược sĩ Nguyễn Kim Chấn, y tá trưởng Bùi Thúy Hạnh.

Mười hai ngày sau tiếp quản, Liên hiệp công đoàn thành phố tổ chức cho những anh chị em ở lại, những người có thành tích đấu tranh với địch, học tập điều lệ của tổ chức công đoàn. Ngày 25 tháng 5 năm 1955, công đoàn bệnh viện ra đời gồm một số đoàn viên từ kháng chiến trở về và 22 đoàn viên mới do anh Lê Văn Tiểu và chị Lê Thị Nguyệt phụ trách. Đây cũng là một công đoàn cơ sở được thành lập sớm nhất của thành phố sau tiếp quản.

Hải Phòng làm một thành phố công nghiệp, đội ngũ công nhân và người lao động trong các nhà máy, xí nghiệp, cảng rất đông. Những anh chị em này, trong những năm địch tạm chiếm, phải lao động quá sức nên tình trạng ốm đau bệnh tật nhiều. Để bệnh viện có thể phục vụ được tốt, Bộ Y tế đã liên tiếp điều về Hải Phòng nhiều cán bộ trung, cao cấp đồng thời thành phố cũng đầu tư kinh phí tạo điều kiện mở rộng cơ sở làm việc, mua sắm thuốc men, y, dụng cụ. Do thiếu thầy thuốc có chuyên môn sâu và máy móc chuyên dùng, cả thành phố mới có một bệnh viện hoạt động, mạng lưới y tế khu phố chưa có, số bệnh nhân có nhu cầu khám bệnh và nằm viện gấp nhiều lần so với khả năng, nên các khoa, phòng thường phải ghép nhiều loại bệnh nhân, không phân biệt người lớn, trẻ em. Khoa nội có 3 nhà phải nhận điều trị tất cả các bệnh nhân nội khoa, thần kinh, lây, trẻ em và chỉ có 1 y sĩ, 5 y tá, 2 hộ lý, một giường thường phải nằm đôi, nằm ba.

Khoa ngoại gồm phòng mổ và khu nhà hai tầng (chưa mở rộng ra hai cánh

cho các phòng 7 và 9 sau này), chưa có chuyên khoa riêng nên có bệnh nhân nhập viện là sắp xếp vào bất cứ phòng nào miễn là có giường trống. Toàn khoa có một bác sĩ phải kiêm nhiệm nhiều việc: vừa trực tiếp điều trị, làm phẫu thuật và phục trách phòng khám. Ông còn là cán bộ lãnh đạo bệnh viện nên việc tiếp khách, họp giao ban bệnh viện... chiếm khá nhiều thời gian.

Khoa sản chỉ nhận sản phụ đến đẻ, chưa có điều trị phụ khoa và cũng không có phòng mổ riêng. Trường hợp mổ thai to, chữa ngoài dạ con hoặc đẻ khó đều chuyển sang khoa ngoại, bác sĩ khoa ngoại đảm nhiệm cả mổ đẻ.

Trang thiết bị chung toàn bệnh viện còn rất nghèo nàn. Bàn mổ, bàn đẻ đều cũ, han gỉ. Mỗi khoa có khoảng 5 bơm tiêm, kim tiêm thường xuyên phải mài lại. Phòng X quang tuy có 2 máy nhưng chỉ có 1 máy hoạt động, chụp xong trả về cho khoa xem và tự quyết định, riêng dạ dày sau khi chụp phải gửi phim lên Hà Nội nhờ đọc kết quả, có khi phải chờ đợi hàng tháng. Điều này dễ hiểu vì ở đây chỉ có 2 y tá làm kỹ thuật chụp, rửa phim, không có ý bác sĩ đọc kết quả.

Giường nằm của bệnh nhân là những khung sắt lâu ngày không được sơn, nhiều cái đã gan gỉ, ván nằm bằng gỗ, nhiều cái đã mọt, rập nhiều vô kể.

Phòng được chỉ có một máy cất nước, 1 nồi hấp uớt, 2 tủ lạnh, một số giá đựng chai lọ. Công việc chủ yếu là cấp phát thuốc, hàng tuần có sản xuất dịch truyền nhưng với quy mô rất nhỏ và chất lượng thấp.

Phòng xét nghiệm chỉ làm được những kỹ thuật đơn giản như soi phân, nhuộm lam tìm một số loại vi trùng.

Bệnh viện luôn nhận được những y sĩ, dược sĩ, nữ hộ sinh vừa được đào tạo ra như: dược sĩ Tước, nữ hộ sinh Minh Tâm, các y sĩ Lê Thị Xuân Mai, Phạm Ngọc Trai, Lê Phú Huy, Lê Anh Tuấn, Hồ Vĩnh San, Nguyễn Văn Sánh, Nguyễn Như Trung, Trương Minh Lý, Tuyết Như, Đồng, Diệp, Cam...

Đầu năm 1957, khi các bác sĩ Tiệp Khắc đến Hải Phòng, Bộ Y tế đã điều về bệnh viện một số y sĩ, dược sĩ cao cấp, số đông từng là cán bộ lãnh đạo y tế tỉnh về tăng cường cho các khoa, học tập và tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật của bạn như: Hồ Tấn Phu, Hồ Văn Cung, Phan Trinh, Đinh Phùng Yêm, Trần Kiện, Bùi Sĩ Hùng, Trần Ngọc Dũng, Nguyễn Tất Tuyền, Nguyễn Lược, Hoàng Quý, Lê Doãn Hùng, Trần Đình Kỳ. Lãnh đạo thành phố còn rút một số y sĩ từ các đơn vị y tế khác trong thành phố chuyển về bệnh viện như: Đoàn Hồng Hoa, Đặng Hồi Xuân, Lã Vĩnh Quyên.

Biên chế bệnh viện từ 150 người cuối năm 1955 tăng lên 220 người vào cuối năm 1957, giường bệnh cũng tăng lên 309 giường, trong đó Ngoại khoa: 120, Nội khoa (gồm cả Nhi, Thần kinh, Lây): 125; sản: 64.

Biên chế cán bộ và giường bệnh tuy tăng gần gấp một lần rưỡi trong vòng hai năm; số cán bộ có chuyên môn cao đã được Bộ Y tế điều về khá đông; nhưng những cố gắng mà Bộ y tế ưu ái cho Hải Phòng và kinh phí thành phố đầu tư để mua sắm dụng cụ thuốc men chưa thể đáp ứng được yêu cầu khám chữa bệnh của các tầng lớp nhân dân thành phố, vì nhiều năm sống trong vùng địch tạm chiếm nhiều người mang bệnh không có đủ tiền để chữa trị. Mặt khác, hàng trăm nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất hoạt động trở lại, hàng vạn công nhân hào hứng lao động để xây dựng đất nước. Người lao động đông lên hàng ngày, điều kiện bảo vệ sức khỏe và an toàn lao động lại thiếu thốn nên tai nạn lao động xảy ra là thường xuyên.

Ở khu vực nông nghiệp, nhiều ở dịch lưu hành như thương hàn ở Thủy Nguyên, Kiến Thụy, kiết lỵ ở An Lão, Vĩnh Bảo... cũng đưa bệnh nhân đến thẳng bệnh viện. Hoạt động ra vào viện của bệnh nhân luôn căng thẳng, nhiều bệnh nhân chưa đáng cho ra viện vẫn phải cho về để lấy giường cho bệnh nhân cấp cứu nằm. Tình trạng một bệnh nhân có vết thương nhiễm trùng nằm chung với bệnh nhân vô trùng là chuyện thường xảy ra...

II. BỆNH VIỆN MANG TÊN TIỆP KHẮC (1956-1960)

Sau kháng chiến chống Pháp thắng lợi, ngày 11 tháng 6 năm 1956 Chính phủ Tiệp Khắc đã ký Nghị định thư viện trợ y tế cho Chính phủ Việt Nam xây dựng tại Hải Phòng một bệnh viện đa khoa hiện đại.

Bốn tháng sau, vào ngày 10 tháng 10 năm 1956, một đoàn chuyên gia y tế và xây dựng Tiệp Khắc gồm bác sĩ, kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng đến bệnh viện Hải Phòng tìm hiểu tình hình, tiến hành đo đạc, khảo sát, lập đồ án thiết kế, vừa xây dựng mới vừa cải tạo sửa chữa và trang bị nội thất. Đoàn đã hoàn thành đồ án thiết kế trong vòng 2 tháng mặc dù không còn một tài liệu nào về thiết kế và xây dựng trước đây để lại.

Về phía Tiệp Khắc, trưởng đoàn là bác sĩ Bradacesk (sau này là giám đốc bệnh viện), kỹ sư thiết kế Kritil, kỹ sư xây dựng Ronek, chịu trách nhiệm về hậu cần là Milan Cregr.

Bệnh viện phân công bác sĩ Hồ Công Nghĩa, phó giám đốc trực tiếp tham gia chỉ đạo chung, ông Trịnh Quang Nhân, phó giám đốc phối hợp với các chuyên gia Tiệp Khắc phụ trách xây dựng. Thành phố còn cử kiến trúc sư Nguyễn Phúc phối hợp làm việc với các chuyên gia Tiệp Khắc suốt quá trình khảo sát và xây dựng.



Cổng Bệnh viện Tiệp Khắc (1956-1960)

Đề công trình được triển khai ngay sau khi hoàn tất đồ án thiết kế, nhiều xí nghiệp Tiệp Khắc đã dành cho Việt Nam những tình cảm đặc biệt, sản xuất và cung cấp nhiều đơn đặt hàng làm ngoài kế hoạch. Ngày 1 tháng 4 năm 1957, công trường khởi công. Ngoài số vật liệu rất lớn như gạch, cát, đá, sỏi, gỗ, xi măng... và 300.000 công xây dựng của phía Việt Nam, Chính phủ Tiệp Khắc đã gửi sang những vật liệu quý như thép xây dựng, tấm lợp, gạch men, kính, toàn bộ trang bị cho một bệnh viện về mặt hậu cần, cũng như trang bị kỹ thuật đủ cho các khoa chuyên môn phát triển ở trình độ cao khi đó, tương đương như trang bị cho một bệnh viện cùng cấp tại Tiệp Khắc; những thứ gì bạn không có hoặc không sản xuất kịp thì gửi mua ở Đức, Ba Lan, Trung Quốc và Hồng Kông.

Diện tích mới làm là 17.167 m² và diện tích cần nâng cấp sửa chữa là 11.467 m² cho cả 4 khu: Bệnh viện chính, khu Sản- Mổ, khu Nhi khoa và các kho tàng, hội trường. Khoa Lao (sau này là Nội I), khoa Truyền nhiễm làm mới trên đất rộng. Có những cơ sở vật chất hết sức tốn kém như khu xử lý nước thải, toàn miền Bắc mới có ở bệnh viện Hải Phòng.

Công trình đã chi hết 5 tỉ đồng (thời giá 1959), trong đó 3 tỉ đồng là máy móc y tế, thiết bị, vật liệu do phía Tiệp Khắc cung cấp.



Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch và đại diện chính phủ Tiệp Khắc trong lễ khánh thành bệnh viện 29-1-1959

Sau gần 2 năm xây dựng, ngày 29 tháng 1 năm 1959 bệnh viện tổ chức lễ khánh thành. Dự lễ về phía Tiệp Khắc có đại sứ Alej Voltr và các chuyên gia y ế và xây dựng, phía Việt Nam có bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Bộ Y tế, bác sĩ Vũ Đình Tụng, Bộ trưởng Bộ thương binh – xã hội,



đại diện Bộ Ngoại giao và nhiều khác trung ương và thành phố. Bộ trưởng Phạm Ngọc Thạch đã phát biểu: “Bệnh viện này ngay từ đầu đã tượn trung cho tình thân hữu nghị hai nước và sẽ mãi mãi là biểu tượng của sự đoàn kết quốc tế

đó”.

Đi đôi với công việc xây dựng mới, cải tạo và sửa chữa hàng chục nhà cũ, bạn đã rất chú ý đến việc trang bị kỹ thuật, tất cả máy móc đều là loại mới sản xuất, hiện đại nhất được đưa vào các khoa lâm sàng, các bàn mổ, phòng nội soi, các khoa xét nghiệm, X quang, vật lý trị liệu, các phòng chữa răng và sản xuất thuốc. Các phương tiện phục vụ và nuôi dưỡng người bệnh được trang bị hoàn hảo giúp người bệnh thoải mái trong thời gian nằm viện. Thuốc men được cung cấp đầy đủ cho yêu cầu của điều trị, các phương tiện vệ sinh, sát trùng, tẩy uế, vệ sinh môi trường rất được chú ý, quần áo nhân viên và bệnh nhân được cung cấp đầy đủ, sau khi giặt là được chuyển đến tận nơi người dùng.

Theo nhận xét của Bộ Y tế: *trong thời gian này, bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp là một bệnh viện được bị tốt nhất, đồng bộ nhất, tạo được điều kiện chăm sóc tốt nhất cho người bệnh ở miền Bắc.*

Để duy trì và đưa chất lượng bệnh viện nhanh chóng lên trình độ kỹ thuật cao, trong điều kiện ta còn thiếu nhiều cán bộ chuyên môn kỹ thuật, Tiệp Khắc đã đưa hàng trăm lượt bác sĩ, y tá trưởng sang làm việc trực tiếp ở từng khoa, phòng, người nào nhiệm vụ ấy nhằm kèm cặp, đào tạo, xây dựng quy trình phục vụ chính quy hiện đại. Mặc dù phải khắc phục những khó khăn về thời tiết, khí hậu nóng ẩm của ta, những chuyên gia Tiệp Khắc đã làm việc hết sức mình, ngày cũng như đêm, khoa phòng nào có bệnh nhân nặng là có mặt. Điều đáng quý là bạn đã tận tình bồi dưỡng nghề nghiệp, nhanh chóng chuyển giao kỹ thuật cho y bác sĩ Việt Nam. Những chị em y tá Tiệp Khắc làm việc không ngại vất vả bần thủ, thường mọi công việc từ bình thường đến phức tạp họ đều làm mẫu và hướng dẫn y tá Việt Nam cùng làm. Các chị còn hướng dẫn y tá Việt Nam qui trình phục vụ một phòng bệnh cho từng ca làm việc, cách săn sóc bệnh nhân các loại, từ việc nhỏ như đánh răng, rửa mặt, làm vệ sinh thân thể, thay ga giường, vận chuyển bệnh nhân... đến thay băng bệnh nhân mổ, truyền dịch, truyền máu, nhất nhất đúng bài bản, nghiệp vụ. Bệnh viện một thời là điểm tham quan học tập về lề lối làm việc chính qui tiên tiến, những kinh nghiệm về quản lý khoa, phòng, chuyên môn kỹ thuật, tổng kết chuyên môn và nghiên cứu khoa học của các cơ sở y tế nửa nước phía Bắc.

Do nhu cầu quản lý một công trình lớn và hiện đại nên Bộ Y tế đã lần lượt điều về bệnh viện một lực lượng lớn cán bộ có chuyên môn sâu, phần lớn được đào tạo từ trước cách mạng. Đầu năm 1956, bác sĩ Đỗ Quang từ bệnh viện Phủ Doãn về thay thế bác sĩ Phạm Thụy Liên trở lại Hà Nội. Năm 1958, các bác sĩ Phạm Như Trác, Nguyễn Trọng Tuệ, Trịnh Đình Cung, Nguyễn Hiền Mão, Trần Quang Soạn, Bùi Xuân Diêu, Nguyễn Bá Thịnh là những thầy thuốc có thâm niên công tác trong ngành, trình độ kỹ thuật cao, từng phụ trách các ty, sở Y tế

tỉnh, khu về bệnh viện làm chủ nhiệm các khoa, tiếp thu kỹ thuật và thay thế dần số chuyên gia y tế Tiệp Khắc về nước.

Nhằm tận dụng khả năng chuyên môn cao của chuyên gia Tiệp Khắc trong thời gian bạn làm việc tại bệnh viện Hải Phòng, Bộ Y tế tổ chức một lớp đào tạo y sĩ cao cấp khóa 1 của ngành, gồm 40 y sĩ quân, dân y được đào tạo trong kháng chiến chống Pháp về học 1 năm để tiếp cận với y học hiện đại, sau đào tạo có khả năng đảm nhiệm các nhiệm vụ chủ yếu của các bệnh viện, ty, sở Y tế tỉnh, thành phố.

Bệnh viện cũng hoàn chỉnh dần dần các khoa, phòng, hình thành một bệnh viện nhiều chuyên khoa có chức năng riêng, có tổ chức bộ máy phù hợp như thành lập khoa RMH, khoa xét nghiệm được tách làm hai khoa (khoa Sinh hóa và khoa Vi sinh vật), khoa Thần kinh, khoa Lây, khoa Nhi (hệ nội) tách ra làm các khoa riêng biệt. Khoa sản tiếp thu cơ sở của bệnh viện Lao động xây dựng thành một khu hoàn chỉnh về Sản – Phụ khoa.

Trong suốt quá trình hoàn chỉnh bệnh viện, Bộ Y tế tiếp tục điều về Hải Phòng nhiều cán bộ để mở rộng hoạt động, tạo điều kiện để các bác sĩ mới ra trường có cơ sở tốt để làm việc và bổ sung kiến thức.

Năm 1960, lớp bác sĩ và dược sĩ khóa đầu tiên của trường Đại học Y, Dược Hà Nội ra trường sau hòa bình, mặc dù số lượng không nhiều nhưng Bộ Y tế đã điều về bệnh viện Hải Phòng các bác sĩ Đỗ Phú Đông, Hoàng Long Phát, Nguyễn Văn Tân, Hoàng Thúc Thùy, Vũ Khánh, Lê Diễm, Nguyễn Huy Thiêm, Đặng Phương Kiệt. Nhiều cán bộ phụ trách các đơn vị y tế nhiều nơi khác cũng được điều về như bác sĩ Vũ Đình Hải, Vũ Văn Vĩnh, Trần Luật (1960), Nguyễn Đức Lung (1963). Năm 1962, 1963 một số bác sĩ chính quy tiếp tục về như Nguyễn Duy Quảng, Trần Thạch, Nguyễn Linh, Vũ Bích Nga, Hoàng Thế Cường, Nguyệt Ánh v.v...

Qua tình hình trên ta thấy được những năm đầu sau hòa bình lập lại, bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng là cơ sở đào tạo và bổ túc nghề nghiệp tốt nhất, ở đây các thầy thuốc có điều kiện làm quen với các phương tiện máy móc chuyên môn hiện đại. Mặt khác, bệnh viện Việt Tiệp còn là một cơ sở tổ chức được lẻ loi làm việc chính quy khoa họ, người bệnh được chăm sóc tốt về mọi mặt.

Thời gian này, nhiều bác sĩ chuyên môn giỏi của bệnh viện được lệnh đi tăng cường cho những vùng thiếu thầy thuốc (Đỗ Quang, Hoàng Quỳ), vào Nam phục vụ và chiến đấu (Hồ Tấn Phi, Hồ Cung, Phan Trinh, Bùi Sỹ Hùng, Đoàn Hồng Hoa). Một số đi giúp nước bạn (Nguyễn Lược đi Lào năm 1962, Nguyễn Bá Cẩn, Võ Thị Xuân Trà đi Mali năm 1963).

Cuối năm 1962, bác sĩ Bùi Đồng, giám đốc Sở Y tế kiêm giám đốc bệnh

viện về Hà Nội, bác sĩ Nguyễn Minh Tâm- Viện trưởng Viện quân y 108 về thay.

Sự trưởng thành của bệnh viện có công sức đáng kể của anh chị em trung, sơ cấp. Nhờ tích cực học hỏi và tinh thần giác ngộ lao động, lòng yêu nghề và ý thức tổ chức kỷ luật làm nền tảng cho một bệnh viện chính qui (sắp xếp lịch làm việc cho từng người trong ngày, trong tuần; qui trình làm việc theo ca, kíp; chế độ chăm sóc người bệnh về ăn uống, vệ sinh thân thể, chế độ vô trùng v.v...) nên bệnh viện Việt Tiệp sớm trở thành mô hình học tập của toàn ngành và bệnh viện nhiều tỉnh bạn.

Tiệp Khắc không chỉ giúp đỡ về của cải vật chất xây dựng hoàn chỉnh một bệnh viện hiện đại, mà điều đáng quý lớn lao khác là các bác sĩ và cán bộ chuyên môn bạn đã đào tạo và kèm cặp cán bộ chuyên môn của ta làm quen với công việc quản lý một bệnh viện đông cán bộ, nhiều chuyên khoa; tiêu biểu nhất phải kể đến:

- Bác sĩ Bradacék, người trực tiếp tham gia vào đoàn khảo sát đầu tiên, giám đốc bệnh viện đến năm 1958. Và bác sĩ Smid, người thay thế

- Khoa Nội: bác sĩ Rosenhal.
- Khoa Ngoại: các bác sĩ Cakl, Kropack, Lauffer, Fridler.
- Khoa Nhi: bác sĩ Krutan
- Khoa Sản: bác sĩ Navratil, bác sĩ Kroutava
- Khoa Lây: bác sĩ Pattouva, bác sĩ Mirovsky
- Khoa giải phẫu bệnh: bác sĩ Broz
- Khoa Sinh hóa: kỹ sư Mirakos Antonin.
- Khoa Vi sinh vật: bác sĩ Vladimir Séry
- Khoa Thần kinh: bác sĩ Honek
- Khoa Quản trị; đồng chí Honek

Nhưng nổi bật lên là quản trị trưởng, luật sư Milan Greg. Ông có tấm lòng ưu ái đặc biệt với nhân dân Việt Nam. Là người điều hành khối lượng tiền và vật tư lớn, ông đã tìm mọi cách để làm được nhiều việc với chất lượng tối đa. Ông không nề hà bất cứ việc gì, hàng ngày đi kiểm tra trật tự vệ sinh, chất lượng máy móc, điện, nước ở bất cứ góc ngách nào, từ nhà tắm, hố xí đến các buồng làm việc, đâu hỏng hóc thiếu thốn gì là ông kịp thời cho người đến sửa chữa thay thế. Ông rất quan tâm đến việc giáo dục khuyến bảo công nhân Việt Nam về tổ chức và ý thức trách nhiệm làm việc, tạo mọi điều kiện cho cán bộ chuyên môn phục vụ tốt bệnh nhân và khi cần thiết ông sẵn sàng ghé vai khiêng

vác cùng anh em công nhân. Ở Việt Nam cũng như ở Tiệp Khắc ông luôn nhận mình là con của Hồ Chủ tịch, cũng vì vậy khi nghe tin Mỹ ném bom Việt Nam, giết hại nhiều đàn bà trẻ em vô tội, ông đã xin tình nguyện sang Việt Nam chiến đấu. Rồi khi cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam thắng lợi, ông đã bay sang ngay tìm hiểu tình hình bệnh viện, lo viện trợ để tái thiết bệnh viện. Ông còn là người góp phần quyết định vào việc kết nghĩa giữa thành phố Hải Phòng với khu Bắc Morava.

Luật sư Milan Gregr, nguyên quản trị trưởng bệnh viện đã được Nhà nước tuyên dương công trạng và tặng Huân chương Hữu nghị vào ngày 29/1/1984 (khi ông đã mất).

Năm 1959, các chuyên gia y tế Tiệp Khắc lần lượt về nước. Công việc quản lý và điều hành bệnh viện hoàn toàn do cán bộ nhân viên Việt Nam đảm nhiệm. Nhờ sự chuẩn bị chu đáo về nhân sự và ý thức trách nhiệm của bạn trong quá trình bàn giao, mọi công việc chuyên môn kỹ thuật và tổ chức quản lý được tiếp nối hết sức tốt đẹp. Tuy nhiên trên tinh thần thực sự cầu thị ta đã yêu cầu một số chuyên gia Tiệp Khắc ở lại làm việc với tư cách là các thầy thuốc chuyên khoa cho tới năm 1964. Cùng thời gian này, được sự đồng ý của Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân Thành phố, bệnh viện Tiệp Khắc đã đổi tên thành bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

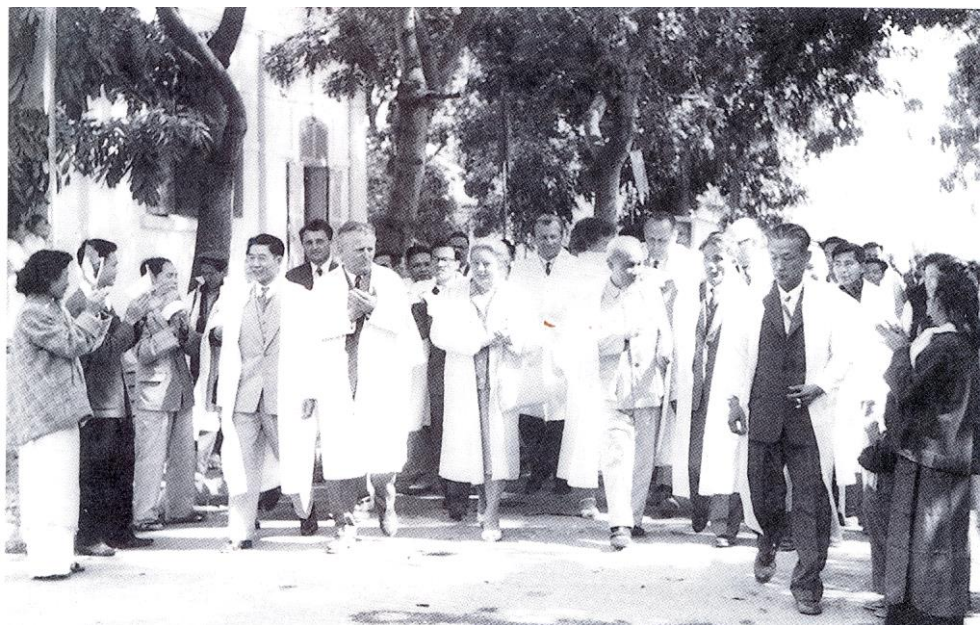
III. BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Sau Đại hội Đảng lần thứ ba, miền Bắc bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1960-1965). Thời kỳ này bệnh viện là cơ sở y tế được trang bị tốt, là trung tâm điều trị và nghiên cứu khoa học của thành phố và miền Duyên hải. Nhờ sự giúp đỡ của các chuyên gia y tế Tiệp Khắc, các thầy thuốc bệnh viện đã bước đầu thấy được nhiệm vụ của một cơ sở y tế không chỉ thu mình trong bốn bức tường của bệnh viện mà phải mở rộng hoạt động ra toàn khu vực, tham gia cùng thành phố phòng chống dịch bệnh để nâng cao hiệu quả chữa bệnh. Lúc này mạng lưới các phòng y tế huyện, thị xã, khu phố rất mỏng, khả năng chuyên môn non kém nên bệnh nhân từ khắp nơi dồn về bệnh viện rất đông, khiến việc phục vụ luôn căng thẳng vì quá tải.



Hồ Chủ tịch, Chủ tịch Nôvôtny về thăm bệnh viện năm 1963. (Đi cùng Bác có một số lãnh đạo Thành phố: Trần Kiên, Hoàng Hữu Nhân và lãnh đạo bệnh viện Hồ Công Nghĩa, Hồ Trọng Bảo)

Phấn đấu thực hiện kế hoạch Nhà nước, thi đua với các điển hình tiên tiến trong công nghiệp và nông nghiệp như Tổ đá nhỏ ca A, Nhà máy cơ khí Duyên hải, bệnh viện đã tổ chức thao diễn kỹ thuật xây dựng những mẫu mực về tinh thần phục vụ và cải tiến lề lối làm việc sao cho thật hợp lý khoa học, đem lại lợi ích cao nhất cho người bệnh. Các tổ phòng đẻ, tổ phòng máu trở thành mẫu mực về thi đua toàn diện của ngành. Tổ phòng đẻ được công nhận là tổ lao động XHCN,



Đồng chí Hoàng Hữu Nhân, Bí thư Thành ủy Hải Phòng, đồng chí Trần Kiên, Phó Bí thư Thành ủy và đồng chí Hồ Công Nghĩa, Phó giám đốc bệnh viện hướng dẫn Hồ Chủ tịch và Chủ tịch Nôvôtny đi thăm một số khoa phòng

một trong 7 tổ của thành phố được tuyên dương và tặng thưởng Huân chương Lao động vào đầu năm 1962 (thành tích của năm 1961). Tổ phòng đẻ cũng là tổ lao động XHCN đầu tiên của ngành y tế cả nước.



Kỷ niệm ngày Quốc khánh Tiệp Khắc

Tháng 10 năm 1962, do yêu cầu bảo vệ sức khỏe cán bộ lãnh đạo, Ban bảo vệ sức khỏe thành phố được thành lập, Phòng khám được đặt tại Đa khoa bệnh viện Tiệp Khắc. Bác sĩ Nguyễn Đình Quế được giao nhiệm vụ ủy viên thường trực, phụ trách phòng khám

Để phục vụ cho nhiệm vụ này, khoa Nội IV bệnh viện được thành lập có 20 giường (đặt tại khoa Nội I, do bác sĩ Lê Doãn Hùng phụ trách).

Phong trào thao diễn kỹ thuật trong anh chị em trung, sơ cấp có tác dụng nhân ra toàn ngành. Tất cả các bệnh viện đều được tập huấn về chuyên môn và thao diễn, với chủ đề “giành hoa hồng dâng Bác”. Nhiều điển hình như y sĩ Anh Hoa (tổ đỡ đẻ), y tá Trần Hộ khoa ngoại, Tăng Thị Mai bệnh viện Kiến An... đều trưởng thành trong phong trào này. Trong những năm này bệnh viện có phong trào văn hóa quần chúng khá sôi nổi. Đội kịch nói của bệnh viện đã được thành phố tặng giải thưởng, đã đi phục vụ ở một số đơn vị y tế các tỉnh Quảng

Ninh và Hà Nội.

Trong phong trào thi đua yêu nước, xây dựng tổ đội XHCN đã xuất hiện nhiều y, bác sĩ, y tá, hộ lý là những người lao động tiên tiến xuất sắc, phấn đấu không mệt mỏi vì hạnh phúc của nhân dân. Vào những ngày tháng đó, Bệnh viện đã vinh dự được đón Bác kính yêu về thăm.

Ngày 23 tháng 1 năm 1963, một sự kiện đặc biệt đến với bệnh viện, Hồ Chủ tịch, đồng chí Nôvôtny, chủ tịch nước cộng hòa XHCN Tiệp Khắc đến thăm.

Cùng đi với Bác có Bộ trưởng Y tế Phạm Ngọc Thạch và nhiều cán bộ cao cấp Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Thành ủy, Ủy ban hành chính thành phố.

Đúng 9 giờ đoàn xe đến cổng, đi đầu xe của Bác và chủ tịch Nôvôtny.

Tại hội trường, sau khi hỏi thăm sức khỏe và đời sống cán bộ công nhân viên, nghe đồng chí phó giám đốc Hồ Công Nghĩa báo cáo một số nét chính về tình hình bệnh viện. Bác nói:

-... Bác khen các cô, các chú ở nhà thương này... Các cô các chú có nhà thương hiện đại mà chưa có phong trào thi đua tốt. Còn kia, bệnh xá Vân Đình ở nhà quê lại có phong trào thi đua tốt. Vậy các cô, các chú có tham thi đua với bệnh xá Vân Đình không?

Mọi người hô vang: Thi đua.

Ở hội trường ra, đồng chí Hoàng Hữu Nhân, bí thư Thành ủy, chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, bác sĩ Hồ Công Nghĩa, đã hướng dẫn Bác và chủ tịch Nôvôtny đi thăm khoa Nội, khoa Dược và Đa khoa.

Sự kiện Bác Hồ về thăm bệnh viện và những lời Bác khuyên răn là mục tiêu, nguồn cổ vũ lớn lao cho bệnh viện những bước đi sau này trở thành bệnh viện thi đua xuất sắc, đơn vị lá cờ đầu của bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, thành phố cả nước.

CHƯƠNG III

VỪA CHỮA BỆNH, VỪA SƠ TÁN

GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI

CỦA GIẶC MỸ (1965-1975)

I. NHỮNG NĂM THÁNG CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA GIẶC MỸ

Thất bại nặng nề ở miền Nam, ngày 5 tháng 8 năm 1964, Mỹ dựng lên “sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, lấy cơ ném bom trả đũa miền Bắc Việt Nam. Từ tháng 2 năm 1965, các cuộc ném bom cứ leo thang dần từ Quảng Trị lên phía Bắc, Ngày 26 tháng 3 năm 1965 chúng cho máy bay đánh phá Bạch Long Vĩ.

Ban Thường vụ Thành ủy đã có hội nghị về công tác y tế thời chiến, chỉ đạo ngành y tế chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức sang hình thái phục vụ chiến đấu đồng thời phục vụ sản xuất và bảo đảm đời sống.

Tháng 2 năm 1965, đồng chí Nguyễn Văn Luyện được Thành ủy điều động về làm bí thư Đảng ủy bệnh viện thay đồng chí Đinh Hoàng đi nhận công tác khác.

Ban chấp hành Đảng ủy họp vào tháng 4 năm 1965 đã quyết định: chuyển hướng bệnh viện từ thời bình sang thời chiến, khẩn trương chọn địa điểm sơ tán, nhanh chóng chuyển một phần cơ sở vật chất ra ngoại thành, thành lập phân viện B ở một số xã phía bắc huyện Thủy Nguyên.

Những công việc lớn trong giai đoạn này bao gồm:

- Đảm bảo cấp cứu ngoại khoa thời chiến.
- Xây dựng cơ sở sơ tán, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, giữ gìn được lực lượng cán bộ, nhân viên, máy móc.
- Đào tạo cán bộ ngoại khoa cho ngành và thành phố.
- Xây dựng được y tế huyện, giúp cho y tế huyện mau chóng trưởng thành để vừa là mạng lưới cấp cứu thời chiến vừa là điểm tựa của ngành, củng cố và nâng cao khả năng chuyên môn của y tế cơ sở.

1. Đảm bảo ngoại khoa thời chiến

Kinh nghiệm của công tác cấp cứu chiến thương và ngoại khoa thời chiến của các tỉnh phía Nam và khu 4 được Bộ Y tế tổng kết và phổ biến. Bệnh viện cũng đã cử nhiều đoàn cán bộ đi nghiên cứu tình hình bắn phá của Mỹ ở một số nơi như khu 4, Nam Định, đảo Bạch Long Vĩ. Hải Phòng là một thành phố công nghiệp, đông dân, đầu mối giao thông vận tải của các tỉnh phía Bắc và địa bàn bị chia cắt bởi hệ thống sông ngòi chằng chịt, ra vào thành phố phải qua cầu qua phà, buộc phải có phương án thích hợp.

Bước vào cuộc chiến đấu chống Mỹ bệnh viện đã thành lập 2 đội cấp cứu cơ động với phương tiện và biên chế gọn nhẹ, có xe cấp cứu sẵn sàng đến tận nơi bị bắn phá. Các chị Mai Thị Vân, Trịnh Thị Nhạ, Hoàng Thị Thoa, Đồ Thị Minh Tâm và các đồng chí lái xe Nguyễn Văn Hợi, Nguyễn Văn Hàn, Trần Hộ... Các anh chị em trên đây, lái xe cũng như y tá được huấn luyện thấu đáo về băng bó cứu thương và vận chuyển nạn nhân, họ đã có mặt tại các trận địa pháo cao xạ và tên lửa còn mù mịt khói bom để băng bó sơ cứu đưa hàng trăm chiến sĩ bị thương ra khỏi khu vực nguy hiểm. Thành tích của họ gắn liền với chiến công của các chiến sĩ ngày đêm bảo vệ thành phố, các bãi pháo Thượng Lý, Đông Khê, Đồng Hòa, Cầu Quay, Xi Măng, Niệm Nghĩa. Chị Trịnh Thị Nhạ được tặng thưởng huy hiệu Bác Hồ... nói lên phần nào công lao của đội cấp cứu cơ động bệnh viện trong những ngày đầu chiến tranh. Phương châm phục vụ của họ là: theo hướng bom rơi mà tìm đến, không đợi thông báo trên đài của chỉ huy sở phòng không vì thông tin thường bị gián đoạn vì bom đạn.

Công việc điều động cán bộ chuyên môn của bệnh viện cũng hết sức linh hoạt và hợp lý. Những y, bác sĩ đã làm ngoại khoa thì nhanh chóng tỏa ra các tuyến. Tùy theo trình độ của từng người mà phân công, phụ trách một huyện hoặc chuyên khoa ngoại, kèm theo là kíp mổ, phương tiện gây mê hồi sức và toàn bộ trang bị chuyên môn kỹ thuật của bệnh viện. Bác sĩ Lê Phú Huy đi Cát Bà, bác sĩ Hồ Vĩnh San đi Thủy Nguyên, bác sĩ Lê An Tuấn đi Kiến Thụy, bác sĩ Nguyễn Văn Sánh đi Vĩnh Bảo. Trước đây các bệnh viện huyện chỉ có thể mổ trung phẫu, nay trưởng thành dần đã mổ thành công các ca phức tạp khác như đại tràng hay phải cắt đi một phần gan để cứu sống người bệnh. Công việc chuyển một số bác sĩ đã được đào tạo và làm việc một thời gian dài ở phòng mổ bệnh viện là một đóng góp lớn với ngành trong quá trình xây dựng và hình thành các bệnh viện huyện. Để làm được việc này, bệnh viện đã chuyển hẳn một bác sĩ ở các khoa khác sang khoa ngoại để tiếp tục đào tạo. Bác sĩ Nguyễn Duy Quảng (khoa Lây), bác sĩ Nguyễn Huy Thiêm (X quang), bác sĩ Hồ Chí Huệ (Truyền máu), bác sĩ Đỗ Phú Đông (T.M.H), bác sĩ Võ Thị Xuân Trà (khoa Nội), bác sĩ Trần Văn Thạch (R.H.M)... những bác sĩ trên đây đã nhanh chóng trở thành những phẫu thuật viên chính của bệnh viện. Sau này, khi chiến tranh kết thúc, một số người đã trở lại chuyên khoa ban đầu của mình. Nhiều bác sĩ khác cũng được “ngoại khoa hóa” tạo lực lượng dự trữ, chuẩn bị cho trường hợp cần phải huy động nhiều hơn cho kháng chiến.

Đi đôi với việc đào tạo bác sĩ ngoại khoa cho bệnh viện và cho toàn ngành, bệnh viện đã điều động hàng chục y tá trẻ, khỏe, có năng lực chuyên môn về ngoại khoa, bổ sung cho các đội cấp cứu, các kíp mổ ở huyện. Công tác đào tạo cán bộ chuyên khoa ngoại cho các bệnh viện huyện và các ngành (có bệnh viện hoặc phòng y tế) cũng được bệnh viện hết lòng giúp đỡ: mở 2 lớp

ngoại khoa cho 40 y sĩ, bác sĩ và 22 y tá về gây mê hồi sức, truyền máu).

Trong những năm này, trường Đại học Y Hà Nội thường xuyên có hàng trăm sinh viên Y4, Y5 và cán bộ giảng dạy thực tập tại bệnh viện Hải Phòng. Các bác sĩ nhà trường như Nguyễn Đức Phúc, Trần Quán Anh, Nguyễn Đình Hối, ngoài giảng dạy cho sinh viên còn hướng dẫn các thầy thuốc tương lai này vào công tác phục vụ trực tiếp tại các khoa phòng, cấp cứu chiến thương. Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng nhiều năm qua là cơ sở có đầy đủ điều kiện cho sinh viên các năm cuối của trường Đại học Y Hà Nội xuống thực tập. Để đáp lại, các thầy và sinh viên trường Y Hà Nội đã có những đóng góp đáng kể với Hải Phòng trong những năm có chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Với sự chuẩn bị chu đáo về tổ chức và xây dựng lực lượng, trang bị kỹ thuật nên từ trận ném bom đầu tiên của giặc Mỹ vào Cam Lộ tháng 6 năm 1966 đến mùa hè năm 1967, khi giặc Mỹ điên cuồng mở chiến dịch sấm rền đánh vào khu trung tâm và các mục tiêu thiết yếu của thành phố mà tập trung là các ngày 20/4, 25/4, 10/5, 20/5, 25/5... bệnh viện đã phục vụ trên 150 trận, không kể ngày đêm, có ngày chúng bắn phá bốn lần sáng, trưa, chiều, tối, tổng cộng trong gần ba năm bệnh viện tiếp nhận trên 2.000 thương binh và nạn nhân, ngày nhiều nhất là 90 người phải phẫu thuật rồi chuyển đến nằm điều trị tại nhiều địa điểm trong thành phố và khu vực sơ tán.

Những năm này các bệnh viện quân đội đều ở xa Hải Phòng, các đội cấp cứu quân y lực lượng mỏng, khả năng phẫu thuật hạn chế, do đó các đội cấp cứu lưu động của bệnh viện phải gánh vác phần lớn công việc cấp cứu các chiến sĩ bị thương ở các trận địa khác. Các thương binh nặng đều được cứu chữa tại khoa ngoại và phòng mổ dã chiến của bệnh viện.

2. Xây dựng cơ sở sơ tán, đảm bảo triển khai được các nhiệm vụ chuyên môn

Ngay từ những ngày đầu chuẩn bị cho cuộc chiến tranh chống Mỹ xâm lược, bệnh viện luôn quan tâm đến xây dựng và giữ gìn lực lượng cán bộ, nhân viên, máy móc. Chúng ta hiểu một cách đầy đủ là chỉ một phẫu thuật viên chủ chốt bị thương hay một bàn mổ bị bắn phá là đủ tê liệt công việc cứu chữa người bị thương trong một số ngày, mà hình thái chiến tranh lại càng ngày các khốc liệt và ác liệt. Để tránh tổn thất tài sản và tính mạng của nhân dân, trừ các đơn vị không thể di chuyển (cảng, lò nung xi măng v.v...), các xí nghiệp, cơ quan và phần lớn số tàu đã phân tán ra vùng nông thôn ngoại thành, có một số sang hẳn tỉnh bạn. Nhiệm vụ của bệnh viện là vừa phải đảm bảo cấp cứu chiến thương trong thành phố vừa phải lo chữa bệnh cho cán bộ và nhân dân ở tuyến cao nhất thành phố. Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ bệnh viện đã chỉ ra cho bệnh viện là phải xây dựng, củng cố, phục vụ có hiệu quả ở cả hai khu vực

nội thành và phân viện ở nơi sơ tán.

a. Nội thành

* Bộ phận trực chiến nội thành: chuyển từ bệnh viện ra số 156 (nay là 218) Cát Dài do giám đốc, bác sĩ Nguyễn Minh Tâm, bí thư Đảng ủy Nguyễn Văn Luyện trực tiếp phụ trách. Số cán bộ nhân viên rất ít, tổ chức gọn nhẹ, gồm phần lớn là nam giới, trẻ, khi cần có thể nhanh chóng đi và là lực lượng tự vệ, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu.

* Khu vực bệnh viện chính: chủ yếu là khoa ngoại gồm 1 bàn mổ với 40 giường hồi sức cấp cứu do bác sĩ Phạm Như Trác làm chủ nhiệm, bác sĩ Đỗ Quang- phó chủ nhiệm. Bệnh viện còn bố trí một địa điểm dự trữ cho khoa ngoại ở gầm khán đài A sân vận động Lạch Tray để mổ và thu dung nạn nhân khi cần thiết.

* Khối Nội-Lây-Nhi: ở tại trường phổ thông cơ sở Trương Công Định có 10 giường để sơ cứu theo chuyên khoa, sau đó chuyển bệnh nhân ra ngoại thành điều trị.

* Khoa Tai Mũi Họng: có 15 giường vừa làm công tác chuyên khoa vừa hỗ trợ cho khối ngoại xử trí các vết thương vùng mặt – cổ do bác sĩ Trần Ngọc Dũng phụ trách.

b. Phân viện B

Đầu năm 1965, khoa Nhi và nhà trẻ bệnh viện đã sơ tán lên xã Tân Tiến, huyện An Hải, nhưng đây lại là trận tuyến giao thông Hà Nội – Hải Phòng (đường số 5), tình hình oanh tạc ngày một nặng nề nên ta đã quyết định cho di chuyển sang huyện Thủy Nguyên, đầu tiên ở thôn Quảng Cư, xã Quảng Thanh sau về thôn Câu Tử xã Hợp Thành.

* Thôn Quảng Cư có cơ sở Viện bộ do bác sĩ Hồ Công Nghĩa, phó giám đốc phụ trách.

- Khoa ngoại B ở xóm Đông, có 70 giường bệnh, 1 hòm mổ với 2 bàn phẫu thuật, 1 máy phát điện. Phụ trách chuyên môn có bác sĩ Nguyễn Huy Thiêm, bác sĩ Đỗ Phú Đông, y sĩ gây mê hồi sức Bé Thị Linh Chi và 30 y tá, nhân viên. Số bệnh nhân thường vượt quá số giường, nhất là sau các vụ oanh tạc ở nội thành.



Bác sĩ Nguyễn Minh Tâm, Giám đốc Bệnh viện và bác sĩ Nguyễn Trọng Tuệ, Chủ nhiệm khoa Nhi đi nghiên cứu địa điểm để sơ tán khoa Nhi (đơn vị đi sơ tán đầu tiên về An Hải)

Tại thôn này các bác sĩ và nhân viên phân viện đã xây dựng được quan hệ tốt với bà con địa phương. Ta tổ chức khám bệnh, phát thuốc thông thường cho bà con, tham gia lao động mùa vụ với nhân dân, nhận ruộng của hợp tác xã trồng rau màu cải thiện bữa ăn. Ta còn tổ chức nhiều buổi nói chuyện tuyên truyền phòng bệnh phòng dịch và phòng tránh dịch oanh tạc bảo vệ tài sản tính mạng.

- Khoa Nhi ở xóm Giếng có 40 giường bệnh. Chủ nhiệm là bác sĩ Nguyễn Trọng Tuệ. Phụ trách điều trị có bác sĩ Vũ Thị Bích Nga, y sĩ Vũ Thị Phú, Nguyễn Thị Diệu, Ngô Công Bình, Nguyễn Kim Thoa. Mặc dù khoa ở nơi sơ tán nhưng nề nếp làm việc, chế độ điều trị, thuốc men, ăn uống vẫn được thực hiện chu đáo.

* Thôn Câu Tử Nội có 50 giường nội khoa nhận điều trị cho cán bộ, nhân viên (kể cả số cán bộ do thành phố quản lý). Bác sĩ Vũ Đình Hải chủ nhiệm khoa. Khoa còn có bác sĩ Lê Doãn Hùng, Nguyễn Thị Tuyết Như, Dương Hoàng Trọng, Lê Thị Anh Hoa trực tiếp điều trị.

Phục vụ cho hoạt động của các khoa nội, ngoại còn có:

- Phòng chiếu chụp X quang.
- Phòng xét nghiệm vi trùng và sinh hóa.
- Nhà ăn cho cán bộ, nhân viên.

Đặc biệt là nhà trẻ của phân viện được tổ chức tốt, đã nhận tất cả con em nhân viên, lo cho các cháu ăn, ở, học để bố mẹ yên tâm công tác ở nội thành và ở phân viện. Bà Lê Thị Bông là một bà má miền Nam với lòng yêu thương các

cháu vô hạn, đã hết lòng vì các cháu, cùng tập thể nhân viên nuôi dưỡng chăm sóc cho hàng trăm cháu được khỏe mạnh, an toàn. Bà đã vận động được đơn vị bộ đội đóng tại địa phương đào cho các cháu hàng chục hầm tránh bom sâu vào lòng núi. Nhà trẻ này đã bị máy bay địch bắn phá nhưng trước đó một ngày các cháu đã được chuyển đại điểm đến một nơi mới.

Là một bệnh viện được Tiệp Khắc đầu tư xây dựng hiện đại và được các chuyên gia giỏi tận tình giúp nên dù hoàn cảnh chiến tranh phải phân tán làm nhiều nơi nhưng chất lượng chuyên môn và lề lối làm việc chính qui luôn là mục tiêu phấn đấu cao nhất. Ngay trong hoàn cảnh sơ tán, khoa giải phẫu bệnh vẫn tiến hành được những thí nghiệm đại và vi thể, nhờ đó các cuộc giao ban vẫn có đối chứng lâm sàng – giải phẫu.

Công tác chính trị tư tưởng và vận động nhân dân địa phương luôn là mối quan tâm lớn. Tập thể cán bộ tổ chức, tuyên giáo, quản trị hành chính, công đoàn đã sâu sát các khoa phòng, nắm bắt diễn biến tư tưởng của đoàn viên, có biện pháp chăm lo đời sống cho mọi người, là cầu nối giữa cơ quan và địa phương, tạo không khí ổn định công tác.

Biên chế bệnh viện cũng giảm dần từ 600 người năm 1965 xuống 390 người năm 1967. Số giường bệnh cũng từ 650 giảm xuống 250. Số giảm này chủ yếu bổ sung cho các huyện để hình thành mạng lưới các bệnh viện huyện. Đây là một chuyển động có tính chiến lược, vì trước chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở các huyện mới chỉ là các bệnh xá 20, 30 giường, chưa có khoa ngoại và các chuyên khoa, X quang, xét nghiệm.

Năm 1967, khoa Sản tách ra nhập với Trạm bảo vệ bà mẹ và trẻ em, khoa Mắt sáp nhập với Trạm mắt. Công việc tách ra này là phù hợp với thực tế của thành phố đang có chiến tranh chống đế quốc Mỹ.

Triển khai sang Thủy Nguyên từ giữa năm 1965, hoàn thiện tổ chức vào năm 1967, phân viện B duy trì hoạt động tới đầu năm 1969, đã đảm nhiệm nhiệm vụ của một bệnh viện hậu phương một cách xuất sắc. Các chuyên khoa hoạt động đều, mọi hoạt động đoàn thể quần chúng được triển khai nghiêm túc, hội nghị khoa học được tổ chức hàng năm....

Xây dựng phân viện B ở hai xã Hợp Thành và Quảng Thanh là một cố gắng lớn của bệnh viện, vì chia đôi một bệnh viện được trang thiết bị hiện đại, đồng bộ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và khả năng phục vụ. Trước đây, ở nội thành những máy móc quý được đặt trong các nhà xây cửa kính, cửa chớp, máy điều hòa nhiệt độ đầy đủ, nay chuyển về nông thôn, điều kiện vệ sinh môi trường kém sẽ ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn.

Thực hiện Chỉ thị của lãnh đạo, cán bộ công nhân khoa Hành chính –

Quản trị và tổ lái xe, với quyết tâm và ý thức trách nhiệm cao đã thực hiện thật tốt công việc được giao. Nhà mổ, phòng đặt các máy quý, máy phát điện... được xây sửa, căng vải; phòng X quang được đặt trong hầm; đồ vải, nước dùng cho phòng mổ, cho khoa được được hấp tiệt trùng. Phòng điều trị bệnh nhân, nhà bếp, nhà ăn khang trang, sạch sẽ. Hầm hồ đủ cho cán bộ, nhân viên và bệnh nhân.

Hoàn thành khối lượng công việc như trên là một cố gắng lớn vì bệnh viện chỉ có một xe tải Praga của Tiệp Khắc và một xe Zin loại nhỏ của Liên Xô. Cán bộ công nhân bệnh viện đã chuyển từ nội thành ra khu sơ tán hàng trăm chuyến xe gồm vật liệu xây dựng, máy móc, tài sản một cách an toàn từ khâu tháo dỡ, bốc vác, vận chuyển đến lắp đặt trở lại.

Ở nội thành, khi bom Mỹ đánh vào bệnh viện, cán bộ công nhân khoa Quản trị đã bắt kể ngày đêm, tháo dỡ hàng nghìn khung kính bảo quản chu đáo để phòng chấn động. Nhờ những việc làm hiệu quả của khoa mà năm 1988, khi khôi phục bệnh viện, hầu hết các khung cửa kính (loại mang từ Tiệp Khắc sang) còn gần như nguyên vẹn.

Từ tháng 9 năm 1969, theo yêu cầu của Bộ Y tế, bệnh viện đã cử một đoàn đi phục vụ khu Bốn do bác sĩ Nguyễn Đức Lung, phó giám đốc dẫn đầu. Sau khi ổn định địa điểm tại Hà Tĩnh, các bác sĩ Nguyễn Duy Quảng, Nguyễn Kế Xuân, y sĩ Nguyễn Văn Lộc, y tá Hà Thị Liên, Phạm Thị Hòa, Nguyễn Thị Bích Nhật, dược tá Nguyễn Thị Minh Châu, xét nghiệm viên Nguyễn Thị Ngát đã ở lại công tác đến đầu năm 1969. Đoàn cán bộ y tế Hải Phòng đã phối hợp với cán bộ y tế Hà Tĩnh tiếp tục chữa các trường hợp bị thương trước đây chưa có điều kiện chữa dứt điểm. Nơi đây tuy Mỹ tạm ngừng ném bom nhưng bom mìn chúng ném xuống trước đây vẫn gây chết chóc cho nhiều người, cả trên bộ và dưới sông. Mặc dù có nhiều khó khăn thiếu thốn nhưng anh chị em y tế Hải Phòng sẵn sàng ở lại giúp đỡ cán bộ và nhân dân Hà Tĩnh, được ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tặng nhiều bằng khen.

3. Cấp cứu tai nạn cháy tàu Alexandre Crin

Đêm 5/8/1968 tàu Alexandre Crin của Liên Xô chở phân đạm bốc cháy tại cảng Hải Phòng. Đoàn thủy thủ và công nhân Việt Nam, các lực lượng cứu hỏa thành phố đã tập trung dập tắt ngọn lửa. Nhưng do không có trang bị bảo hộ và kinh nghiệm chữa cháy hóa chất nên sau khi ngọn lửa bị dập tắt, số người bị nạn cả Liên Xô và Việt Nam tăng lên nhanh chóng, 85 người (trong đó Liên Xô là 45, Việt Nam là 40). Những ngày sau đó vẫn có người vào viện nhưng bệnh tình nhẹ hơn, tổng cộng trước và sau lên tới 100 người. Đây là một vụ nhiễm độc hóa chất lớn xảy ra lần đầu tiên ở cảng Hải Phòng và có số nạn nhân là người nước ngoài lớn nhất, mà bệnh viện lại trong hoàn cảnh sơ tán. Tình huống

khẩn cấp, cán bộ chuyên môn và phương tiện mọi mặt rất thiếu, phải huy động từ nơi sơ tán về, được bệnh viện báo cáo lãnh đạo Thành phố và Bộ Y tế đã huy động mọi điều kiện để chi viện. Nhiều chuyên trực thăng chở những nạn nhân nặng nhất về cứu chữa tại Hà Nội. Giáo sư Đặng Văn Chung, đầu ngành về nội khoa và một số bác sĩ chuyên khoa được điều động từ Hà Nội xuống Hải Phòng. Nạn nhân nằm kín cả khoa Ngoại và Nội 2. Những trường hợp nặng đều xuất hiện phù phổi cấp đòi hỏi sự chăm sóc tập trung và phương tiện hỗ trợ thiết yếu. Bệnh viện đã huy động lực lượng tối đa vào cấp cứu và 2 ngày sau mới làm chủ được tình hình.

Một phái đoàn Chính phủ do đồng chí Nguyễn Thanh Bình dẫn đầu đã tới thăm nạn nhân tại bệnh viện. Các đại diện Bộ Ngoại giao, Bộ Giao thông vận tải, Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội cũng đã có mặt tại các phòng nạn nhân đang được cứu chữa, thăm hỏi và tạo điều kiện để đẩy nhanh cấp cứu.

Trong dịp này, bệnh viện đã tiến hành tổng kết kinh nghiệm xử trí nhiễm độc hóa chất và bổ sung vào phương án đề phòng nếu chiến tranh hóa học xảy ra. Nhiều cán bộ nhân viên bệnh viện được khen thưởng vì tinh thần tận tụy cứu chữa nạn nhân. Đỗ Thị Minh Tâm, y tá đội cấp cứu tai thương, do có tinh thần dũng cảm cấp cứu được nhiều nạn nhân đã được tuyên dương và kết nạp Đảng tại nơi đang xảy ra hỏa hoạn.

4. Giải quyết hậu quả cơn bão có sức gió trên cấp 12 (đổ bộ vào Hải Phòng ngày 5/9/1968)

Trước sức gió mạnh trên cấp 12, cơ sở y tế ở hai xã Quảng Thanh và Hợp Thành bị đổ tới 60%. Ngay trong cơn bão, nhiều cán bộ, nhân viên đã ra sức chằng chống bảo vệ an toàn cho hàng trăm bệnh nhân có đủ cơm ăn thuốc uống, sau bão lại phải tiếp nhận hơn 80 nạn nhân bị chấn thương nặng, phần nhiều đa chấn thương. Toàn thể bệnh viện được huy động để nhanh chóng cứu chữa nạn nhân và sửa chữa lại cơ sở làm việc, nhà ở của cán bộ nhân viên. Bệnh viện đã phân công nhiều đợt cán bộ, nhân viên đi khai thác vật liệu, mua rơm, cắt cỏ về che phủ nhà cửa, và chỉ trong vòng một tháng bệnh viện đã hoạt động được như trước cơn bão. Hợp tác xã An Lưu (huyện Kinh Môn), đơn vị kết nghĩa với bệnh viện, trong dịp này đã giúp bệnh viện hàng trăm tấn vật liệu, tranh tre, nứa, cỏ để bệnh viện khắc phục khó khăn, đảm bảo công tác thường xuyên.

5. Chi viện cán bộ cho tiền tuyến

Chiến tranh phá hoại miền Bắc càng ác liệt, miền Nam càng đánh lớn càng đòi hỏi nhiều hơn ở hậu phương lớn về nhân lực và vật lực. Từ năm 1965 đến ngày thắng lợi hoàn toàn, bệnh viện đã có nhiều cán bộ, đảng viên có chuyên môn cao tình nguyện vào Nam chiến đấu như các bác sĩ Nguyễn Thị

Sâm, Trần Văn Oanh, Trần Văn Chương, Lê Doãn Hùng, Lê Thế Trung và các y sĩ, kỹ thuật viên Lê Văn Động, Nguyễn Văn Vụ, Nguyễn Thị Hạnh, Lê Thị Thủy, Lý Hồng Khanh. Nhiều y sĩ, y tá trẻ, khỏe tham gia lực lượng vũ trang trực tiếp cầm súng chiến đấu; có người hoàn thành nhiệm vụ trở lại bệnh viện, có người hy sinh trong khi làm nhiệm vụ như các đồng chí Lê Văn Ứng, Phùng Văn Thôn, Đỗ Văn Kính, Đặng Văn Đoàn, Nguyễn Văn Vy, Võ Châu... Những hi sinh máu xương mang lại vinh quang cho bệnh viện của các anh chị em này thật đáng trân trọng.

6. Thành tích và kinh nghiệm

Ngày 1 tháng 11 năm 1968, đế quốc Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc. Chiều ngày 22 tháng 11 năm 1968, Ban giám đốc bệnh viện họp bàn kế hoạch khôi phục bệnh viện, rút các đơn vị sơ tán về nội thành.

Tổng kết một giai đoạn phục vụ chiến tranh, có 3 đơn vị đạt được nhiều thành tích nổi bật, đó là tập thể khoa Ngoại, Cấp cứu đa khoa và tổ Lái xe cứu thương.

* Tập thể khoa ngoại: Không kể các đội phẫu thuật bổ sung cho các huyện, trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, có thời gian đã phải triển khai tới 7 bàn mổ ở nội thành và 3 bàn mổ ở nơi sơ tán. Công việc liên miên, căng thẳng, nặng nhọc nhưng anh chị em vẫn kiên trì lao động, xứng đáng là khoa được công nhận là tổ lao động XHCN liên tục nhiều năm. Bác sĩ Phạm Như Trác, chủ nhiệm khoa, tuổi đã 60 và bác sĩ Đỗ Quang, phẫu thuật chủ chốt của khoa là những gương sáng về tinh thần phục vụ. Các đồng chí đã làm việc có thời kỳ cả tuần không có ngày nghỉ. Bác sĩ Đỗ Quang đã được Chính phủ tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba.

* Cấp cứu đa khoa: Với số đông là nữ, chỉ riêng năm 1967 tổ cấp cứu Đa khoa đã tham gia cấp cứu 93 trận, có ngày phục vụ 6-7 trận. Trong số 93 trận có 12 trận ban đêm, 36 trận nội thành, 45 trận ở ngoại thành. Đội đã cấp cứu và chuyển về bệnh viện 860 nạn nhân. Nhiều lần xe đến nơi cấp cứu trận địa còn mù mịt khói bom, có trận phải lội xuống sông để vớt một công nhân sửa cầu bị gãy hai chân không thể tự lên bờ được. Y tá Trịnh Thị Nhạ đã được tặng huy hiệu Bác Hồ, 2 đoàn viên thanh niên được kết nạp vào Đảng tại trận địa cấp cứu người bị nạn.

* Tổ lái xe cứu thương: Trong suốt những tháng năm có chiến tranh không kể ngày đêm, cả khi máy bay địch đang bắn phá, tổ đã tham gia cấp cứu bằng bó, khiêng cáng vận chuyển hàng trăm nạn nhân đưa về bệnh viện cứu chữa. Các anh Nguyễn Văn Hàn, Cao Văn Chấm, Nguyễn Văn Dĩ, Nguyễn Văn Hoi, Nguyễn Trung Châu nhiều lần được ủy ban nhân dân thành phố tặng bằng

khen. Nguyễn Văn Hối và Trần Hộ được tặng bằng khen của Chính phủ, riêng Trần Hộ còn được tặng huy hiệu Bác Hồ.

Trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động của đơn vị, Đảng bộ bệnh viện đã rút ra được những kinh nghiệm sau:

1. Quán triệt đường lối của Đảng về y tế thời chiến, bệnh viện đã tập trung nỗ lực vào công tác cấp cứu chiến thương, đào tạo đội ngũ ngoại khoa cho các bàn mổ và mạng lưới, chuẩn bị mọi điều kiện để có thể đáp ứng nhu cầu thời chiến, kể cả trong tình huống khó khăn nhất, đào tạo mạng lưới ngoại khoa cho huyện, xây dựng đồng bộ từng cụm bao gồm nhiều chuyên khoa để có thể hoạt động trong điều kiện bị chia cắt hoặc tổn thất do bị đánh phá quy mô rộng.

Chính nhờ việc xây dựng tổ chức này mà năm 1972 khi địch bắn phá có tính chất hủy diệt thành phố, mạng lưới ngoại khoa vẫn phát huy hiệu lực đủ sức đảm đương với khối lượng công việc tăng lên đột ngột trong một thời gian ngắn.

2. Cùng với việc đáp ứng nhu cầu về ngoại khoa, bệnh viện vẫn chú trọng đến toàn bộ công tác chung, coi trọng lực lượng cán bộ, duy trì mọi hoạt động chuyên khoa, cố gắng không để thiết bị kỹ thuật bị tổn thất.

Nội dung này là điều kiện tiên quyết giúp cho công tác khôi phục bệnh viện đầu năm 1969 có được những thuận lợi cơ bản.

3. Gắn nhiệm vụ của bệnh viện với xây dựng ngành, bệnh viện đã cử một lực lượng cán bộ rất lớn xuống tận thôn, xã cùng y tế cơ sở phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, đề phòng chiến tranh vi trùng và hóa học, xây dựng ba công trình vệ sinh hố xí, nhà tắm, giếng nước, tạo môi trường sống văn minh cho những xã bệnh viện sơ tán trước đây và 7 xã huyện Thủy Nguyên được Sở Y tế phân công phụ trách (Quảng Thanh, Hợp Thành, Hoàng Động, Thiên Hương, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ). Các trạm y tế các xã này đều được bệnh viện giúp đỡ, trang bị, đào tạo trở thành những xã có phong trào vệ sinh, y tế tốt.

Xã Phục Lễ trở thành xã có phong trào y tế xuất sắc, một trong 5 xã xuất sắc nhất cả nước (phong trào 5 dút điểm của Ngành Y tế)

4. Bệnh viện luôn coi trọng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, nhân viên, tạo không khí phấn chấn trong học tập tu dưỡng và lao động phục vụ. Từ một bệnh viện hiện đại nhất miền Bắc, chia nhỏ, phân tán hoạt động trong những điều kiện cực kỳ khó khăn thiếu thốn nhưng không một ai từ chối nhiệm vụ. Mỗi khoa, phòng đều có những cố gắng góp phần mình để tạo độ đồng đều cho hoạt động của bệnh viện.

II. KHÔI PHỤC BỆNH VIỆN VÀ CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ II CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

1. Tập trung khôi phục bệnh viện

Khôi phục bệnh viện, một công việc to lớn và vô cùng khó khăn. Với những phương tiện vận chuyển hạn chế, chúng ta đã “cõng” phần lớn dụng cụ, phương tiện chuyên môn, máy móc đi sơ tán và bằng sức người, đa số là phụ nữ, chúng ta đã đưa hàng trăm bệnh nhân nặng về các vùng nông thôn để chữa bệnh và chăm sóc vết thương. Chuyên cơ sở ra ngoại thành là tinh thần đánh thắng giặc Mỹ. Nhưng cuộc trở lại này lại đầy rẫy những khó khăn mới. Trước mắt phải triển khai được thêm giường bệnh để đón những bệnh nhân phải tiếp tục chữa bệnh, vận chuyển hàng trăm tấn máy móc, kho tàng về nội thành, sửa sang lại các nhà cả, khoa, phòng và nhất là phải nhanh chóng đưa toàn bộ dây chuyền công tác trở lại hoạt động sau gần 4 năm phân tán. Những ngày chuyển bệnh viện đi sơ tán, hàng trăm tấn máy móc, phương tiện chuyên môn trên những chuyến xe của bệnh viện, công việc thật nặng nhọc và nguy hiểm. Những ngày ấy tư tưởng và khí thế chống Mỹ của mọi người rất cao. Còn lúc này, vẫn những khối lượng máy móc, vật liệu như cũ nhưng lao động lại phân tán, vì mọi người lo cho gia đình con cái riêng tư nhiều hơn. Mặt khác, mỗi phòng, ban, khoa lại xé lẻ làm hai, ba bộ phận, giấy tờ, hồ sơ mỗi nơi quản lý một phần, kỹ thuật chuyên môn sút kém, các tiêu chuẩn, qui định công tác ít nhiều bị lơ lửng.

Từ 250 giường cuối năm 1968, đến ngày 30 tháng 11 năm 1969 số giường của bệnh đã tăng lên đạt 373 giường, bao gồm: Ngoại 116 giường (có 4 giường RHM), Nhi: 57 giường, TMH: 20 giường, Lây: 38 giường, Nội: 122 giường, Ngoại kiều: 10 giường, khoa Y học dân tộc: 10 giường.

Phòng khám Đa khoa được mở cửa lại từ tháng 8 năm 1969 gồm 1 phòng khám tổng hợp và 9 chuyên khoa.

Giường bệnh được tăng thêm 123 nhưng cán bộ nhân viên phục vụ chỉ được nhận thêm 12 người (so với năm 1968). Đây là một khó khăn lớn vì khối lượng công việc quá tải trên vai người phục vụ nên khó có thể tránh được những thiếu sót trong quá trình phục vụ, đặc biệt là phục vụ sức khỏe con người.

Việc giải quyết những hậu quả chiến tranh đặt ra gay gắt. Có nhiều thương tích trong chiến tranh mới chỉ xử trí được một phần, chủ yếu cứu sống nạn nhân, nay yêu cầu được giải quyết triệt để, phục hồi chức năng (vết thương mạch máu gây vỡ động, tĩnh mạch, đứt dây thần kinh, sẹo xấu, chi lệch, các vết thương cần tạo hình...). Và nhiều bệnh tật mà trong hoàn cảnh chiến tranh không có điều kiện giải quyết như: loét dạ dày – tá tràng, sỏi tiết niệu, các ung thư, lao cột sống, tăng áp lực tĩnh mạch cửa... Khối nội đã mở thêm các chuyên khoa: bệnh nội tiết, tim mạch, tiêu hóa; khối ngoại mở thêm khoa tiết niệu có phòng khám và phòng nội soi. Các kỹ thuật xét nghiệm được phục hồi: xét nghiệm về men, về đông máu v.v...

Thời gian này, miền Bắc tạm thời không còn bị không quân Mỹ bắn phá. Trung ương quyết định cho một số cán bộ miền Nam bị ốm đau ra miền Bắc chữa bệnh từ đầu năm 1969, bệnh viện đã triển khai 50 giường để tiếp nhận điều trị những bệnh nhân trên. Đây là những cán bộ hoạt động địch hậu lâu năm trong những điều kiện sống hết sức khó khăn, thiếu thốn mọi bề. Nhiều người bị tra tấn tù đầy. Mỗi người đều có nhiều bệnh nặng nên việc điều trị và phục hồi sức lực hết sức khó khăn. Bệnh viện đã tập trung mọi khả năng về chuyên môn kỹ thuật và hậu cần, dành riêng một khoa (Nội 4 hiện nay) chăm sóc thuốc men, nuôi dưỡng nên đã nhanh chóng phục hồi sức khỏe, tạo điều kiện để các đồng chí này trở lại công tác sau 10 tháng nằm viện.

Cuối năm 1969, bệnh Dengue xuất huyết lần đầu tiên phát thành dịch lớn. Vì là bệnh lạ, lúc đầu chúng ta đã lúng túng trong các khâu xác định bệnh (chẩn đoán), phòng bệnh và cách ly điều trị. Với lượng bệnh nhân quá lớn, bệnh viện đã cùng với các khu phố tổ chức các bệnh viện dã chiến, hướng dẫn cách xử trí ngay tại các bệnh viện khu phố, chỉ nhận về khoa Lây những trường hợp đặc biệt nặng để chữa trị, hạn chế tử vong. Bác sĩ Patova, những năm 1957-1958 công tác tại khoa truyền nhiễm bệnh viện, được báo Hải Phòng có dịch Dengue đã sang tham gia chống dịch và giúp đỡ kinh nghiệm chuyên môn và thuốc chữa bệnh.

Những công trình nghiên cứu khoa học về bệnh Dengue do bệnh viện tổng kết năm 1969:

- Xác định đầu tiên dịch sốt phát ban Dengue 1969.
- Xác định dịch sốt xuất huyết ở Hải Phòng, rút ra những kinh nghiệm điều trị, giả tỷ lệ tử vong.

Năm 1970, bệnh viện tập trung vào hai mục tiêu lớn:

- Tiếp tục khôi phục cơ sở vật chất.
- Nâng cao chất lượng chuyên môn và phục vụ

Tháng 9 năm 1970, các khoa Sản, Mắt và Da liễu sáp nhập trở lại bệnh viện, nâng tổng số giường bệnh đến tháng 11 năm 1970 là 630 giường, và tổng số biên chế là 594, trong đó có 46 bác sĩ, 4 dược sĩ đại học.

Tháng 7 năm 1971, bác sĩ Nguyễn Minh Tâm, giám đốc bệnh viện được điều về Bộ Y tế công tác. Bác sĩ Nguyễn Đức Lung, phó giám đốc được bổ nhiệm làm giám đốc bệnh viện.

Để nâng cao chất lượng bệnh viện trong tình hình giường bệnh và biên chế đã phần nào ổn định, bệnh viện đã trang bị thêm cho các phòng xét nghiệm, lắp thêm máy X quang, máy điều trị ung thư, dụng cụ soi ổ ụng, soi bàng quang,

các máy kế, quang phổ kế, đo pH máu, các phương tiện thăm dò chức năng hô hấp, tim mạch, chuyển hóa cơ bản, đưa các kỹ thuật hiện đại vào chẩn đoán, điều trị. Bệnh viện còn thành lập thư viện y học, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Nhờ những cố gắng kể trên, nhiều bệnh nhân nặng được cứu sống, trong đó có một số bệnh nhân người nước ngoài.

Các chế độ chăm sóc bệnh nhân được khôi phục, khoa dinh dưỡng được tăng cường về biên chế, bệnh nhân được ăn theo bệnh lý, người nặng được phục vụ ăn tại giường.

Bệnh viện còn tổ chức rèn luyện tay nghề y tá, xét nghiệm viên hộ sinh, được tá giỏi. Y tá Hà Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hiền nhờ thi đạt loại giỏi được nâng bậc vượt cấp và tạo điều kiện thi vào đại học.

Điểm lại những kết quả sau hai năm khôi phục, Bộ Y tế đã phát động toàn ngành củng cố chất lượng trong chữa bệnh. Bệnh viện Việt Tiệp được coi như hạt nhân của phong trào. Bộ Y tế và Công đoàn Y tế Việt Nam còn tổ chức cho các đơn vị y tế trong toàn ngành tham quan và trao đổi kinh nghiệm công tác mà bệnh viện Việt Tiệp đã đúc kết được để áp dụng cho đơn vị mình.

Giữa năm 1971, một trận lũ lớn gây ngập lụt toàn bộ tỉnh Hải Hưng. Với tinh thần coi hoạn nạn của tỉnh bạn như hoạn nạn của mình, bệnh viện đã cử cán bộ đến tìm hiểu tình hình y tế Hải Hưng, huy động phương tiện chuyển toàn bộ bệnh nhân nặng bệnh viện huyện Kim Thành về bệnh viện Việt Tiệp điều trị. Những bệnh nhân nhẹ được bệnh viện chuyển về bệnh viện huyện An Hải, Hải Phòng chữa tiếp. Ngoài ra, bệnh viện còn cho nhiều chuyến xe vận tải giúp bệnh viện Kim Thành vận chuyển máy móc tài sản tới nơi an toàn.

Bệnh viện tỉnh Hải Hưng bị thiệt hại khá nặng, toàn bộ tầng một bị ngập nước. Bệnh viện Việt Tiệp đã điều cán bộ chuyên môn khoa X quang và thợ máy lên Hải Hưng giúp tháo dỡ máy X quang của bạn chuyển đến nơi an toàn. Công việc hết sức khó khăn nặng nhọc vì phải ngụp sâu dưới nước tháo dần từng bộ phận rồi chuyển về bệnh viện Việt Tiệp sấy, thay dầu mỡ đợi khi nước rút hết lại chuyển máy lên Hải Hưng lắp giúp bệnh viện bạn. Để giúp bệnh viện bạn có điều kiện cứu chữa bệnh nhân, bệnh viện Việt Tiệp đã chuyển cho bệnh viện Hải Hưng 500 lít dịch truyền các loại, một số thuốc và thu dung một số bệnh nhân về chữa tại Hải Phòng.

Tổng kết công tác khắc phục hậu quả lũ lụt ở Hải Hưng, Bộ Y tế đã tặng bằng khen cho bệnh viện Việt Tiệp. Trong dịp này, ủy ban nhân dân thành phố cũng tặng bằng khen cho các tổ lái xe, tổ sửa chữa X quang, khoa Ngoại và khoa Dục.

Tháng 10 năm 1971, Chính phủ Tiệp Khắc lại cử một đoàn cán bộ khoa

học đến bệnh viện khảo sát nhằm xây dựng kế hoạch tái viện trợ cho ta sau những năm chiến tranh tàn phá. Cụ thể hóa hoạt động này, Bộ Y tế Tiệp Khắc đã phân công cho bệnh viện Olomouc giúp đỡ bệnh viện. Đồng chí Lubomir Malat và đồng chí Milan Gregr là thành viên chính của đoàn. Cùng thời gian này, do đề nghị của hai bệnh viện, Bộ Y tế đã đồng ý để bệnh viện Việt Tiệp và bệnh viện Olomouc kết nghĩa. Phía Tiệp Khắc giúp ta đào tạo cán bộ, xây dựng kế hoạch viện trợ. Từ năm 1972 đến nay, kể cả khi hai đồng chí Malat và Gregr đã mất, quan hệ giữa hai bên luôn tốt đẹp

* *

*

Ba năm 1967-1971 tuy miền Bắc không bị máy bay Mỹ oanh tạc nhưng miền Nam chưa được giải phóng. Nhiệm vụ trọng tâm của bệnh viện thời gian này là khôi phục, nhưng không vì thế mà lơ là công việc chuẩn bị, đề nều địch tráo trở ta có thể chuyển nhanh từ phục vụ thời bình sang phục vụ thời chiến. Phương án triển khai cùng một lúc 8 bàn mổ và 2 đội cấp cứu lưu động cũng như ôn tập các kỹ thuật về ngoại khoa chiến tranh, dự trữ cơ sở thuốc, dịch truyền, cáng thương, máu, phương tiện ánh sáng được kiểm tra thường xuyên.

Cuối tháng 12 năm 1971, thành phố tổ chức tổng diễn tập chiến đấu, bệnh viện đã hoàn thành xuất sắc phần việc của mình, được thành phố biểu dương. Qua thao diễn, bệnh viện càng thấy được đầy đủ nhiệm vụ của mình trước tính mạng của nhân dân và lực lượng chiến đấu khi thành phố có chiến tranh.

2. Năm 1972 không thể quên

Máy bay Mỹ ngừng ném bom miền Bắc suốt ba năm 1969-1971 nhưng đế quốc Mỹ vẫn không từ bỏ dã tâm đánh phá trở lại. Hải Phòng là một cảng lớn, một đầu mối giao thông của cả nước với các nước trên thế giới. Từ thực tế trên, lãnh đạo thành phố luôn kiểm tra tình hình chuẩn bị và sẵn sàng phục vụ chiến đấu của ngành y tế.

Trước nguy cơ sụp đổ của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, Mỹ đi tới cuộc thử nghiệm cuối cùng, nước bài cuối cùng, đó là sử dụng pháo đài bay đánh vào các thành phố đông dân miền Bắc, biện pháp chiến tranh tàn bạo và phiêu lưu nhất.

2 giờ 30 ngày 16/4/1972, trong khi nhân dân còn đang ngủ yên, nhiều tốp B52 Mỹ đã dội bom xuống khu Thượng Lý và thôn Phúc Lộc (Kiến Thụy). Tiếp đó, dồn dập hai đợt lớn nữa vào lúc 9 giờ và 15 giờ cùng ngày. 80 địa điểm dân cư, cơ sở kinh tế, văn hóa, bệnh viện, trường học... đã bị hàng trăm phi cơ Mỹ ném bom, bắn tên lửa tiến công. Nhiều điểm bị đánh đi đánh lại, bom đè lên bom, khiến công việc cấp cứu vô cùng khó khăn. Hạm đội Mỹ còn pháo kích Đồ

Sơn, các vùng đông dân ven biển. Sau ngày 16 tháng 4, địch dừng lại nghe ngóng phản ứng của các nước trên thế giới.

Ngày 9 tháng 5, Nixon tuyên bố đánh phá toàn miền Bắc. Hải Phòng trở thành thành phố đông dân đầu tiên trên thế giới bị pháo đài bay B52 ném bom rải thảm.

Bắn phá của phi cơ Mỹ vào Hải Phòng là điều ta dự kiến được. Có điều là tính chất ác liệt qui mô lớn thì chưa lường hết. Ngay từ ngày 15 tháng 4, Tư lệnh phòng không đã tin cho các bệnh viện những hoạt động thăm dò của địch và ngay đêm 16 tháng 4 (trước khi địch bắn phá hai giờ), bệnh viện đã cấp tốc chuyển khoa Nhi (ở sát cầu Quay) và các đơn vị gần sở Dầu ra khỏi khu vực. Cùng thời gian, bệnh viện còn đưa một số bệnh nhân đang nằm viện ra khỏi bệnh viện chính, sẵn sàng giường đón người bị tai nạn. Rõ ràng là tinh thần cảnh giác của ta đã cứu được nhiều người khỏi tai họa. Bom nổ khắp nơi, pháo phòng không nổ mịt mù trời đất, những nạn nhân từ khắp các ngả được đưa đến bệnh viện. Lao động phục vụ trong tình trạng địch có thể đánh phá bất cứ lúc nào nhưng cán bộ công nhân viên bệnh viện vẫn bình tĩnh tổ chức lại các khâu chọn lọc, phân loại bệnh để chuyển đến từng địa điểm qui định. Công việc hết sức nặng nhọc và căng thẳng, nhưng do giải tỏa nạn nhân kịp thời, nên không để xảy ra những sai sót ảnh hưởng đến tính mạng người bệnh.

Suốt ngày 16/4, không lúc nào không có nạn nhân, ban đầu là những người được đưa đến bằng các loại xe cơ giới, tiếp theo là những người ở xa đã được sơ cứu. Các đội chống sập hầm các khu phố, các đội cấp cứu bệnh viện với xe cứu thương, các đội cấp cứu tải thương Chữ thập đỏ cùng nhiều lực lượng, nhiều phương tiện vận chuyển liên tục đưa nạn nhân đến. Cơ động nhất là những xe xích lô được cải tiến có cáng thương đặt trên, được anh em tự vệ trực chiến đường phố sử dụng, đã đưa được hàng chục người bị thương nặng đến cứu chữa tại bệnh viện. Đội sơ cứu và ô tô cứu thương bệnh viện ngay khi máy bay địch còn trên bầu trời thành phố vẫn lao đến những điểm bị bắn phá chuyển người bị thương và đàn bà, trẻ em ra khỏi vòng nguy hiểm.

Chúng ta biết rằng, ngày 16/4, trong lúc bệnh viện đang còn gần 600 bệnh nhân nằm điều trị lại phải tiếp nhận hàng nghìn người với đủ loại các vết thương vào ào ạt. Phòng làm việc, buồng bệnh, phòng khám, phòng hành chính, hội trường, trong nhà, hành lang đều thành nơi cấp cứu. Chiếu rải trên nền xi măng thay cho giường nằm. Các bà, các chị ở những tiểu khu gần bệnh viện tự động đến hỗ trợ anh chị em hộ lý, cấp dưỡng làm vệ sinh thân thể, thay quần áo, bón cháo, pha sữa, sưởi ấm cho người bị thương... Cán bộ nhân viên khoa Dược làm việc thông ngày đêm đảm bảo có đủ dịch truyền cho cấp cứu. Công nhân điện nước, mộc, nề được huy động vào những công việc ngoài chuyên môn như

không có, đảm bảo điện nước, lò hơi, than củi. Các bàn mổ sản, mắt, tai mũi họng đều làm phẫu thuật chung và chuyên khoa. Khoa Truyền máu lo đủ người cho máu, lúc nào trong tủ lạnh cũng có từ 20-30 lít máu dự trữ.

Việc lo có cơm ăn nước uống cho nạn nhân và người phục vụ khoảng 1500 suất ăn là một cố gắng rất lớn. Nhân viên bệnh viện, sinh viên, các đội cấp cứu tài thương, các đơn vị phối thuộc không thể bỏ công việc về nhà ăn uống và vì không ai có thì giờ nghỉ ngơi.

Vừa cấp cứu và sơ tán nạn nhân đến địa điểm mới an toàn để phòng địch đánh lại, vừa phải cấp tốc chuyển gần 500 bệnh nhân đang nằm bệnh viện ra ngoại thành là công việc vô cùng khó khăn của bệnh viện. Mặt khác, để thích nghi với hoàn cảnh thực tế, bệnh viện phải tổ chức lại bộ máy từ trên xuống các khoa, phòng sao cho gọn nhẹ, đủ mạnh để điều hành công tác. Các cụm chuyên môn theo hệ được hình thành 4 khu vực nội thành. Những máy móc, phương tiện chuyên môn chưa dùng đến được đóng gói cất giấu chu đáo.

Các phòng Tổ chức, Tuyên huấn, Công đoàn, bảo vệ đã làm tốt việc hướng dẫn và cung cấp tin tức kịp thời cho gia đình nạn nhân. Nhóm công tác này đã thu giữ được 3 dây chuyền, 2 đôi hoa tai, 3 đôi khuyên, 3 nhẫn vàng, 3 xe đạp, 2 radio, 13 đồng hồ, 2.505 đồng... và đã trả cho thân nhân người bị nạn. Anh chị em khoa Bệnh lý giải phẫu đã làm chu đáo những yêu cầu đối với người chết chưa có thân nhân bên cạnh như chụp ảnh, phân tích nhân dạng để khi cần báo tin cho gia đình.

9 giờ cùng ngày, máy bay Mỹ tiếp tục oanh tạc quanh khu vực bệnh viện, nhiều bom nổ ngay sát tường khoa Tai mũi họng. Lúc này khoa đang có ca mổ cấp cứu, nhà bị sập, dụng cụ, máy móc bị hư hại, anh chị em kịp mổ phải che chắn để bác sĩ Trần Ngọc Dũng, chủ nhiệm khoa hoàn thành ca mổ. Chị Sinh, y tá bị thương nhẹ. Bom rơi quanh khu vực bệnh viện, tường đổ, cửa kính vỡ hàng loạt, nhưng các bàn mổ đặt ở tầng một của những ngôi nhà cao tầng bệnh viện chính như khoa Sản và khoa Mắt vẫn làm việc bình thường, vì không thể bỏ nạn nhân nặng, cũng không thể chuyển ngay bàn mổ và cấp cứu đi nơi khác. Trong tình thế cấp bách đầy rủi ro nguy hiểm, bệnh nhân nặng được trú tạm thời ở gần gầm giường tầng 1, gầm cầu thang để tiện cứu chữa.

Vấn đề lựa chọn hướng sơ tán để đối phó với âm mưu mới của địch được nghiên cứu thận trọng và được lãnh đạo thành phố nhất trí. Công việc được chuẩn bị chu đáo, đơn vị nào đi trước đơn vị nào đi sau được phân công phân nhiệm rõ ràng. Và để cho gia đình cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, bệnh viện đã huy động hàng chục xe ô tô các loại chuyển cấp tốc 340 cháu ở nhà trẻ mẫu giáo cùng một số gia đình các cháu đến xã Cẩm Văn, Quốc Tuấn, cử người lo nơi ăn chốn ở cho các cháu chu đáo.

Không kể số nạn nhân đã được chọn lọc chuyển đi và số đã chết, ngày 16/4, bệnh viện đã cứu chữa cho gần 700 nạn nhân, trong đó phải can thiệp bằng phẫu thuật trên 200 ca, hầu hết là đại phẫu, sơ tán đi Hải Hưng 184 ca về các bệnh viện áp Dâu, Tứ Kỳ, Gia Lộc, Kim Thành, Ân Thi, Bình Giang; đi Thái Bình 98 ca nằm tại các bệnh viện Quỳnh Côi, Phủ Dục, Vũ Tiên, Kiến Xương và bệnh viện tỉnh, còn lại là ngoại thành, tổng cộng 16 điểm.

Khi nghe tin B52 ném bom rải thảm Hải Phòng, nhiều đơn vị y tế tỉnh bạn đã gửi thư đến bệnh viện, tìm hiểu biện pháp giải quyết hậu quả, biểu lộ lo lắng và sẵn sàng gửi các đơn vị cấp cứu phẫu thuật đến giúp Hải Phòng. Đội phẫu thuật quân y có mặt tại bệnh viện ngay sau ngày 16 tháng 4 để phối hợp công tác. Sở Giao thông vận tải điều nhiều xe giúp bệnh viện vận chuyển nạn nhân và máy móc, phương tiện chuyên môn ra các khu vực sơ tán. Cửa hàng ăn, cửa hàng thực phẩm, công nghệ phẩm quận Lê Chân giúp giải quyết vấn đề hậu cần. Sở Công an cử nhân viên đến giữ gìn trật tự... Nhiều đoàn nhà báo trong và thế giới đến tìm hiểu tình hình, quay phim, chụp ảnh, điều tra tội ác của giặc Mỹ... Trước yêu cầu phục vụ quá lớn so với khả năng của bệnh viện, mọi người phải lao động hết sức mình, lao động không có giờ nghỉ ngơi. Không chỉ đơn thuần là chăm sóc người bị thương, vô vàn những vấn đề khác như tiếp các đoàn khách nước ngoài đến từ nhiều phía, nhanh chóng có số liệu về người bị nạn, các loại vết thương, bom đạn để công bố ra dư luận rộng rãi, vấn đề ghi chép thành tích đề nghị khen thưởng v.v... phải làm kịp thời. Bệnh viện còn đón tiếp phái đoàn đại diện Chính phủ, Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ trưởng Bộ Y tế Vũ Văn Cẩn, đồng chí Bí thư Trung ương Đoàn TNCS HCM Vũ Quang, đại diện Bộ Công an, Bộ Thương binh xã hội, các đồng chí Bí thư Thành ủy, Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố cùng nhiều đoàn của các Ban, Ngành trung ương và các tỉnh bạn, bệnh viện bạn đến thăm và rút kinh nghiệm phục vụ.

Các trận đánh phá này của giặc Mỹ rất ác liệt, ngoài dự báo về quy mô và mức độ hủy diệt. Quả thật chưa lần nào những người lãnh đạo bệnh viện nghĩ đến sẽ có một đợt phải sơ tán nạn nhân từ Hải Phòng đi 16 điểm ở các tỉnh bạn để đảm bảo an toàn cho người bệnh và nhân viên phục vụ.

Được sự chỉ đạo của trên, bệnh viện đã tổng kết công tác phục vụ cấp cứu chiến đấu và những kinh nghiệm rút ra trong quá trình phục vụ, báo cáo cho các tỉnh. Báo Nhân dân ngày 11 tháng 8 năm 1972 đã nêu gương bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng, là 1 trong 15 điển hình về công tác phục vụ chiến đấu các tỉnh miền Bắc có chống Mỹ đánh phá. Tạp chí Xây dựng Đảng số tháng 10/1972 đã viết: “... nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy sáng tạo vượt mọi khó khăn nguy hiểm, tận tụy phục vụ, không mệt mỏi, không đòi hỏi điều kiện, hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống, bệnh viện Việt Tiệp đã làm tốt nhiệm

vụ trong điều kiện rất gay go ác liệt vượt quá khả năng và sự chuẩn bị của mình rất nhiều”.

Sau hai tuần lễ tạm lắng, ngày 9 và 10/5/1972, tổng thống Mỹ tuyên bố phong tỏa Cảng và đánh phá trên qui mô lớn ở miền Bắc. Chúng đã thả thủy lôi 9 đợt gồm hàng nghìn quả và bom từ trường trên cửa Nam Triệu, đồng thời cho máy bay cường kích đánh vào cảng đang có những tàu lớn của Liên Xô neo đậu. Hạm đội của chúng pháo kích vào Đồ Sơn và xã Tràng Cát. Bệnh viện lại tiếp nhận nhiều nạn nhân trong đó bốn thủy thủ của tàu Liên Xô. Do nhân dân đã có kinh nghiệm phòng tránh, hệ thống hầm hào được củng cố, mật độ dân cư trong nội thành giảm nên mặc dù các trận tiếp theo rất ác liệt nhưng số thương vong ít hơn.

Dưới đây là những trận có nhiều nạn nhân đến cấp cứu tại bệnh viện:

- Phố Hạ Lý và phố Lý Thường Kiệt ngày 18 tháng 5: 13 nạn nhân.
- Các nơi đưa về ngày 24 tháng 5: 13 nạn nhân (có 5 người là phụ nữ)
- Thôn Lũng Đông (lần đầu giặc sử dụng bom xuyên): 27 nạn nhân, đa số là phụ nữ và trẻ em.
- Quán Sỏi khi bị bắn phá ngày 26 tháng 6: 65 nạn nhân
- Đường Lạch tray và trường phổ thông cấp I Lý Tự Trọng, xưởng May mặc, nhà thờ: 26 nạn nhân.
- Khu vực Hạ Lý ngày 31 tháng 7: 60 nạn nhân.
- Thị xã Kiến An ngày 27 tháng 8: 15 nạn nhân
- Thôn Câu Hạ, huyện An Lão ngày 11 tháng 9: 19 cụ già ở vườn cây phụ lão.

Tuy phải dãn ra nhiều địa điểm, nạn nhân chuyển đến hàng ngày nhưng bệnh viện đã dần dần xây dựng được kế hoạch phục vụ hợp lý, xen kẽ những đợt phục vụ chiến đấu là sinh hoạt học tập huấn luyện, đào tạo cán bộ, củng cố tuyến trước, nghiên cứu khoa học, khám bệnh điều trị bình thường ở cả nội và ngoại thành.

Ngày 28 tháng 8 năm 1972, bệnh viện mở Hội nghị tổng kết khoa học ngoại khoa toàn ngành, nội dung bao quát từ khâu vận chuyển nạn nhân đến tổ chức hồi sức, giải phẫu, săn sóc với các vết thương sọ não, vết thương ngực, bụng, răng hàm mặt đối với các loại bom xuyên (năm 1972 mới có ở Hải Phòng), bom phá, bom nổ không trực tiếp mục tiêu, bom hơi, thủy lôi, tên lửa... mà bệnh viện đã tiếp nhận, chủ yếu là trung và trọng thương.

Đề động viên và khen thưởng số cán bộ trẻ có tinh thần dũng cảm tham

gia các đội cấp cứu và phục vụ ở các phòng mổ, lãnh đạo bệnh viện đã quyết định kết nạp và đảng một số đoàn viên. Ngoài ra, một số nữ y tá như các chị Bùi Thị Mai, Đặng Kỳ Châu, Nguyễn Thị Tân, Hà Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hiền... được giới thiệu lên Bộ Y tế xét cho thi tuyển để vào đại học tại trường Đại học Y Thái Bình. Sau khi tốt nghiệp, một số bác sĩ đã trở lại bệnh viện công tác.

Từ sau trận đánh lén vào Hải Phòng ngày 1 tháng 10 năm 1972 đến trung tuần tháng 12, tình hình đánh phá lắng hẳn. Tranh thủ thời gian ít cấp cứu, bệnh viện tổ chức sơ kết 9 tháng đầu năm, họp Hội nghị phụ nữ Ba đảm đang ngày 21 tháng 10, Đoàn thanh niên thao diễn cấp cứu ngoại khoa ngày 1 tháng 11, bồi dưỡng 21 tổ đảng ký xây dựng tổ lao động xã hội chủ nghĩa... Cùng thời gian này nhiều đoàn khách quốc tế đến thăm và trao đổi kinh nghiệm phục vụ, trong đó có đoàn y tế Mỹ gồm 3 giáo sư và 1 bác sĩ, đoàn khảo sát y tế Trung Quốc, đoàn đại biểu thanh niên Pháp và Hungari...

Ngày 26 tháng 10, Chính phủ ta tuyên bố về tình hình đàm phán ở Hội nghị Pari. Qua 160 phiên họp, cuộc hòa đàm đã gần đến giai đoạn chót mà Mỹ phải kí để kết thúc chiến tranh, song chúng lại lật lọng chưa kí.

Từ ngày 15 đến 17 tháng 12, thành phố có hai lần báo động, máy bay trinh sát không người lái của địch hoạt động ráo riết. Và cuối cùng, một đợt đánh lớn với những thủ đoạn tàn ác, dữ dội nhất vào thủ đô Hà Nội và Hải Phòng bắt đầu từ 19 giờ 15 phút ngày 18 tháng 12. Lần này, B52 ào ạt đánh thẳng vào khu đông dân của Thủ đô gây cho ta nhiều thiệt hại lớn về người và của. Ở Hải Phòng tình hình cũng không kém phần quyết liệt. Suốt đêm 18, dọc sông Lấp, khu Hàm Tử, bến Bính, Cảng bị oanh tạc dữ dội. Tối 19 tháng 12 khu chợ Con, Hàng Kênh, Trần Nhật Duật, Cầu Đất và nhiều điểm ngoại thành bị B52 ném bom rải thảm. Đêm 20, khu Nam Pháo bị oanh tạc. Đêm 22 rạng ngày 23, B52 của chúng đã rải bom từ giữa thành phố đến sát chân cầu Niệm, Thượng Lý và một vệt dài 3 km dọc khu lao động An Dương. Lần này chúng đã đánh thẳng vào bệnh viện, khoa Truyền nhiễm tầng 2 bị sập hoàn toàn, khoa Sinh hóa, Nội, Thần kinh, Da liễu, X quang bị hư hại nặng. Ngày 27 tháng 12, khu vực trung tâm vườn hoa, Nhà hát lớn, Mê Linh, Thượng Lý, Cát Bi bị đánh phá liên tục. Những ngày mở đầu chúng đánh đêm nhiều hơn, còn những ngày cuối tháng 12, chúng đánh cả ban ngày các đường phố Cát Dài, Cát Cụt, Quang Trung, Phan Bội Châu, Lý Thường Kiệt liên tục 3 đợt. Ngày 28 chúng tập trung đánh khu vực ngoại thành



Khoa truyền nhiễm bị B52 Mỹ phá hủy đêm 23-12-1972.

Trong 12 ngày đêm thành phố đã có 80 lần báo động, hầu hết có đánh phá và có người bị thương. Cũng thời gian ấy, bệnh viện đã tiếp nhận ở nội thành tổng cộng là 345 nạn nhân. Ở ngoại thành, bệnh viện đã điều nhiều đội cấp cứu đến những nơi có bắn phá như xã Hữu Bằng, Đồ Sơn, Hợp Đức, An Thụy, cấp cứu cả thấy 13 đợt gồm 384 nạn nhân.

Do có kinh nghiệm qua những trận địch đánh lớn trước đây, ngay từ ngày đầu khi Mỹ sử dụng B52 ném bom ồ ạt vào thành phố, bệnh viện đã di chuyển kịp thời 210 bệnh nhân ở nội thành ra khu sơ tán (trong đó có bệnh nhân khoa Lây) trước ngày 23 tháng 12, nhờ vậy mà đêm 23 tháng 12 tòa nhà hai tầng khoa Lây bị đánh sập nhưng không có một người nào bị chết hoặc bị thương. Sau này, tổng kết chung, thắng lợi lớn nhất của bệnh viện là đã bảo vệ an toàn cho người bệnh, không một nhân nào bị thương hoặc bị chết do không được phòng tránh tốt.

Về tài sản, máy móc, y dụng cụ đang sử dụng ở nội thành, một lần nữa lại chia nhỏ ra, không để vật dụng gì chưa dùng đến còn nằm lại nội thành. Các nạn nhân sơ cứu xong được chuyển ngay đến các nơi an toàn. Cán bộ, nhân viên ở lại nội thành cũng hết sức gọn nhẹ. Các khoa sơ tán trong nội thành như Sản, Mắt, Tai mũi họng, Nội-Nhi-Lây chỉ làm nhiệm vụ cấp cứu theo chuyên khoa và phải sẵn sàng dành 50% số giường cho nạn nhân sau mổ. Các hầm mổ, phòng mổ tiếp tục gia cố thêm các bao cát xung quanh và trên mái để tạo an toàn cho người làm việc ngay cả khi có bắn phá.

Từ 23 tháng 12, địch tập kích ác liệt và liên tục hơn, ý đồ đánh phá lớn của chúng cũng dần dần bộc lộ. Bệnh viện cũng đã có những chuẩn bị mới:

- Số cán bộ giảm 50%, tạm thời đóng cửa các khoa Mắt, phòng Nội-Nhi-Lây và các phòng khám, chuyển toàn bộ khoa nội sang Bát Trang, Trường

Thành, khẩn cấp xây dựng nhà làm việc và hầm ở thôn Khúc Giản để sẵn sàng dàn mỏng thêm các khoa ở khu vực Cẩm Văn, Quốc Tuấn và một phần ở nội thành chuyển ra. Các đơn vị còn lại chỉ đơn thuần nhiệm vụ trực chiến và cấp cứu. Nhiều bàn mổ dã chiến được thành lập dọc theo quốc lộ 10.

Vào thời điểm này, Bộ Tư lệnh quân sự thành phố cho mở hầm phòng không chiến lược để dự phòng tình huống xấu nhất. Nhưng bệnh viện lại thấy cần chốt ở Thủy Nguyên một đội phẫu thuật 10 người và ở xã Xuân Sơn (An Lão) một đội 7 người, tạo thành một mạng lưới các đội phẫu thuật cấp cứu quanh thành phố. (Trước tình hình địch đánh liên tục, đánh hủy diệt từng vùng lớn nên từ ngày 20 tháng 12, thành phố đã cho các xí nghiệp tạm nghỉ sản xuất, công nhân và nhân dân nội thành sơ tán triệt để, công tác phòng tránh chuẩn bị tốt nên hạn chế được nhiều thiệt hại so với ngày 16 tháng 4).

- Ngoài các khoa lâm sàng và các đội cấp cứu, nhiều đơn vị phi lâm sàng và cận lâm sàng đã lập công xuất sắc như tổ ô tô vận chuyển 296 chuyên an toàn, khoa Dược sản xuất 1.842 lít huyết thanh, kế hoạch một tháng hoàn thành trong 12 ngày. Khoa truyền máu vận động được 125 người cho máu được 40 lít đủ cho những ca nặng, những đợt địch đánh lớn (từ đầu năm 1972 đến 1/12/1972) đã cung cấp cho cấp cứu và điều trị 575 lít. Khoa Bệnh lý giải phẫu xử lý kịp thời các ca tử vong, làm thủ tục quốc tế chuyển một số thủy thủ Ba Lan hy sinh về nước...

- Song song với các nhiệm vụ chuyên môn, bệnh viện còn phối hợp với Sở Văn hóa Thông tin sưu tầm, bảo tồn những tang chứng tội ác của đế quốc Mỹ bắn phá hủy diệt các khu dân cư, giết hại phụ nữ, trẻ em, người già và tàn phá bệnh viện. Riêng tuần lễ đầu tháng 1/1973, bệnh viện đã tiếp 11 đoàn khách quốc tế đến hỏi thăm.

Đợt 16 tháng 4, địch đánh 3 lần lớn bằng B52 rồi dừng lại ít lâu. Còn 12 ngày cuối năm số lượng nạn nhân ít hơn nhưng lại rất căng thẳng, đợt phẫu thuật cấp cứu này chưa giải quyết xong đợt khác tiếp đến. Những trận đánh sau này, đêm nhiều hơn ngày, phần lớn là B52 ném bom rải thảm. Những ngày cuối năm chúng còn dùng cả những loại phi cơ kiểu mới nhất như F111 có diện ném bom bao trùm cả khu rộng lớn.

Tổng kết lại số nạn nhân mà bệnh viện đã cứu chữa năm 1972 là 1.465 người, trong đó có 1.060 là trọng thương và trung thương (không kể đến số người bị thương được chọn lọc chuyển ngay về tuyến dưới và số được mổ tại tuyến huyện).

3. Sơ tán lần thứ hai (1972-1975)

Ngay sau ngày 16 tháng 4, bệnh viện bắt đầu sơ tán lần thứ hai. Lần sơ

tán trước bệnh viện đã chọn 6 xã phía Bắc huyện Thủy Nguyên, lần sơ tán thứ hai này sẽ chọn hướng nào, có nên về Thủy Nguyên nơi đã quen thuộc 4 năm trước hay không? Khoảng cách giữa các cụm sơ tán là bao xa để có thể hỗ trợ nhau về chuyên môn mà vẫn đối phó được với chiến thuật ném bom rải thảm nguy hiểm của B52? Có nên giữ một số giường bệnh như trước không? v.v... Mặt khác, giải quyết vấn đề cấp cứu chiến thương giữa nội và ngoại thành thế nào nếu địch đổ bộ tập kích?

Đó là những vấn đề lớn đòi hỏi lãnh đạo bệnh viện hải giải đáp để có thể vừa làm tốt nhiệm vụ chuyên môn vừa có thể bảo vệ bệnh viện trong mọi tình huống.

Trước tiên, sau trận địch ném bom ngày 16/4, lãnh đạo bệnh viện đã có ngay kế hoạch chia nhỏ các khoa, phòng, vật tư tài sản, trang thiết bị, máy móc, thuốc men, phương tiện làm việc, giường, bàn, kho tàng... bằng cách nhanh chóng dàn mỏng ra nhiều điểm để tránh tổn thất khi địch bắn phá. Các ngày sau, lần lượt các khoa, phòng được lệnh chuyển sang An Lão. Ta cũng xác định sơ tán là phải bám dân, bám cơ quan xí nghiệp để phục vụ, hướng An Lão còn kết hợp đối phó với chiến tranh cục bộ tốt hơn vì khi cần có thể di chuyển sang các tỉnh Hải Hưng và Thái Bình. Nhà trẻ và một phân khoa Sản, Mắt chuyển về Cẩm Văn, Quốc Tuấn rồi trải rộng sang Câu Hạ và Quang Trung. Các khoa hệ Nội, Nhi, Lây đến các xã Trường Thành, Trường Thọ và Bát Trang. Tất cả 5 xã phía Tây huyện An Lão đều có cơ sở sơ tán của bệnh viện. Bệnh viện còn đầu tư xây dựng một số nhà tranh tre làm phòng bệnh nhân, phòng mổ, phòng đẻ, phòng xét nghiệm, hội trường, bếp ăn, nhà trẻ. Ở nội thành, ngoài cụm cấp cứu ngoại khoa ở trung tâm bệnh viện, còn có cụm Nội-Nhi-Lây ở trường Trương Công Định khu Lê Chân, 1 phòng mổ ở tầng hầm khán đài sân vận động Lạch Tray, 1 bộ phận xét nghiệm sinh hóa – vi sinh vật trên đường Trần Phú, 1 tổ Dược và Quản trị ở 105 Cát Dài (nay là 153). Lãnh đạo và văn phòng bệnh viện ở 158 Cát Dài (nay là 218). Ở đây cũng là Chỉ huy sở của ngành y tế. Vì ngày ấy đồng chí Nguyễn Đức Lung, giám đốc Bệnh viện đã kiêm phó giám đốc Sở, điều hành công tác phòng không toàn ngành.

Lần đi sơ tán này, các điều kiện đi lại, chuyển dịch cơ sở có thuận lợi hơn, ngoài An Lão ta đã khảo sát hầu hết các xã dọc theo bờ sông Văn Úc, qua An Lão là Thanh Hà (Hải Hưng) và 3 xã đường 10 của Tiên Lãng bên kia bến Cự là Đại Thắng, Tiên Cường, Tự Cường. Bệnh viện có quan hệ tốt với lãnh đạo 2 huyện Thanh Hà và Tứ Kỳ (Hải Hưng) và 2 bệnh viện các huyện trên, sẵn sàng hỗ trợ khi có yêu cầu.

Thông tin liên lạc giữa nội, ngoại thành và các cụm sơ tán khá chặt chẽ, mặc dù hàng ngày phải đi qua nhiều khu vực trọng điểm địch thường bắn phá

như Cầu Niệm, Cầu Rào, khu quân sự sân bay, bến phà Kiến An. Trường hợp duy nhất bị hy sinh trên đường đi qua Cầu Niệm ngày 16 tháng 4, ngày đánh phá đầu tiên của Mỹ bằng B52 vào thành phố Hải Phòng là đồng chí Trường, phòng Tổ chức cán bộ.

Sơ tán ở xã, bệnh viện đã phân công cán bộ hướng dẫn cho địa phương công tác vệ sinh phòng dịch phòng bệnh, trang bị dụng cụ y tế cho các trạm Y tế xã và bồi dưỡng nghiệp vụ cho anh chị em y tế cơ sở.

Xã An Tiên và thôn Khúc Giản là 2 điểm sơ tán cuối cùng của bệnh viện vào những ngày cuối tháng 12 năm 1972.

Ngày 31 tháng 12 năm 1972, sau 12 ngày đêm sử dụng tối đa con bài B52 đánh phá Hà Nội và Hải phòng bị thất bại, Mỹ buộc phải ngừng chiến để ký hiệp định Pari.

Lần sơ tán thứ hai của bệnh viện kết thúc sau 7 tháng, quãng thời gian tuy ngắn nhưng vô cùng gian nan vất vả. Bệnh viện có thêm một chặng đường phục vụ đáng tự hào.

4. Tình bạn chiến đấu Việt Nam – Cu Ba

Ngày 1 tháng 5 năm 1972, trong lễ mít tinh kỷ niệm ngày quốc tế lao động, đồng chí Phiden Castro đã phát biểu về tình bạn chiến đấu Việt Nam – Cuba, có câu: *“Vì Việt Nam nhân dân Cu Ba sẵn sàng hy sinh cả máu mình”*. 10 ngày sau, vào ngày 10 tháng 5 năm 1972, 3 đoàn gồm những bác sĩ chuyên khoa ngoại, phẫu thuật thần kinh sọ não và y tá đã có mặt tại Việt Nam, 1 đoàn đã đến bệnh viện Việt Tiệp đúng vào ngày Mỹ ném bom và thả thủy lôi phong tỏa cảng. Đó là một ngày đáng ghi nhớ. Ta đã bố trí đoàn nghỉ tại nhà khách Quán Sỏi để tiện việc đi lại làm việc.

Dưới đây là danh sách đoàn bác sĩ và y tá Cuba đã luân phiên đến công tác tại bệnh viện Việt Tiệp từ ngày 10 tháng 5 đến 31 tháng 12 năm 1972.

Bác sĩ: Rafael Figueredo

Bác sĩ: J. Gnacio Morales

Bác sĩ: Juan Piedra

Bác sĩ: Jose Linares (trưởng đoàn)

Bác sĩ: Oneido Ladá

Bác sĩ: Linares Delgado

Bác sĩ: Bernado Sorrel

Bác sĩ: Nilo Herrera

Bác sĩ: Ezequiel Bueno

Bác sĩ: Harley Borges

Bác sĩ: Roberto Urata

Y tá: Rolendis Crus

Y tá: Gloria Cueto

Y tá: Ana Perira

Y tá: Sata Rodriguez

Y tá: Coception Alonso

Y tá: Marialima

Đoàn y tế Cu Ba có nhiều kinh nghiệm về phẫu thuật ngoại khoa, một số bác sĩ trong đoàn đã từng tham gia nghĩa vụ quốc tế ở Công Gô, Chi Lê. Đóng góp của đoàn là đã cộng tác với ta một cách chân thành, hỗ trợ ta nâng cao kỹ thuật mổ các vết thương sọ não (giảm tỷ lệ tử vong 7%)¹. Ngoài công tác phẫu thuật liên miên hàng ngày, cán bộ y tá Cu ba còn cùng các bác sĩ Việt Nam tổng kết một số đề tài chuyên môn, trong đó có đề tài *vết thương sọ não* chiến tranh. Những đề tài nghiên cứu khoa học làm tại bệnh viện Việt Tiệp đã được trình bày tại Hà Nội và báo cáo tại Viện Hàn lâm y học Cu Ba và in trong tập san của Viện.

Thời gian của đoàn tại Hải Phòng lâu nhưng là những ngày tháng bom đạn căng thẳng và quyết liệt nhất. Giỏi về chuyên môn, từng trải trong giao tiếp, dũng cảm, bình tĩnh, tận tình phục vụ, các cán bộ y tá Cu Ba đã góp phần cứu sống nhiều trường hợp hiểm nghèo. Trường hợp chị Nguyễn Thị Én ở Cầu Tre là một ví dụ. Chị Én có vết thương sọ não hở, lại có thai 3 tháng đã được cứu sống, giữ được thai tới ngày sinh con an toàn, thể hiện khả năng nghề nghiệp của các bác sĩ Cuba và Việt Nam.

Bác sĩ trưởng đoàn Linares Delgado phát biểu trước khi đoàn về nước: *“Chúng tôi đã học hỏi được rất nhiều ở các bác sĩ Việt Nam, đó là trong điều kiện khó khăn đến đâu vẫn tổ chức được bàn mổ. Các bệnh viện quá lớn của*

¹ Một vài số liệu về 2 trận Mỹ đánh phá Hải Phòng đợt 16/4 và 12 ngày đêm cuối tháng 12 năm 1972:

	Ngày 16 tháng 4 năm 1972	Ngày 18 đến 29 tháng 12 năm 1972
- Tổng số người bị thương	681	384
Phẫu thuật	187	146
Trong đó: Sọ não kín	05	06
Sọ não hở	20	25
- Tử vong sau mổ sọ não	10 (40%)	03 (9,6%)
- Tử vong sau mổ chung	25 (13%)	08 (5,4%)
- Tỷ lệ tử vong chung	14%	11,9%

chúng tôi, trên 8.000 giường sẽ giải quyết thế nào khi chia nhỏ ra sơ tán chiến đấu.”

Hiệp định Pari về hòa bình cho Việt Nam được ký kết ngày 27/1/1973, cùng với các cơ quan, xí nghiệp, ban, ngành của thành phố bệnh viện Việt Tiệp hào hứng chuyển cơ sở từ 6 xã thuộc huyện An Lão về nội thành.

Một khối lượng lớn công việc lớn như khôi phục, xây dựng mới các khoa, phòng bị bom Mỹ phá hủy, tổ chức lại lề lối làm việc, phục hồi và củng cố các chế độ chuyên môn kỹ thuật... đòi hỏi cán bộ nhân viên phải phấn đấu cao nhất để triển khai đạt kết quả tốt.

Trong hơn 7 tháng kể từ ngày Mỹ bắn phá trở lại, bệnh viện Việt Tiệp bị tổn thất nặng nề:

- Khoa Lây bị sập hoàn toàn trong trận ném bom đêm 23/12/1972.
- Trung tâm bệnh viện còn lại một hố bom lớn (cũng từ trận ném bom đêm 29/12), tất cả đường điện, nước, hơi, cống thoát nước bản bị phá hủy.
- Các khoa Nội, X quang, Sinh hóa, Tai Mũi họng, Thần kinh bị hư hại nặng, có nhà bị sập một góc, có nhà bị tốc mái, sập trần, long cửa, vỡ kính, cây cối xung quanh đổ ngổn ngang. Không còn một ngôi nhà nào trong khu bệnh viện chính còn nguyên vẹn. Nhiều nhà như Đa khoa, Nội IV bị nứt gãy, sụt lở lớn.
- Khu vực khoa Nhi (nay là khoa Mắt) chỉ còn khung nhà, mái không, trần không. Ngay đầu nhà khoa Nhi còn một trái bom chưa nổ phải nhờ lực lượng công binh mới tìm thấy, đào kéo lên được từ độ sâu 10 mét.
- Hội trường lớn và khu vực kho tàng, nhà trẻ nằm trong khu vực khoa Nhi bị sập hoàn toàn, ngổn ngang gạch, ngói, bê tông, sắt thép cần phải tháo dỡ để chuyển đi.

Tổng cộng thiệt hại về vật chất rất lớn: 20% diện tích nhà cửa của bệnh viện bị sập hoàn toàn, 50% bị hư hỏng nặng cần sửa chữa ngay mới có thể đưa giường bệnh từ nơi sơ tán về được. Nhiều loại thiết bị máy móc, đường ống điện, nước bị phá hủy, chôn vùi trong đống gạch vụn phải được khôi phục lại. Thiết bị chuyên môn qua hai kỳ sơ tán, tháo ra lắp vào, có máy phải tháo ra lắp vào hàng chục lần, hơn nữa phải hoạt động trong điều kiện sơ tán, điện không ổn định, nhà tranh vách đất, ẩm mốc, nóng lạnh, ẩm ướt thất thường nên phần lớn bị hỏng, không còn độ chính xác tin cậy.

Một khó khăn lớn nữa là nhiều cán bộ nhân viên không còn nhà cửa, bệnh viện phải dựng hàng trăm căn nhà bằng tre, nứa, giấy dầu cho anh chị ở tạm để phần nào yên tâm lo khôi phục bệnh viện, ổn định dần cuộc sống gia đình.

Công trường xây dựng lại bệnh viện được thành lập. Một số đội xây dựng của thành phố và lực lượng của bệnh viện đã nhanh chóng san lấp mặt bằng nối lại các đường điện, ống nước, ống hơi, thu dọn đồ đạc, xong được nhà nào đưa bệnh nhân vào nhà ấy. Các xã bệnh viện sơ tán trước đây ở An Lão, Thủy Nguyên cũng gửi nhiều đội thợ mộc, nề mang theo vật liệu xây dựng hỗ trợ bệnh viện làm lại những nhà thông thường như nhà trẻ, nhà ở cho cán bộ công nhân v.v... Bằng tất cả những nỗ lực đó, cuối năm 1974, giường bệnh đã trở lại con số 580. Một số trang bị mới được bổ sung như máy Urat tán sỏi bàng quang, máy soi dạ dày – tá tràng sợi mềm, soi ổ bụng... Tổ chức Caritas (Cộng hòa liên bang Đức) trong dịp này đã giúp bệnh viện một khoản tiền khá lớn (gần một triệu Mác) để mua máy X quang, bàn mổ, máy điện tim, lẽ O2, máy siêu âm, máy gây mê, kính hiển vi, ly tâm lạnh, đông lạnh, cất nước, dập viên, và một số máy móc khác.

Trong những năm tháng lao động khôi phục bệnh viện đáng ghi nhớ này, những sự kiện nổi bật được cả ngành y tá biết tới là phong trào hưởng ứng cuộc vận động thi đua xây dựng đơn vị mạnh 3 năm 1973-1975 của Bộ Y tế mà bệnh viện Việt Tiệp là mô hình điển hình tiên tiến được nhiều đơn vị y tế tỉnh, thành phố đến tìm hiểu học tập. Những bước đi từ phong trào này tạo tiền đề để bệnh viện trở thành đơn vị lá cờ đầu của ngành Y tế cả nước.

Năm 1973, trong phong trào thi đua xây dựng đơn vị mạnh toàn ngành, bệnh viện Việt Tiệp còn cho ra mắt bản tin Việt Tiệp. Bản tin đã làm tốt nhiệm vụ tuyên truyền phòng bệnh chữa bệnh, biểu dương người tốt việc tốt, giới thiệu những thành công trong nghiên cứu chữa bệnh nhân nặng, những công trình nghiên cứu khoa học có giá trị. Bản tin Việt Tiệp ra đều hàng kỳ, gồm 15 trang đánh máy, bìa 2 màu: xanh thẫm trắng và xanh lá mạ trắng. Trong ngành Y tế toàn miền Bắc, Bản tin Việt Tiệp là tập tài liệu ra đời sớm nhất (với một bệnh viện). Bản tin ra được 40 số, đến đầu năm 1976 thì ngừng vì khó khăn về giấy.

Ngày 12 tháng 3 năm 1973, bệnh viện tổ chức đón nhận Huân chương Kháng chiến hạng Nhất và Huân chương Chiến công hạng Hai do Chính phủ và Quốc hội quyết định tặng về thành tích phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu năm 1972.

Ngày 3 tháng 1 năm 1974, một vinh dự khác lại đến với bệnh viện là Chính phủ và Quốc hội quyết định tặng thưởng Lăng hoa Bác Tôn về thành tích năm 1973, năm bệnh viện hoàn thành khôi phục sau chiến tranh.

Trên đường trở thành đơn vị tiên tiến của cả nước và để ghi nhớ quá trình phấn đấu và trưởng thành của mình, cuối năm 1974, bệnh viện đã hoàn thành xây dựng Phòng truyền thống, khánh thành nhân kỷ niệm 15 năm xây dựng bệnh viện Việt Tiệp (29/1/1959-29/1/1974).

Xây dựng Phòng truyền thống là một cố gắng rất lớn của bệnh viện vì ngày ấy cả miền Bắc mới có bệnh viện Tinh thần trung ương có phòng truyền thống, nhưng cũng rất sơ sài. Bệnh viện đã trưng bày trên 200 hiện vật, ảnh thu thập từ ngày khởi công xây dựng đến hoàn thành, bệnh viện trong kháng chiến chống Mỹ, bệnh viện trong lòng dân, hầm mỏ trong lòng đất và các loại mảnh bom đạn lấy ra từ thân thể người bệnh... Phòng truyền thống đã cung cấp cho hàng chục đoàn khách nước ngoài đến tìm hiểu về tội ác của giặc Mỹ với dân thường Việt Nam.

Là một bệnh viện lớn của thành phố, sớm được trang bị tốt, hiện đại và có đội ngũ cán bộ, nhân viên được đào tạo chính qui và được thử thách trong chiến tranh nên chỉ trong một thời gian ngắn bệnh viện đã đưa trình độ kỹ thuật lên ngang tầm với các bệnh viện tốt nhất của cả nước. Một số kỹ thuật tiên tiến như nội soi, siêu âm và xét nghiệm đạt trình độ cao.

Vào thời điểm công việc khôi phục bệnh viện tương đối ổn định, các khoa phòng hoạt động trở lại có nề nếp, nhà cửa được tu sửa khang trang, khoa Lây xây mới 3 tầng, thì một sự kiện lớn đã đến: Giải phóng miền Nam, đất nước thống nhất mang lại cho nhân dân Việt Nam hạnh phúc lớn lao. Chặng đường phía trước lại mở ra rộng hơn với bệnh viện.

Mọi người đều biết, Hải Phòng là một trong hai thành phố lớn của miền Bắc có nhiều cán bộ, công nhân và học sinh miền Nam tập kết, lao động và học tập. Ngành Y tế cũng có khá đông cán bộ miền Nam được đào tạo ở miền Bắc, riêng bệnh viện Việt Tiệp con số này lên tới 15-20% tổng số. Thực tế là trong mỗi khoa, phòng của bệnh viện đều có cán bộ miền Nam giữ cương vị trưởng hoặc phó, có trình độ chuyên môn cao đào tạo từ thời kỳ chuyên gia Tiệp Khắc. Một số đồng chí đã vào chiến trường miền Nam từ những năm 60, 70. Bệnh viện cũng từng được giao nhiệm vụ đào tạo nhiều bác sĩ chính qui cho miền Nam mà lực lượng cán bộ y tế trong vùng căn cứ không thể đáp ứng nổi về lượng và chất. Do đó một loạt cán bộ quê miền Nam đã phải nhanh chóng lên đường, từ đồng chí phó giám đốc Lê Thị Xuân Mai tới các bác sĩ khoa lâm sàng và cận lâm sàng. Rất nhiều bác sĩ phải đảm nhiệm các chức vụ chủ chốt của bệnh viện miền Nam, từ Huế tới Quy Nhơn, Nha Trang, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và tập trung nhất là thành phố Hồ Chí Minh. Các bệnh viện lớn như Chợ Rẫy, Từ Dũ, Thống Nhất, Nhi Đồng... đều có cán bộ của bệnh viện Việt Tiệp. Những tình cảm mà các bệnh viện miền Nam dành cho bệnh viện Việt Tiệp bắt nguồn từ công lao đào tạo, tình cảm của những người đã cùng nhau công tác những năm đầu hòa bình, những ngày sơ tán chống Mỹ, một chặng đường chia sẻ ngọt bùi, vinh quang và gian khổ suốt 20 năm.

Cũng vào thời gian này, bệnh viện đã chi viện cho bệnh viện Đà Nẵng kết

nghĩa những cán bộ thầy thuốc tận tụy với công việc, có tay nghề cao, có tinh thần yêu nước và hết lòng vì bệnh nhân.

Là thành phố kết nghĩa với Hải Phòng, sau chiến thắng Buôn Ma Thuật, Đà Nẵng được giải phóng. Dịch rút chạy để lại một bệnh viện trống không. Trong khi đại quân của ta đang còn trên đường tiến vào Sài Gòn thì đoàn cán bộ y tế gồm 30 cán bộ trung, cao cấp Hải Phòng đã lên đường vào Đà Nẵng giúp địa phương khôi phục hoạt động, giải quyết hậu quả chiến tranh. Riêng bệnh viện Việt Tiệp đóng góp đủ số cán bộ chuyên môn từ lâm sàng đến cận lâm sàng cho bệnh viện Đà Nẵng. Với tất cả sự nỗ lực, tận tụy, đoàn đã đưa hoạt động của bệnh viện sớm trở lại bình thường.

CHƯƠNG IV

BỆNH VIỆN VIỆT TIỆP HẢI PHÒNG- ĐƠN VỊ LÁ CỜ ĐẦU CỦA NGÀNH Y TẾ CẢ NƯỚC

I. BƯỚC TRƯỞNG THÀNH MỚI CỦA BỆNH VIỆN VIỆT TIỆP

Năm 1973, khi chiến tranh chấm dứt ở miền Bắc, hiệp định Pari được kí kết, Chính phủ Tiệp Khắc cử nhiều đoàn cán bộ sang thăm Việt Nam*, xúc tiến việc đầu tư khôi phục bệnh viện (chủ trương này đặt ra từ năm 1971). Chính phủ Tiệp Khắc đã quyết định giúp 23 triệu Curon cho việc tái trang bị lại bệnh viện.

Số tiền viện trợ được đầu tư vào những phần việc sau:

- Trang bị lại toàn bộ thiết bị hậu cần: Hệ thống cấp nước sạch, nước nóng, nồi hơi, thay thế các trục đường dây tải điện, thiết bị giặt, hấp, tẩy uế, nấu ăn, vận chuyển bệnh nhân. Thiết bị hậu cần trên đây kể như trang bị hoàn toàn mới cho một bệnh viện 750 giường.

- Trang bị lại toàn bộ thiết bị chuyên môn: máy X quang, các phòng thí nghiệm, các phòng mổ, phục hồi chức năng lao động và tiện nghi cho bệnh nhân và nhân viên (giường, tủ, bàn, ghế, chăn, màn).

Trang bị lần này mang tính chất đồng bộ, tạo được bộ mặt mới cho bệnh viện, tăng cường khả năng phục vụ vật chất cho người bệnh. Nhờ trang bị mới trên đây, bệnh viện đã tháo dỡ các thiết bị cũ để hỗ trợ cho một số bệnh viện khác như Kiến An, Kiến Thụy, Cát Bà, Lê Chân.

Viện trợ của Tiệp Khắc đã đóng góp quan trọng vào công cuộc khôi phục bệnh viện sau chiến tranh, và tạo đà để bệnh viện phát động phong trào thi đua tiên tiến với các nội dung:

- Có tổ chức mạnh và tiên tiến, làm việc theo ca, kíp, có đội ngũ y tá trưởng đủ mạnh, có chế độ làm việc và chức trách rõ ràng từng người trong từng thời gian nhất định.

- Xây dựng tư tưởng phục vụ bệnh nhân cao, tạo mọi điều kiện để người bệnh được thoải mái trong thời gian nằm viện; ăn uống, thuốc men, đồ vải được phục vụ tại chỗ với chất lượng tốt.

- Đẩy mạnh việc rèn luyện đội ngũ, gửi người đi học các chuyên khoa, tăng cường các sinh hoạt khoa học và tích cực giúp đỡ tuyển trước đào tạo cán bộ.

* - Một đoàn do Chủ tịch Quốc hội Alois Indra dẫn đầu

- Một đoàn do Phó thủ tướng Frantisek Hamouc dẫn đầu.

Thời gian này, lãnh đạo bệnh viện có sự thay đổi. Tháng 5 năm 1975, bác sĩ Nguyễn Đức Lung được bổ nhiệm làm Giám đốc Sở Y tế thay bác sĩ Nguyễn Bá Cẩn đi công tác miền Nam. PGS Đặng Hồi Xuân được bổ nhiệm làm giám đốc bệnh viện. Phó giám đốc có các đồng chí bác sĩ Vũ Văn Vĩnh và kỹ sư Vũ Chuông. Năm 1978, PGS Đặng Hồi Xuân lên Bộ Y tế, bác sĩ Nguyễn Đức Lung trở lại làm giám đốc bệnh viện kiêm phụ trách phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.



Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam (Đứng cạnh đồng chí Lê Duẩn là Tiến sĩ Đặng Hồi Xuân, ngồi giữa hàng cuối là Bác sĩ Đỗ Phú Đông và đồng chí Nguyễn Văn Luyến)

Đất nước thống nhất, giao lưu hai miền Nam – Bắc được mở rộng, nhiều dịch bệnh trước đây chưa có ở miền Bắc như tả, dịch hạch nay bắt đầu xuất hiện.



Đồng chí Đoàn Duy Thành, Chủ tịch UBND thành phố trao Cờ luân lưu của Chính phủ lần thứ tư cho Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp (1976-1979)

Vụ dịch tả năm 1976 là nghiêm trọng nhất, dịch nhanh chóng lây lan ra nhiều địa phương như Thủy Nguyên, Kiến Thụy, Cát Hải, Cát Bà, thị xã Đồ Sơn, tổng số trên 1.000 người mắc. Nơi cao nhất là xã Lập Lễ (Thủy Nguyên), có số người bệnh chiếm 2,9% số dân. Cùng với toàn ngành triển khai kế hoạch dập tắt dịch, bệnh viện đã triển khai khu điều trị riêng cách ly người bệnh với người bình thường. Riêng xã Lập Lễ, xã có nhiều người mắc bệnh, bệnh viện đã tăng cường cán bộ chuyên môn, cung cấp đủ thuốc và phương tiện sát trùng, kết quả là từ khi đoàn về, dịch bị đẩy lùi, tất cả các trường hợp nặng đều được cứu sống.

Năm 1977, do nhu cầu có một cơ sở khám chữa bệnh tuyến cao nhất cho trẻ em và được sự giúp đỡ của nước ngoài, thành phố đã quyết định xây một bệnh viện hoàn chỉnh (bệnh viện Trẻ em 300 giường) để chăm lo bảo vệ sức khỏe cho các cháu. Song song với việc xây dựng cơ sở, bệnh viện Việt Tiệp phải chuẩn bị đầy đủ cán bộ cho bệnh viện mới này. Nhiệm vụ thật nặng nề vì không chỉ phải đưa toàn bộ khoa Nhi cũ sang mà còn phải bổ sung nhiều cán bộ tạo dựng một bộ khung hoàn chỉnh cho bệnh viện Trẻ em. Giám đốc, phó giám đốc và hầu hết các trưởng khoa, trưởng phòng đều rút từ bệnh viện Việt Tiệp.

Năm 1978, bệnh viện Phụ sản được xây dựng trên cơ sở khoa Sản bệnh viện Việt Tiệp. Đây cũng là một bệnh viện tuyến thành phố về sản phụ khoa, sinh đẻ có kế hoạch. Tổng giá trị của khoa Sản khi tách ra chiếm đến 20% tài sản của bệnh viện. Bác sĩ Lê Diễm, chủ nhiệm khoa Sản trở thành Giám đốc bệnh viện Phụ sản.

Từ một bệnh viện đa khoa tuyến cao nhất của thành phố nay tách một số khoa ra xây dựng thành 3 bệnh viện có nhiệm vụ khác nhau, nên một số yêu cầu mới cũng được đặt ra, đó là công tác vận chuyển cấp cứu bệnh nhân nội và ngoại thành. Bệnh nhân các chuyên khoa khác nhau nên vận chuyển (và đặc biệt là cấp cứu) cũng phải khác. Đội Vận chuyển Cấp cứu 05 được thành lập; xe, người lái, bác sĩ, y tá do bệnh viện cử ra, ban đầu do bệnh viện chỉ đạo, một thời gian sau đội được bổ sung đầu xe và cán bộ chuyên môn, trở thành trạm Vận chuyển Cấp cứu 05. Năm 1982 Trạm trực thuộc Sở Y tế.

Trên đây là một số biến động có ảnh hưởng đến hoạt động của bệnh viện, nó không chỉ đơn thuần là chuyển chuyển một phần tài sản và cán bộ để ra đời một đơn vị mới mà còn ảnh hưởng đến tâm lý của một số cán bộ nhân viên, trong số đi và ở này không thể thỏa mãn nguyện vọng của mọi người. Một số tổ lao động XHCN tiêu biểu của bệnh viện như: Tổ đỡ đẻ khó khoa Sản, tổ khoa Nhi cũng đã thuộc về các bệnh viện khác.

Trên đây là quá trình chuyển chuyển cán bộ nhân viên, chia sẻ tài sản để ra đời những bệnh viện anh em mới. Mặt tích cực ở đây là đã phát huy khả năng và trình độ tổ chức của bệnh viện, đồng thời cũng khẳng định sự trưởng thành của ngành Y tế Hải Phòng.

Toàn bộ những cố gắng trên còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của lãnh đạo bệnh viện với toàn ngành. Để khẳng định mình, bệnh viện đã nghiên cứu tổ chức lại các khâu công tác, xây dựng qui chế, chức trách tới từng tổ, từng người... Mặt khác, dựa vào điều kiện thuận lợi về vật chất do Tiệp Khắc vừa viện trợ, bệnh viện phát động một phong trào thi đua sâu rộng trong toàn đơn vị. Đợt thi đua này kế thừa quá trình phục vụ kháng chiến, là điển hình trong phong trào xây dựng Đơn vị mạnh Bộ Y tế, phong trào thi đua giữa các bệnh viện đa khoa tuyến cao nhất tỉnh, thành phố cả nước.

Năm 1976, bệnh viện Việt Tiệp được công nhận Đơn vị lá cờ đầu toàn miền Bắc các bệnh viện Đa khoa tuyến tỉnh, thành phố lần thứ nhất. Danh hiệu này được giữ đến năm 1979 (4 năm liên tục 1976-1979). Những bài học kinh nghiệm quý báu của bệnh viện đã được Bộ Y tế tổng kết, phổ biến trong các bệnh viện cả nước. Xã luận báo Nhân dân ngày 6/6/1977 với tiêu đề: “*Một bệnh viện quản lý giỏi*” đã đánh giá rất cao bệnh viện trên các mặt chuyên môn, hậu cần và giáo dục chính trị tư tưởng. Tạp chí Cộng sản cũng có bài viết về bệnh viện, coi đây là điển hình tiên tiến cần nhân rộng ra toàn ngành.

Tổng kết giai đoạn trên, Hội đồng Nhà nước đã tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất cho cán bộ nhân viên bệnh viện.

Từ năm 1978, sau khi có sự kiện “nạn kiều”, hàng loạt người Hoa rời Hải Phòng về Trung Quốc, trong đó có một số là cán bộ nhân viên bệnh viện. Do những căng thẳng ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới Việt – Trung, bệnh viện phải chuẩn bị một phương án: khả năng bùng nổ một cuộc chiến tranh biên giới, trong đó có Hải Phòng không tránh khỏi bị ảnh hưởng.

Ở Quảng Ninh, hàng loạt cán bộ y tế là người Hoa bỏ công tác về nước. Tình trạng thiếu người là một khó khăn lớn cần sự giúp đỡ của Hải Phòng bổ sung và đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ ngoại khoa và gây mê hồi sức.

Ngày 17/2/1979, Trung Quốc tiến hành cuộc chiến tranh biên giới.

Bệnh viện Việt Tiệp, một lần nữa, phải tiến hành chuẩn bị mọi mặt:

- Sẵn sàng cấp cứu nếu có chiến sự, kể cả công việc chuẩn bị các phương án sơ tán, phân tán khi cần thiết.

- Tăng cường luyện tập, sẵn sàng chiến đấu.

Trong dịp này, tiểu đoàn tự vệ được thành lập thay cho đại đội tự vệ trước kia. Tiểu đoàn cũng đề ra nhiệm vụ:

- Sẵn sàng chi viện cho biên giới Quảng Ninh, trong đó có đội phẫu thuật chi viện cho 6 tỉnh miền Đông tỉnh Quảng Ninh, đóng chốt tại thị trấn Tiên Yên đã lên đường ngày 28 tháng 2 năm 1979. Tại đây đội đã giải quyết tốt các trường hợp mổ khó khăn do các tuyến quân và dân y chuyển tới. Đội tiếp tục làm việc tại đây đến tháng 6/1979 mới rút về sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 5 năm 1979, bệnh viện đã cử đoàn đại biểu lên tỉnh biên giới Cao Bằng thăm hỏi và giúp một số phương tiện vật chất như chăn, màn, quần áo, thuốc, máy chữ và thuốc men, dịch truyền để bệnh viện bạn khắc phục hậu quả sau chiến tranh. Công đoàn bệnh viện vận động cán bộ nhân viên quyên góp giúp bệnh viện Cao Bằng một số dụng cụ gia đình và quần áo trẻ em.

II. CƠ SỞ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Y TẠI HẢI PHÒNG

Ngoài công tác điều trị, nghiên cứu khoa học... bệnh viện có nhiệm vụ quan trọng là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ngay từ năm 1958, trước nhu cầu lớn của đất nước, Bộ Y tế đã đồng ý để bệnh viện Việt Tiệp kết hợp với trường Đại học Y Hà Nội mở lớp y sĩ cao cấp khóa II tại Hải Phòng, lực lượng giảng dạy chủ yếu là các chuyên gia Tiệp Khắc công tác tại Hải Phòng. Cũng ngay từ đó, phía Tiệp Khắc đã đưa dự án xây dựng trường Đại học Y Hải Phòng tại khu vực đường Trần Nguyên Hãn hiện nay, khi đó còn là một nghĩa địa của người Pháp đang được tiến hành di chuyển. Nhưng rồi khó khăn kinh tế nên kế hoạch xây dựng đành hoãn lại.

Trong những năm chiến tranh, trường Đại học Y Hà Nội thường xuyên gửi các thầy giáo hướng dẫn sinh viên tới thực tập tại bệnh viện, kể cả khi bệnh viện đã đi sơ tán. Giảng viên và sinh viên đã góp phần đáng kể vào việc cấp cứu chiến đấu ngay cả vào những thời điểm địch bắn phá ác liệt nhất.

Đất nước giải phóng, nhu cầu đào tạo cán bộ đại học đặt ra những yêu cầu mới. Lúc này miền Bắc đã có các trường Đại học Y Hà Nội, Thái Bình, Bắc Thái nhưng Hải Phòng là địa bàn có cơ sở y tế đông đảo và tập trung, điều kiện tốt để đào tạo cán bộ y tế, nên từ năm 1979, được sự đồng ý của Bộ Y tế, cơ sở

II của trường Đại học Y Hà Nội được xây dựng tại Hải Phòng. Những năm đầu, giảng viên và sinh viên năm thứ tư xuống học và thi tốt nghiệp tại Hải Phòng, từ 1979 bắt đầu chiêu sinh năm thứ nhất và năm 1980 khóa sinh viên đầu tiên thi tốt nghiệp tại Hải Phòng.

Lực lượng giảng dạy được đào tạo từ Hà Nội, các bộ môn khoa học cơ bản và y học cơ sở ngày một trưởng thành và dần dần thay thế dần các giảng viên từ Hà Nội xuống. Riêng các bộ môn lâm sàng thì ngay từ những ngày đầu tiên đã do các giảng viên Hải Phòng đảm nhiệm.

Cơ sở thực tập của trường là các bệnh viện Phụ sản, Trẻ em, Y học dân tộc, Tinh thần, trung tâm Vệ sinh phòng dịch và tập trung nhất là bệnh viện Việt Tiệp.

Năm 1986, Bộ Y tế đổi tên cơ sở II thành Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng.

Ngoài nhiệm vụ đào tạo bác sĩ đa khoa, Phân hiệu tập trung vào việc đào tạo sau đại học, cuối năm 1979 đã có ba khóa bác sĩ chuyên khoa cấp I với 200 sinh viên, có một số của Quảng Ninh, Hải Hưng. Nhờ có công tác đào tạo này, nên ở tất cả các cơ sở y tế của Hải Phòng, kể cả bệnh viện Việt Tiệp, số cán bộ phụ trách các khoa, các bệnh viện đã có trình độ chuyên khoa cấp I.

Ngày 9/2/1999, sau 20 năm xây dựng và phát triển, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định thành lập trường Đại học Y Hải Phòng.

Hoạt động của trường gắn liền với hoạt động của bệnh viện, riêng trong bệnh viện Việt Tiệp đã có 15 bộ môn của trường công tác, các bộ môn lâm sàng hình thành với khoa của bệnh viện thành khoa- bộ môn, có khâu công tác hoàn toàn sử dụng cán bộ nhân viên và thiết bị của trường để phục vụ người bệnh.

Hội đồng Nhà nước đã công nhận 4 giáo sư là bác sĩ Vũ Đình Hải, Hoàng Thúc Thùy, Lê Diễm, Đỗ Quang và Bộ Y tế quyết định bổ nhiệm 13 chủ nhiệm và phó chủ nhiệm bộ môn, 14 giảng viên là những cán bộ của bệnh viện kiêm chức vụ của trường Đại học Y Hải Phòng. Cũng trong nhiều năm, giám đốc bệnh viện kiêm hiệu trưởng phân hiệu Đại học Y Hải Phòng. Điều này thể hiện sự công nhận về trình độ cán bộ và gắn liền với chức năng phòng bệnh, chữa bệnh và giảng dạy của một bệnh viện hiện đại.

III. BỆNH VIỆN VIỆT TIỆP NHỮNG NĂM 80

Vào đầu những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta gặp rất nhiều khó khăn: vừa thoát khỏi cuộc chiến tranh ác liệt chống Mỹ cứu nước và cuộc chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979, các nước XHCN cắt giảm nhiều việc trợ,

đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế. Tất cả những khó khăn đó đã ảnh hưởng đến công tác khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Bệnh viện Việt Tiệp cũng trong tình cảnh ấy: nhà cửa xuống cấp, dột nát, trang thiết bị thiếu thốn hư hỏng nhiều, đã lâu không được trang bị lại. Kinh phí thành phố cấp chỉ đáp ứng được 40 -50% yêu cầu chi cho công tác khám bệnh, chữa bệnh. Đồng tiền mất giá, đồng lương của cán bộ nhân viên không đủ cho sinh hoạt, đời sống của cán bộ nhân viên gặp rất nhiều khó khăn dẫn đến thiếu an tâm trong công việc. Xuất hiện nhiều tiêu cực, khiến chất lượng chuyên môn có phần giảm sút. Bệnh nhân kêu ca về tinh thần thái độ phục vụ của nhân viên bệnh viện...

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nghị quyết Đại hội đã chỉ ra con đường đổi mới, con đường thoát ra khỏi khủng hoảng, đưa đất nước đi lên... Thành phố đã có sự chỉ đạo, lãnh đạo, có những nghị quyết đưa thành phố tiến lên, vượt qua khó khăn để xây dựng và phát triển.



Đồng chí Nguyễn Khánh, Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng đến thăm bệnh viện tháng 11 năm 1990

Đối với ngành y tế, Thành ủy đã tăng cường chỉ đạo, trong đó có việc sắp xếp lại bộ máy lãnh đạo bệnh viện Việt Tiệp, tăng cường đầu tư cho ngành Y tế, cho bệnh viện Việt Tiệp.

Vào thời điểm này, bệnh viện đã có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân. Năm 1988-1989 toàn bệnh viện phát động phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập bệnh viện Việt Tiệp 1959-1989, tổ chức việc học tập và xây dựng chức trách công tác cho từng cán bộ nhân viên, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các qui trình qui tắc chuyên môn, tổ chức các cuộc thi y tá giỏi và bác sĩ giỏi. Hàng năm tổ chức hội nghị nghiên cứu khoa học.

Lãnh đạo bệnh viện đã tham mưu cho Sở Y tế xây dựng đề án thu một phần viện phí. Với đề xuất này năm 1988 ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định 239/QĐ-UB thu một phần viện phí. Năm 1989 HĐBT ra quyết định 45-HĐB về việc thu viện phí. Việc thu một phần viện phí đã giảm bớt khó khăn cho bệnh viện. Được phép của ủy ban nhân dân thành phố, của Sở Y tế, bệnh viện đã tổ chức phòng khám và khoa điều trị theo yêu cầu, tổ chức các dịch vụ căng tin, trông xe đạp... tạo thêm nguồn thu cho bệnh viện để thưởng theo A, B, C hàng tháng cho cán bộ công nhân viên.

Tất cả những việc làm trên đã tạo một không khí thi đua sôi nổi, cán bộ công nhân viên hăng say làm việc một cách nghiêm túc, chất lượng phục vụ có chuyển biến rõ rệt.

Dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập bệnh viện (29/1/1959-29/1/1989), Chính phủ Tiệp Khắc viện trợ cho bệnh viện Việt Tiệp lần thứ ba*

Đoàn đại biểu Bắc Morava sang thăm Hải Phòng và dự lễ kỷ niệm. Tham gia đoàn còn có giám đốc bệnh viện Olomouc kết nghĩa với Việt Tiệp. Đồng chí đại sứ Tiệp Khắc cùng tham gia các hoạt động của đoàn.

Nhân dịp này lãnh đạo bệnh viện Việt Tiệp đã cùng bệnh viện Olomouc thảo luận cụ thể về các yêu cầu Tiệp Khắc viện trợ cho bệnh viện Việt Tiệp.

Tiếp theo đó về phía bạn đã mời lãnh đạo bệnh viện sang thăm Tiệp Khắc: bệnh viện Olomouc, công ty xây dựng Bắc Morava và Công ty Technika (Praha).

Bạn đã tạo điều kiện để chúng ta tìm hiểu, nghiên cứu để đưa ra những yêu cầu viện trợ cụ thể. Đoàn của bệnh viện đã thăm các nơi sản xuất trang thiết bị y tế. Chúng ta đã đưa ra yêu cầu sửa chữa nâng cấp lại toàn bộ cơ sở vật chất, nhà cửa, trang thiết bị máy y tế hiện đại, dụng cụ chuyên môn, đặc biệt là dây chuyền sản xuất huyết thanh hiện đại như của bệnh viện Olomouc. Chúng ta cũng yêu cầu bạn những thứ gì Việt Nam có thì mua ở Việt Nam như xi măng, một số vật liệu xây dựng. Về số lượng chuyên gia chúng ta chỉ yêu cầu bạn cử chuyên gia kỹ thuật lắp máy và xây dựng, không nhận chuyên gia y tế. Thời gian

* Nhân dân Ô-xtra-va lao động và tình nguyện lấy tiền mua sắm thiết bị giúp bệnh viện Việt – Tiệp

Vừa qua, khu ủy bắc Mô-ra-va và thành phố Ô-xtra-va (Tiệp Khắc) phát động một đợt lao động xã hội chủ nghĩa với tinh thần tự nguyện, mỗi người lao động từ 3 đến 5 giờ để lấy tiền góp vào quỹ mua sắm thiết bị giúp bệnh viện Việt – Tiệp ở Hải Phòng.

Tập thể công nhân dệt dấp xí nghiệp xây dựng mỏ Ô-xtra-va Ca-rơ-vin (viết tắt là VOKD), do anh hùng lao động Mi-rô-x lập Hu-sa-va dẫn đầu, đã đóng góp 15 nghìn cua-ron. Hàng loạt cơ sở sản xuất, trường học, hợp tác xã, tòa soạn báo địa phương, các đơn vị thương nghiệp trong thành phố và đặc biệt là các tổ chức công đoàn và thanh niên đang tích cực hưởng ứng đợt lao động này. Riêng tập thể cán bộ và công nhân kỹ thuật Xí nghiệp cán tôn Frydek- Mister cam kết trong suốt kế hoạch năm 1986-1990, mỗi năm sẽ dành một phần trăm tiền thưởng sáng kiến – phát minh để góp vào quỹ.

thực hiện đợt viện trợ từ 4 năm rút xuống 3 năm. Các yêu cầu trên được bạn chấp nhận và biên bản đã được ký kết giữa bệnh viện Olomouc và bệnh viện Việt Tiệp. Tổng số kinh phí Tiệp Khắc viện trợ lần thứ 3 cho bệnh viện Việt Tiệp khoảng 10 tỷ đồng vào thời điểm 1989.

Tiếp theo đó là những ngày các chuyên gia Tiệp Khắc cùng cán bộ công nhân viên bệnh viện Việt Tiệp, công nhân xây dựng Việt Nam lao động hăng say, không kể ngày đêm. Không khí làm việc sôi nổi, cả bệnh viện như một công trường kín, vừa xây dựng, vừa điều trị bệnh nhân tốt. Các đồng chí lãnh đạo và chuyên gia Tiệp Khắc đã làm việc hăng say, làm việc hết sức mình cho bệnh viện Việt Tiệp, cho Việt Nam. Qua đợt viện trợ và tiếp nhận viện trợ, tình hữu nghị Việt – Tiệp càng được thể hiện sâu sắc.

Bệnh viện Việt Tiệp sau khi tiếp nhận viện trợ lần thứ 3 trở nên khang trang, sạch đẹp, có nhiều trang thiết bị hiện đại. Cán bộ công nhân viên làm việc đi vào nề nếp, chăm sóc bệnh nhân tốt hơn làm cho bệnh nhân thêm phần tin tưởng.

LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN (1955-2005)

GIÁM ĐỐC

- Phó giáo sư, bác sĩ Phạm Thụy Liên
- Bác sĩ Bùi Đồng
- Bác sĩ Nguyễn Minh Tâm
- Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Đức Lung
- Tiến sĩ, bác sĩ Đặng Hồi Xuân
- Giáo sư, bác sĩ Nguyễn Đức Lung
- Phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ Hoàng Thế Cường
- Phó giáo sư, bác sĩ Đỗ Phú Đông
- Bác sĩ CK II, Đặng Thị Thanh Hương
- Bác sĩ cao cấp CK II Lê Trung Dũng



Phó giáo sư, bác sĩ
Phạm Thụy Liên



Bác sĩ Bùi Đồng



Bác sĩ Nguyễn Minh Tâm



Giáo sư, bác sĩ
Nguyễn Đức Lung



Tiên sĩ, bác sĩ
Đặng Hồi Xuân



Phó giáo sư, tiên sĩ, bác sĩ
Hoàng Thế Cường



Phó giáo sư, bác sĩ Đỗ
Phú Đông



Bác sĩ CK II, Đặng Thị
Thanh Hương



Bác sĩ cao cấp CK II
Lê Trung Dũng

PHÓ GIÁM ĐỐC

- Bác sĩ Hồ Công Nghĩa
- Đồng chí Phan Văn Ba
- Đồng chí TRẦN Quốc Lợi
- Đồng chí Hồ Trọng Bảo
- Đồng chí Trịnh Quang Nhân
- Bác sĩ Nguyễn Đức Lung
- Thạc sĩ, bác sĩ Đặng Hồi Xuân
- Bác sĩ Lê Thị Xuân Mai
- Bác sĩ Vũ Văn Vĩnh
- Kỹ sư Vũ Chuông
- Phó giáo sư, bác sĩ Đỗ Quang
- Bác sĩ Nguyễn Lược
- Phó giáo sư, bác sĩ Hoàng Thúc Thùy
- Bác sĩ Nguyễn Thị An
- Bác sĩ Đỗ Phú Đông
- Bác sĩ Đặng Thị Thanh Hương
- Bác sĩ Hoàng Hữu Duyên
- Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Quốc Hùng
- Bác sĩ Lê Trung Dũng
- Thạc sĩ, bác sĩ Trần Hoài Nam.

BAN GIÁM ĐỐC



Bác sĩ cao cấp CKII
Lê Trung Dũng



Tiến sĩ, bác sĩ
Nguyễn Quốc Hùng



Thạc sĩ, bác sĩ
Trần Hoài Nam



CHƯƠNG I

NHÀ THƯƠNG BẢN XỨ

I. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ THƯƠNG HẢI PHÒNG

Vào cuối thế kỷ XIX, sau khi đã chiếm được toàn bộ Việt Nam (1884), Chính phủ Pháp quyết định triển khai xây dựng Hải Phòng thành một cảng quốc tế, cửa ngõ của cả miền Bắc Đông Dương mở ra Biển Đông. Đến năm 1891, Hải Phòng đã có hàng trăm hãng buôn nước ngoài. Đáng chú ý là hàng trăm hãng buôn của Pháp cũng đặt trụ sở tại Hải Phòng.

Cùng với thương nghiệp, tư bản Pháp còn gấp rút xây dựng cơ sở khai thác nguồn nguyên liệu và nhân công rẻ mạt như Cảng Hải Phòng (1876), Nhà máy Xi măng (1899), Nhà máy Sợi (1899), Nhà máy Phốt phát (1891), nhà máy Xà phòng (1887), Công ty Than (1888), Công ty Điện, Công ty nước (1892).

Để bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho quân đội viễn chinh xâm lược này, các cơ sở y tế khám, chữa bệnh, phòng bệnh cũng được xây dựng cùng thời với các hoạt động khác. Nó là hậu cần như lương thực, thực phẩm không thể thiếu của tư bản xa xứ Pháp.

Theo *Tóm lược tình hình Đông Dương* (Revue Indochinoise) số 17 năm 1899, *Công báo* (Actes officiels) ngày 9 tháng 7 năm 1899, toàn quyền Đông Dương đã ra Nghị định thành lập một nhà thương lưu động 30 giường.

Một Nghị định khác in trong Nhật báo chính thức về Đông Dương ngày 3 tháng 2 năm 1902 về việc thành lập một Hội đồng có ghi thành phần gồm:

- Tướng chỉ huy lữ đoàn – Chủ tịch Hội đồng
- Công sứ (đốc lý thành phố)
- Phó chỉ huy trưởng đồn pháo thủ Hải Phòng
- Giám đốc nhà thương
- Hai thành viên của Hội đồng thành phố do Hội đồng chỉ định
- Một sĩ quan cảnh sát được chủ tịch Hội đồng quản trị thành phố chỉ định, làm thư ký

Nhiệm vụ của Hội đồng trên đây là nghiên cứu đề xuất một địa điểm cao ráo, thoáng đãng ở xa thành phố để xây dựng một nhà thương. Nghị định này làm tại Hà Nội ngày 22 tháng 01 năm 1902 do toàn quyền Đông Dương ký.

Ngày 20 tháng 01 năm 1902, thực dân Pháp thành lập Tổng nha Y tế Đông Dương (Direction générale de la santé de l'Indochine). Sau đó là hệ thống vệ sinh và y tế cộng đồng miền Duyên Hải (Ty Y tế cộng đồng miền Duyên Hải)

được thành lập đặt trụ sở tại Hải Phòng. Phạm vi kiểm soát của nó bao gồm các cơ sở y tế ở Hồng Gai, Quảng Yên, Móng Cái, Kiến An, ngoài ra còn có các đại lý ở cảng bãi cháy và Mũi Ngọc.

Đọc lại một số tài liệu còn lưu giữ được về sự ra đời một cơ sở y tế (tuyên tỉnh) cho thấy thực dân Pháp khá thận trọng trong quá trình xây dựng nhà thương.

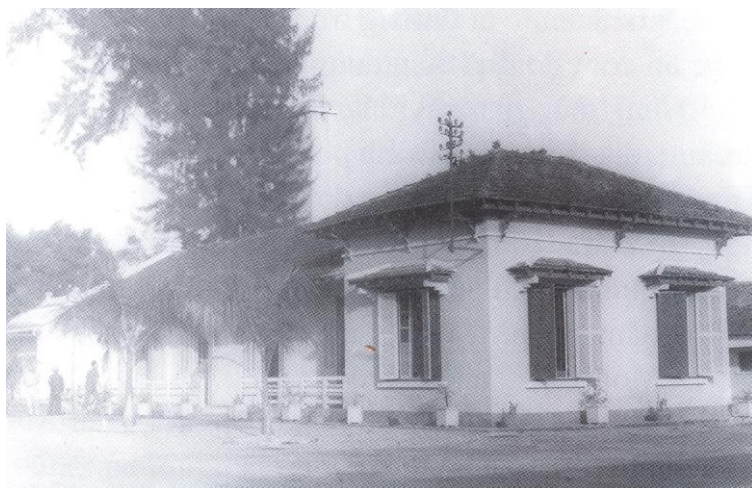
Ngày 02 tháng 10 năm 1905 Hội đồng thành phố quyết định xây dựng nhà thương bản xứ (Hospital indigène), địa điểm được chọn vốn là một bãi đất trống, có một vài lán trại xiêu vẹo, trống trải của Sở mộ phu mới cất lên, làm nơi tập trung hàng trăm phu mộ ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ đợi tàu đi vào các đồn điền cao su Nam Kỳ hay Tân Thế Giới.

Cuối tháng 4 năm 1906, nhà thương xây xong, vền vẹn có 3 nhà (pavilion), một phòng khám và nhập viện (sau này là phòng Tổ chức và văn phòng Đảng ủy), hai nhà khác (sau này là khoa Huyết học và Hội trường trung tâm) là phòng điều trị bệnh nhân làm phúc. Ba nhà trên đây đều lợp tôn và đã chịu đựng với thời gian đến mãi sau này.



Cổng ra vào bệnh viện Thành phố

Do quá chật chội nên cùng năm 1906, thành phố phải cho xây thêm một nhà cho khoa ngoại, một nhà cho khoa nội, một nhà bếp, một nhà tắm và khu vệ sinh



Phòng làm việc của Ban Giám đốc Bệnh viện xây dựng từ thời Pháp

Cơ sở nhỏ bé như vậy nên số bệnh nhân đến nằm chữa bệnh khoảng 25 người/tháng và trung bình mỗi ngày có 40 người đến khám bệnh. Nhà thương còn có một phòng mổ, địa điểm là khoa Tai mũi họng hiện nay, phòng này tồn tại mãi đến năm 1955, khi Tiệp Khắc viện trợ năm 1957, phòng mổ này được sửa chữa nâng cấp thành phòng mổ khoa Tai mũi họng.

Năm 1927, nhà thương xây thêm các phòng 4,5 (khoa nội); 6,7 (khoa ngoại) và phòng đẻ.

Năm 1940-1941, khu nhà hai tầng kê bên đường Cát Dài được xây dựng cho khoa ngoại và phòng mổ. Bác sĩ Fesquet phụ trách khoa này.

Ngoài giờ làm việc ở bệnh viện, ông Fesquet còn có nhà thương tư ở số nhà 17 đường Xa-vat-xi-ơ (nay là trụ sở Thành đoàn TNCSHCM thành phố).

Giám đốc nhà thương là bác sĩ Forest. Ông cũng có phòng khám ở số nhà 41 đường A-mi-ran đơ Bô-mông (đường Hoàng Văn Thụ sau này).

Nhân viên y tế rất ít, khoa nội, khoa ngoại mỗi khoa có 4-6 người do một y tá trưởng điều hành chung. Hàng ngày bác sĩ đến nhà thương làm việc 3-4 giờ, khám bệnh nhân và cho thuốc (thường cho 2-3 ngày liền), còn mọi việc chuyên môn là các y tá trưởng. Các ông Phạm Đăng Khôi, Nguyễn Văn Đàm, Nguyễn Văn Diệp, Đỗ Đức Cảnh và các bà Nhị, bà Phượng là những y tá trưởng, nữ hộ sinh có vai trò chủ chốt ở các phòng chuyên môn.

Năm 1944, nhà thương được mở rộng thêm trên toàn bộ khu đất cạnh Đê lao. Dãy nhà này thấp bao gồm các phòng quản trị, kế toán, nhà khi, nhà bếp, phòng nhốt bệnh nhân điên và tạm giam giữ những tù nhân có bệnh đến chữa.

Cơm ăn của bệnh nhân do nhà thầu đưa từ ngoài vào, y công nhận và chia cho bệnh nhân. Y tá thường trực (3-4 người cho cả nhà thương) và y công cũng được ăn cơm do nhà thầu cung cấp không phải trả tiền.

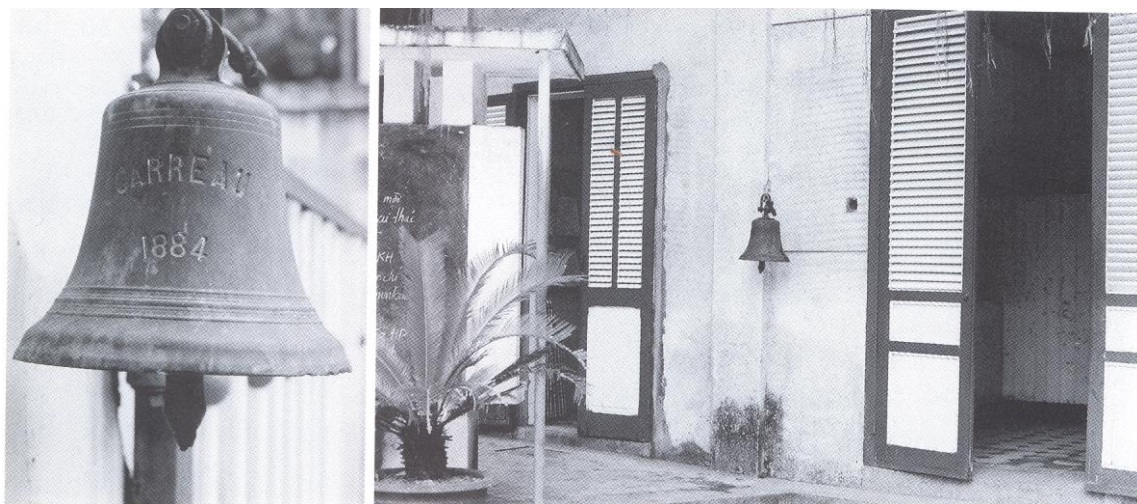
Cùng thời gian này, Hải Phòng còn ra đời một khu truyền nhiễm (Lazaret urbain), địa điểm cách thành phố khoảng bốn cây số, nằm trên tả ngạn sông Lạch Tray, trên đường Hải Phòng đi Kiến An. Khu truyền nhiễm này đợc khởi công ngày 24 tháng 10 năm 1904 và hoàn thành vào ngày 15 tháng 01 năm 1906.

Khu truyền nhiễm này khá lớn (so với nhà thương bản xứ) và ổn định mãi những năm sau này, bao gồm:

- Một phòng nhập viện
- Một phòng cho bệnh nhân là người châu Âu
- Một phòng cho bệnh nhân là người bản xứ
- Một phòng theo dõi bệnh nhân người bản xứ
- Một phòng cách ly cho người bản xứ
- Hai nhà bếp
- Hai nhà vệ sinh
- Một phòng làm nơi ở của người bảo vệ

Một bộ phận khác được xây dựng thêm gồm nơi giặt đồ vải, một nhà tắm đủ chỗ đặt bốn bồn tắm và một điểm đặt lò tẩy trùng.

Ta thấy được là ngay từ những năm đầu của thế kỷ XX, Hải Phòng đã ra đời một cơ sở khám chữa bệnh (nhà thương bản xứ) và khu truyền nhiễm, cách ly tẩy trùng. Hai anh em sinh đôi này tuy là hai đơn vị nhưng gắn bó với nhau như hình với bóng. Và cùng thời gian, khu truyền nhiễm, cách ly tẩy trùng trở thành một bộ phận của nhà thương bản xứ (sau này là nhà thương thành phố) tới những năm 50 của thế kỷ XX. Các bệnh lao, thương hàn, hoại thư sinh hơi... đều nằm ở đây thường là có vào nhưng không có ra.



Quả chuông báo giờ làm việc và tan giờ làm việc từ thời Pháp (có niên đại trên 100 năm)

Hải Phòng còn có một nhà thương khác cho người Pháp (người Hải Phòng) quen gọi là nhà thương cầu Ngự) được xây dựng tại địa điểm quân y viện 203 hiện nay. Sau này, đến năm 1894 trên đất này không còn bệnh viện nữa mà chỉ còn một vài phòng làm nhiệm vụ khám, chữa bệnh thông thường cho binh sĩ.

Năm 1907, trong báo cáo của mình về Đông Dương, toàn quyền Paul Doumer dẫn tình hình y tế Hải Phòng, phần nói về nhà thương bản xứ:

HOPITAL INDIGÈNE	
D ^r Forest,	Médecin Chef Service de Médecine.
D ^r Fesquet,	Service de Chirurgie.
Tran-van-Ninh,	Médecin Indochinois-Médecine.
Tran-van-Thua,	— Chirurgie.
Nguyễn-Khoi,	Pharmacien Indochinois.
Pham-thi-Nhi,	Sage-femme.
Pham-dang-Khoi,	Infirmier principal.
Nguyễn-van-Dam,	Infirmier-Chef de 1 ^{re} classe.
Nguyễn-van-Diép,	Infirmier-Chef de 2 ^e classe.
Nguyễn-van-Dong,	Infirmier ordinaire.
Nguyễn-nhu-Am,	—
Luong-thi-Phuong	(N ^{me}). —
Hoang-van-Mai,	Infirmier temporaire.

Tài liệu về nhà thương Bản xứ và khu Lazazet (Lây nhiễm) cầu Niệm (nguyên bản tiếng Pháp)

“...Cơ sở này xây dựng năm 1905, gồm những nhà nhỏ bằng gạch, tiếp nhận chừng bốn mươi bệnh nhân. Số người đã nằm chữa bệnh là 508 và người khám bệnh là 1.030. Toàn xứ Bắc Kỳ có 1.027 giường bệnh. Theo niên giám của Pháp năm 1935, sau hai lần sửa chữa và mở rộng nhà thương, qua tình hình nhân sự cho thấy số thầy thuốc và nhân viên tuy có tăng cường nhưng hoạt động chỉ bó hẹp ở một số khoa nội, ngoại, sản, dược... Đặc biệt là giám đốc Ty Vệ sinh thành phố vẫn kiêm nhiệm giám đốc Nhà thương. Về phía Nhà thương bản xứ, số nhân viên từ chủ nhiệm các khoa đến y tá hợp đồng vền vền 13 người, nhiệm vụ như sau:

Forest, bác sĩ, giám đốc nhà thương – phụ trách khoa nội.

Fesquet, bác sĩ, phụ trách khoa ngoại.

Trần Văn Ninh, y sĩ Đông Dương, khoa nội.

Trần Văn Thừa, y sĩ Đông Dương, khoa ngoại.

Nguyễn Khôi, dược sĩ Đông Dương.

Nguyễn Thị Nhị, nữ hộ sinh

Phạm Đăng Khôi, y tá trưởng.

Nguyễn Văn Đàm, y tá trưởng hạng nhất.

Nguyễn Văn Điệp, y tá trưởng hạng nhì.

Nguyễn Văn Dong, y tá thường.

Nguyễn Như Âm, y tá thường.

Lương Thị Phụng, y tá thường.

Hoàng Văn Hai, y tá hợp đồng.

Với số nhân viên chuyên môn trên đây thì khả năng phục vụ sẽ rất hạn

De 1902 à 1907, la ville a fait édifier un lazaret, un hôpital indigène et un magasin à grains.

1^o Lazaret urbain. — Sis à quatre kilomètres environ de Haiphong, sur les rives du Song Lach-tray, en bordure de la route de Haiphong à Kien-an, le lazaret urbain fut commencé le 24 octobre 1904 et terminé le 15 janvier 1906.

Ce bâtiment comprend :

Un pavillon d'entrée ;

Un pavillon pour malades européens ;

Un pavillon pour malades indigènes ;

Un pavillon d'observations pour indigènes ;

Un pavillon d'isolement pour indigènes ;

Deux cuisines ;

Deux water-closet ;

Un pavillon servant de logement au gardien.

Un nouveau corps de bâtiment va prochainement être édifié et comprendra une buanderie, une salle de bains de dimensions suffisantes pour l'installation de quatre baignoires et un abri pour l'étuve à désinfecter.

2^o Hôpital indigène. — La création d'un hôpital indigène fut décidée par le Conseil municipal dans sa séance du 2 octobre 1905 et la construction commencée immédiatement.

Le pavillon d'entrée et deux pavillons pour malades furent terminés au mois d'avril 1906.

Dans le courant de l'année, les bâtiments existant étant devenus insuffisants, le Conseil municipal vota de nouveaux crédits qui servirent à l'édification d'un pavillon pour blessés, d'un pavillon pour malades, d'une cuisine, d'une salle de bains et de water-closet.

Le nombre des malades traités mensuellement est de vingt-cinq environ et quarante indigènes, en moyenne, viennent chaque jour se présenter à la visite du médecin.

ché. Trong khi đó, các ông Forest và Fesquet đều có phòng khám chữa bệnh tư. Danh sách trên đây không thấy nói đến các phòng xét nghiệm, một công việc không thể thiếu của một nhà thương.

Nhân sự của Ty vệ sinh thành phố đã có thay đổi, ngoài bác sĩ Care, quan tư thầy thuốc, giám đốc Ty Vệ sinh thành phố kiêm nhiệm việc chữa bệnh cho gái mại dâm mắc bệnh hoa liễu và bác sĩ Gouillon, thanh tra các trường học và chữa bệnh cho viên chức, còn hầu hết là người Việt Nam.

Niên giám năm 1935 của Pháp cũng ghi lại một số tình hình khác, khi đó dân số Hải Phòng là 72.764:

Người Âu	: 2.229	Người bản xứ	: 69.540
Binh sĩ Châu Âu	: 503	Binh sĩ người bản xứ:	492

Tháng 8 năm 1945, trong muôn vàn khó khăn của một thành phố vừa thoát qua nạn đói, ngay sau khi Nhật vừa đầu hàng thì quân Tưởng lại ùn ùn kéo vào giải giáp quân đội Nhật. Trong khí thế cách mạng, các thầy thuốc và nhân viên bệnh viện hòa nhập và cuộc kháng chiến. Bác sĩ Nguyễn Văn Tín, nguyên bác sĩ phẫu thuật nhà thương thành phố được cử làm giám đốc bệnh viện (tháng 8/1945-11/1946). Trong vòng hơn một năm, hoạt động của bệnh viện trở lại bình thường, việc khám và chữa bệnh được mở rộng, người bệnh được đón tiếp tận tình. Mặc dù thời gian rất ngắn nhưng bệnh viện đã mở được lớp đào tạo y tá cho trên bốn mươi người, trong đó có một phần tư đào tạo tại nhà thương Kiến An. Hội đồng chấm thi tốt nghiệp gồm các bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên (chủ tịch Hội đồng), Lê Văn Cơ, Nguyễn Văn Tín, Trần Lâm Bảo.

Tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp lần thứ hai nổ ra ở Hải Phòng vào ngày 20 tháng 11 năm 1946.

Bệnh viện rút ra khỏi thành phố về Vĩnh Bảo rồi hòa vào cuộc kháng chiến toàn quốc. Những y tá mới được đào tạo hăng hái gia nhập quân y, một số vào các ngành khác. Số người ở lại nội thành có các chị Nguyễn Thị Chinh, Tô Thị Việt, Trần Thị Đoan... năm 1954 không theo địch vào Nam, ở lại chờ Chính phủ ta vào tiếp quản, tiếp tục làm việc cho tới ngày về nghỉ hưu.

Riêng bác sĩ Nguyễn Văn Tín, sau khi đưa bệnh viện ra Vĩnh Bảo, ông về Hà Nội nhận công tác tại Cục quân y, ở đây ông được gặp bác sĩ Vũ Văn Cẩn, cục trưởng, rồi được lệnh ở lại liên tỉnh Hải – Kiến thành lập quân y viện đóng tại thôn Bách Phương, huyện An Lão.

Cuối năm 1946, thực dân Pháp xâm lược Hải Phòng lần thứ hai, thời gian chúng chiếm đóng thành phố này cũng là lâu nhất, mãi tới ngày 13 tháng 5 năm 1955 thành phố mới trở về nhân dân ta. Trước đó, do nhu cầu của một thành phố

đông dân, một hải cảng lớn và cũng phần nào muốn tranh thủ dư luận, Pháp đã mở mang thêm các cơ sở y tế. Ngoài nhà thương do Nha y tế Bắc Việt quản lý và đài thọ, trong thành phố còn có 19 phòng khám chữa bệnh tư và 22 nhà hộ sinh do một số bác sĩ và hộ sinh người Việt, Pháp và Hoa Kiều mở nhưng đều có quy mô nhỏ bé.

Về mặt y tế cộng đồng, ngoài bệnh viện chính còn có phòng khám bệnh cho công chức (khu 4 gian gần ga An Dương cũ), khu khám bệnh và các chuyên khoa Răng, Mắt, nhân dân quen gọi là nhà thương quả bóng (sau này là nhà triển lãm thành phố) có 30 giường, khu bệnh nhân cách ly vì các bệnh lây nhiễm ở cầu Niệm (Lazaret cầu Niệm) với 101 giường, nhà tập trung chữa bệnh hoa liễu cho gái mại dâm ở 105 Cát Dài.

Ở bệnh viện chính có 121 giường và 72 giường làm phúc. Số nhân viên từ bác sĩ đến y tá có 116 người và 8 học sinh y tá học việc, trong đó có 5 bác sĩ, 1 dược sĩ, 50 y tá, 4 nữ hộ sinh.

Bệnh viện có 2 phòng mổ, máy chiếu điện, phòng xét nghiệm và phòng được có khả năng sản xuất và pha chế thuốc thông thường. Trang bị dựa vào hàng viện trợ Mỹ. Vào những năm 50, chiến tranh mở rộng, bộ đội ta đánh mạnh ở các mặt trận, binh lính Pháp và ngụy bị thương nhiều, tại bệnh viện chính ngoài khu hai tầng nhường cho bệnh viện Ciais, nhiều phòng khám phải dành cho các nạn nhân chiến tranh sau các cuộc càn quét bắn phá bừa bãi và liên miên của chúng. Những năm Pháp chiếm đóng trở lại, ở các huyện chỉ có một phòng phát thuốc do một y tá phụ trách, nên bệnh nhân nội khoa đều phải nằm ở khoa Nội 105 Cát Dài (nay là số nhà 153) có 72 giường. Ở đây có 1 bác sĩ, 6 y tá và 1 y công.

Do điều kiện sống tồi tệ, trình độ hiểu biết về y tế, vệ sinh môi trường rất kém, tình hình bệnh tật hết sức phức tạp, nhất là các bệnh truyền nhiễm, các bệnh đường tiêu hóa. Bác ít, phòng khám ít và chật chội, cả thành phố chỉ có một nơi khám ở vườn hoa, bệnh nhân phải chờ đợi, chen chúc từ sáng tinh mơ. Sau khám tùy theo tình hình bệnh tật, bệnh nhân được điều trị ngoại trú hoặc chuyển tới nằm ở khoa nội Cát Dài hoặc ngoại khoa. Giá tiền nằm viện đối với bệnh nhân nằm phòng trả tiền khá cao, có các hạng 60, 90, 120 đồng/giường/ngày.

Năm 1955 khi Chính phủ ta vào tiếp quản, mặc dù đã có 50 năm hoạt động, bệnh viện chính vẫn còn là một cơ sở y tế hết sức nhỏ bé. Mặt khác, trước khi rút khỏi thành phố địch đã chuyển phần lớn dụng cụ, thuốc men vào Nam. Không thầy thuốc nào ở lại, nhân viên có nghề như y tá, hộ sinh chỉ có khoảng 20 người, nên phải bắt tay xây dựng bệnh viện từ con số không, mọi việc phải làm lại từ đầu. Bệnh nhân nhiều, một số y tá từ vùng kháng chiến vào tiếp quản

và những người có tinh thần yêu nước ở lại phải làm việc hết sức để duy trì hoạt động của bệnh viện.

II. THÀNH LẬP CƠ SỞ CÁCH MẠNG

Những năm đầu thành lập nhà thương bản xứ, thầy thuốc từ giám đốc đến chủ nhiệm khoa đều là sĩ quan quân y Pháp, mãi sau này vào những năm 30, 40 của thế kỷ mới có các y sĩ Đông Dương là người Việt Nam.

Trước cách mạng tháng Tám 1945, giám đốc nhà thương chính vẫn là một trung tá quân y người Pháp.

Nhà thương nhỏ bé, viên chức cao cấp đều là người Pháp nhưng những viên chức Việt Nam ở đây không hề vắng mặt trong sự nghiệp cách mạng. Năm 1927, tỉnh bộ “Thanh niên” được thành lập, phong trào cách mạng lên nhanh, thu hút nhiều trí thức, học sinh và công nhân tham gia. Chị Nguyễn Thị Vinh (Vinh sẹ) là nữ hộ sinh nội trú trong nhà thương được các đồng chí Ngọc (Phục), Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Đức Cảnh giác ngộ, đến với cách mạng rất tích cực. Chị được kết nạp vào Thanh niên cách mạng đồng chí hội, lúc đầu sinh hoạt ghép với tổ học sinh – viên chức. Chị Vinh dần dần giác ngộ thêm hai người nữa và kết nạp vào Hội là chị Hiền (em gái) và anh Thủy. Ba người hình thành một tổ thanh niên sinh hoạt học tập trực thuộc Tỉnh bộ và hoạt động trong nhà thương. Tại đây, chị Vinh đã gần gũi anh chị em viên chức, động viên mọi người nêu cao tinh thần thương yêu đồng bào, tận tình chăm sóc thợ thuyền, nông dân đến chữa bệnh ở nhà thương.



Nữ hộ sinh Nguyễn Thị Vinh (Vinh sẹ), nữ chiến sĩ Cách mạng hoạt động nhà thương Thành phố, đang hướng dẫn đồng chí Vương Thế Dũng (trưởng ban Nghiên cứu lịch sử Đảng) và đồng chí Nguyễn Văn Luyện (Bí thư Đảng ủy Bệnh viện) thăm nơi làm việc (hoạt động bí mật) của đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, lãnh tụ Cách mạng, nguyên Bí thư thành ủy đầu tiên của Hải Phòng

Cuối năm 1927, chị Vinh, chị Phụng, anh Ngọc tìm vốn mở một hiệu sách ở phố Cát Cụt nhưng đến cuối năm 1928, do yêu cầu của cách mạng các chị đã nhượng hiệu sách cho Tỉnh bộ. Hiệu sách được đổi tên là Học Hải và trở thành một địa điểm mà các cán bộ cách mạng thường lui tới liên lạc với tổ chức, đồng thời là đầu mối giao thông có nhiệm vụ nhận, chuyển tài liệu, sách báo cách mạng từ nước ngoài về. Các chị góp phần rất lớn trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Hải Phòng và Việt Nam.

Giữa tháng 5/1930, chị Nguyễn Thị Thuận (Tư già) bị mật thám bắt giam ở đề lao Hải Phòng. Anh em tù chính trị đấu tranh quyết liệt buộc chúng đưa chị Thuận sang nhà hộ sinh của nhà thương vì chị đã đến kỳ sinh nở. Tỉnh bộ giao cho cơ sở ở nhà thương giúp đỡ và tạo điều kiện cho chị Thuận vượt ngục. Chị Thuận là đảng viên cộng sản, biết nhiều cơ sở của Đảng bộ Hải Phòng nên bọn mật thám canh phòng rất cẩn mật. Do kế hoạch đã được bố trí của chị Vinh vào sáng tối một ngày đầu tháng 10/1939, chị Nguyễn Thị Thuận đã vượt khỏi nhà tù để hoạt động cách mạng.

Sau khi chị Thuận vượt ngục, mật thám Pháp mở cuộc điều tra, xét hỏi thầy thuốc và nhân viên nhà hộ sinh. Chúng bắt chị Vinh nhưng không đủ chứng

cứ đành phải thả. Đầu tháng 11/1930, do có kẻ phản bội khai về những hoạt động của nhóm hoạt động ở nhà thương, mật thám Pháp đã ập đến nhà thương bắt chị Vinh. Ngày ấy, tờ báo Đông Pháp ra ngày 7 tháng 11 năm 1930 đã đưa tin:

“... Sáng nay lại bắt cô đỡ nhà thương tên là Nguyễn Thị Vinh và em gái cô là Nguyễn Thị Hiến. Chính cô Vinh đã báo cho bà Nguyễn Thị Thuận, là người quốc sự phạm vượt ngục hồi nọ. Cả hai chị em cô Vinh đã bị tổng giam để xét xử về tội âm mưu làm rối loạn an ninh công cộng.”

Sau khi chị Vinh, chị Hiến bị thực dân Pháp bắt, hoạt động cách mạng trong nhà thương lắng hẳn xuống. Nhưng các cuộc đấu tranh quyết liệt của công nhân và nông dân thành phố vẫn tiếp diễn, tác động trực tiếp đến thầy thuốc và nhân viên nhà thương, lôi cuốn họ tham gia ủng hộ cách mạng. Sáng ngày 31/7/1932, mặc dù các ngã đường đều bị cấm, binh lính đầy đường, dân chúng thành phố, trong đó có thầy thuốc, nhân viên, bệnh nhân ở nhà thương đã kéo đến công đề lao biểu tình phản đối thực dân Pháp thi hành án tử hình đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, Hồ Ngọc Lân.

Phát xít Nhật đổ bộ vào Hải Phòng, rồi Nhật – Pháp đánh nhau. Phong trào giải phóng dân tộc lúc mạnh lúc yếu, lúc lên lúc xuống... Rồi cách mạng bùng nổ trong những ngày tháng Tám năm 1945 lịch sử. Ngày 23 tháng 8 năm 1945, từ sáng sớm, dân chúng các xóm thợ, đường phố, nông thôn kéo về Nhà hát lớn thành phố mít tinh giành chính quyền. Bác sĩ Nguyễn Xuân Nguyên được cử làm chủ tịch Ủy ban Cách mạng lâm thời. Các thầy thuốc, y tá, hộ sinh, y công của nhà thương cũng chỉnh tề trong đội ngũ của mình. Khí thế cách mạng đã làm họ hăng say, nhiệt tình tham gia giải quyết khó khăn, xây dựng chế độ mới. Đất nước được độc lập, nhà thương được mở rộng, thầy thuốc được đào tạo.

Sau hơn một năm, ngày 20 tháng 11 năm 1946, thực dân Pháp nổ súng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn miền Bắc, đánh chiếm trở lại Hải Phòng. Nhiều lớp huấn luyện cấp tốc về cứu thương cho tự vệ, thanh niên khu phố được mở kịp thời. Nhiều thầy thuốc và nhân viên y tế tham gia bộ đội, cứu chữa và phát thuốc cho chiến sĩ và nhân dân bị tai nạn. Họ có mặt ở những nơi xảy ra chiến sự ác liệt. Sau đó, một số thầy thuốc, nhân viên y tế đã ra đi kháng chiến. Những người vì hoàn cảnh riêng, ở lại, vẫn tận tụy làm chuyên môn nghiệp vụ chữa bệnh cho nhân dân. Một số y tá và thầy thuốc vẫn bí mật đưa cán bộ, bộ đội vào nhà thương chữa bệnh, băng bó vết thương và giúp họ thoát khỏi sự truy lùng của địch. Công đoàn thành phố đã xây dựng được cơ sở và đoàn viên tích cực trong nhà thương. Các anh, chị Thúy Hạnh, Nguyễn Như Đồng, Lê Thị Nguyệt, Lê Văn Tiểu, Nguyễn Thị Định, Hoàng Thị Ty... sau tiếp

quản thành phố, là những đoàn viên công đoàn đầu tiên của ngành y tế thành phố.

LIÊN HIỆP CÔNG ĐOÀN
HAI - PHÒNG

SỐ 74 / ĐC

Hải-phòng ngày 9- 12 - 1954

BAO CAO ĐẠO BIẾT

Tình hình nhà thương chính

1) Ngày 7 - 12 - 1954 định cho rở những tên ở nhà thương chính, nhưng chưa thấy chúng mang đi, có lẽ chờ ngày mai không có gì nó sẽ chuyển. Thời gian nó rở hết cấp tốc có từ sáng đến chiều đi xong 1 số gian.

Đối phó việc này, cơ sở ta vẫn vận động, giải thích rộng rãi trong cơ sở và nhân dân để phòng và chuẩn bị đấu tranh.

Đề nghị Thành ủy báo cho bộ phận chính ở đây có nhiệm vụ theo sát và đấu tranh.

2) Hiện nay Tổ Quốc ở Hotel Cát Bi Hảiphong lại ở trên gác mà ở dưới có mấy tên tây lai và lính Pháp ở gác ở đó, nếu bị đưa đến nó không cho lên gác và nó la hét đi, có khi nó trở lại phải làm bằng tiếng gào, nó mới nhận. Có việc cạnh gác của bọn tây lai và lính Pháp như vậy, nó làm cho nhân dân rất nhiều cho việc đưa đến tổ chức để đấu tranh của ta.

Đề nghị trên viết thư cho Ủy Ban Liên Hợp đấu tranh đề nghị Tổ quốc ở Hảiphong phải dời đến ở ngoài cửa và cử người của Tổ quốc ở thường trực để nhận đón của nhân dân.

T/L Ban Thường vụ LHCD Hảiphong

Hội nhận:

- Kim, TĐ, TĐĐ (để b/c về đề nghị oàn thiệp)
- Hướng chức để trao đổi tình hình
- Lưu

Báo cáo đặc biệt của Liên hiệp Công đoàn thành phố về tình hình Nhà thương chính

Tháng 5/1954, chiến thắng Điện Biên Phủ và sau đó hiệp định Giơnevơ được ký kết. Miền Bắc được giải phóng, Hải Phòng là địa bàn tập kết 300 ngày để quân đội Pháp rút lui. Những ngày cuối cùng, chúng ráo riết thực hiện âm mưu thâm độc với người, cướp của, phá hoại sản xuất, hòng biến Hải Phòng thành thành phố chết. Chúng ép các công sở nhà máy tháo dỡ máy móc mang đi, bắt công chức, công nhân kỹ thuật... ký đơn xin di cư, cưỡng ép dụ dỗ mọi người di cư vào Nam. Khắp nơi trong thành phố, công sở, xưởng thợ, bệnh viện... dân chúng nổi dậy đấu tranh. Hai cuộc đấu tranh ở Phòng khám chữa răng (ngày 29 và 30 tháng 11 năm 1954) và Nhà thương chính (ngày 4 tháng 1 năm 1955) là hai cuộc điển hình của toàn ngành thành phố. Nhiều thầy thuốc, nhân viên nhà thương tích cực vận động nhau không mắc mưu địch, bí mật

chuyển tài liệu, máy móc, dụng cụ chuyên môn ra vùng tự do, cung cấp tình hình và âm mưu địch cho ủy ban quân chính tiếp quản thành phố.

Ngày 27 và 28/11/1954, địch cho đóng hòm định lấy dụng cụ và phương tiện chuyên môn ở phòng khám đa khoa Vườn hoa, anh chị em kịp thời báo cho ủy ban tiếp quản. Tám giờ sáng ngày 29/11/1954, số đông anh chị em y tá, nhân viên Vườn hoa, Nhà thương chính, Trạm phát thuốc Hạ Lý kéo đến giữ máy móc. Cùng lúc đó, một bộ phận đưa đơn có 180 chữ ký lên ủy ban giám sát Quốc tế. Mười giờ, lực lượng an ninh, biệt động, cảnh sát địch đến bao vây, đánh đập dã man và bắt đi một số nhân viên tích cực. Một giờ chiều, dân chúng ở các nơi đổ về tới vạn người, chật ních cả hai dòng Bon-nan (Nguyễn Đức Cảnh) và Xa-vat-xi-ơ (Quang Trung). Khẩu hiệu đấu tranh là đòi thả người bị bắt, bồi thường cho những người bị đánh, không được tháo dỡ máy móc. Sáng ngày 30/11/1954, quần chúng lại kéo đến đông hơn. Kẻ thù nhận thất bại, phải ký vào biên bản của ủy ban giám sát Quốc tế và thả những 5 người để tra xét, không có chứng cứ đành phải thả. Ở nhà thương chính, từ ngày 25/12/1954, lính địch đã đến đóng hòm và tháo dỡ phương tiện y tế, khủng bố nhiều anh chị em cơ sở công đoàn và quần chúng tích cực. Số anh em này có khoảng 50 người nhưng lại làm việc rải rác nhiều nơi. Đầu tháng 1/1955, chúng bắt 10 người là y tá và nhân viên ở một số hòng. Số anh chị em khác được báo trước đã thoát ra khu tự do.

Trưa ngày 4/1/1955, được tin xe nhà binh Pháp đến chuyển máy móc xuống tàu mang đi, dân chúng thành phố đã kéo đến bao vây. Địch huy động nhiều bảo chính đoàn, lính sen đầm đến khủng bố, bắt bớ và ngăn chặn các ngã đường. Sáng sớm ngày 5/1/1955, dân chúng đến lẻ lẻ, lấy cớ thăm hoặc đưa cơm, quà bánh cho người nhà, phân tán vào các khoa, phòng, chờ đấu tranh bên ngoài nổ thì phối hợp. Binh lính địch đến đàn á dã man và chúng đã mang đi được một số hòm máy. Các ngày tiếp theo, từ 6 đến 11/1/1955, mặc dù ủy ban giám sát Quốc tế đã ghi nhận số máy móc còn lại, lính Pháp vẫn điên cuồng đàn áp đấu tranh, đem đi nhiều máy móc quý. Suốt gần một tháng đấu tranh với địch, mặc dù trên hai người bị bắt và tra tấn đánh đập, anh chị em nhân viên nhà thương luôn tin tưởng vào Chính phủ kháng chiến, quyết tâm giữ máy móc, dụng cụ chuyên môn để có điều kiện phục vụ nhân dân.

Ngày 13/5/1955, một ngày hè đẹp trời, các tầng lớp nhân dân Hải Phòng ủa ra đường chào đón những chiến sĩ và cán bộ vào tiếp quản thành phố. Hải Phòng được giải phóng. Nhà thương thành phố trở về với nhân dân.

ĐẢNG BỘ

Đảng bộ bệnh viện Việt Tiệp gồm 225 Đảng viên, chia làm 32 chi bộ. Đảng viên của Đảng bộ có trình độ chính trị Cao cấp là 7 đồng chí, Trung cấp là 29 đồng chí và Sơ cấp là 42 đồng chí. Đảng bộ Bệnh viện nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Lãnh đạo Đảng bộ hiện nay:

Bí thư Đảng ủy: Đồng chí Lê Trung Dũng- Giám đốc bệnh viện

Phó Bí thư Đảng ủy: đồng chí Nguyễn Quốc Hùng – Phó giám đốc bệnh viện

Bí thư Đảng ủy tiền nhiệm:

1. Đ/c Phan Văn Ba
2. Đ/c Hồ Trọng Bảo
3. Đ/c Đinh Hoàng
4. Đ/c Nguyễn Văn Luyện
5. Đ/c Hoàng Hữu Duyên



Đ/c Nguyễn Văn Luyện



Đ/c Hoàng Hữu Duyên



Cử nhân chính trị
Lê Trung Dũng



CÔNG ĐOÀN

Công đoàn Bệnh viện có tổng số đoàn viên là 830, trong đó có 555 nữ, gồm 39 tổ công đoàn và 5 công đoàn bộ phận. Công đoàn Bệnh viện hoạt động tốt, được tặng thưởng nhiều cờ, bằng khen của Công đoàn ngành Y tế Thành phố và Trung ương, của Liên đoàn Lao động Thành phố. Đoàn viên Công đoàn tích cực tham gia các phong trào văn nghệ, thể thao và giành được 7 giải thưởng, nhiều huy chương Hoa phượng đỏ.

Lãnh đạo Công đoàn hiện nay: đồng chí Lê Thị Tuyết Dung- Chủ tịch

Chủ tịch Công đoàn tiền nhiệm:

1. Đ/c Trần Ngọc Dũng
2. Đ/c Nguyễn Ngọc Dũng
3. Đ/c Nguyễn Thị Lan
4. Đ/c Nguyễn Văn Khang
5. Đ/c Vũ Khánh
6. Đ/c Nguyễn Thái Hòa
7. Đ/c Phạm Long
8. Đ/c Hoàng Tuyết Minh
9. Đ/c Nguyễn Chí Việt



Đ/c Nguyễn Thái Hoà



Đ/c Phạm Long



Đ/c Hoàng Tuyết Minh



Đ/c Nguyễn Chí Việt



Đ/c Lê Thị Tuyết Dung



Ban Chấp hành Công đoàn bệnh viện nhiệm kỳ 2005-2007

CÁC PHÒNG, KHOA BỆNH VIỆN

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Ngày 29/1/1959, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp được thành lập. Xác định con người là yếu tố quan trọng trong hoạt động của Bệnh viện, là khâu then chốt trong quá trình Đảng lãnh đạo chuyên môn, ***phòng tổ chức cán bộ*** là một trong những phòng chức năng chính của bệnh viện được thành lập ngay sau đó. Phòng Tổ chức cán bộ là phòng nghiệp vụ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban giám đốc bệnh viện về công tác tổ chức cán bộ, công tác bảo vệ chính trị nội bộ của bệnh viện. Phòng hiện có 1 biên chế dược sĩ, 2 bác sĩ, 2 cử nhân, 2 cán sự

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Trưởng phòng: Dược sĩ CK I Đặng Mạnh Hùng

Phó phòng: Bác sĩ CK I Trần Thị Xuân Lan

Bác sĩ CK I Nguyễn Thị Ngoan

Trưởng phòng tiền nhiệm:

1. Đ/c Nguyễn Đình Thông
2. Đ/c Lê Đình Cúc
3. Đ/c Lê Phi Long
4. Đ/c Vũ Huệ
5. Đ/c Hoàng Hữu Duyên



Đ/c Vũ Huệ



Đ/c Hoàng Hữu Duyên



Đ/c Trần Thị Xuân Lan



Đ/c Đặng Mạnh Hùng



Đ/c Nguyễn Thị Ngoan



Tập thể phòng Tổ chức cán bộ

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

Phòng kế hoạch tổng hợp gồm các bộ phận Thống kê, Quản lý thông tin, Hành chính nghiệp vụ, Hồ sơ bệnh án, Chỉ đạo tuyến. Phòng có biên chế tổ chức gồm 16 cán bộ công nhân viên (4 bác sĩ, 2 cử nhân, 10 y tá).

Chức năng – nhiệm vụ:

1. Lập kế hoạch hoạt động bệnh viện.
2. Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyên môn
3. Tổ chức công tác thường trực bệnh viện.
4. Phối hợp quản lý bệnh nhân.
5. Điều phối hoạt động giữa các khoa và giữa các bệnh viện.
6. Lưu trữ và khai thác hồ sơ bệnh án.
7. Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thảm họa
8. Quản lý thông tin và báo cáo thống kê tổng hợp
9. Đánh giá hiệu quả các hoạt động.

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Phụ trách phòng: Bác sĩ CK I Nguyễn Thế Vinh

Phó phòng: Bác sĩ CK I Đàm Thị Kim Lương

Trưởng phòng tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Trần Luật
2. Bác sĩ Đỗ Ngọc Thuận
3. Bác sĩ Nguyễn Văn Khang
4. Tiến sĩ, bác sĩ Hoàng Thế Cường
5. Bác sĩ CK II Nguyễn Thế Ngọc
6. Bác sĩ Nguyễn Quốc Hiệu
7. Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Quốc Hùng
8. Bác sĩ CK II Lương Duy Khánh
9. Bác sĩ Cao Văn Viện (phó phòng phụ trách)
10. Thạc sĩ, bác sĩ Nguyễn Xuân Phùng



Đ/c Trần Luật



Đ/c Hoàng Thế Cường



Đ/c Nguyễn Thế Ngọc



Đ/c Nguyễn Quốc Hiệu



Đ/c Nguyễn Quốc Hùng



Đ/c Lương Duy Khánh



Đ/c Nguyễn Xuân Phụng



Đ/c Nguyễn Thế Vinh



Đ/c Đàm Thị Kim Lương



Tập thể phòng Kế hoạch tổng hợp

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán được biên chế 28 CBCNV, trong đó có 14 cử nhân (CN), 13 trung cấp, 1 sơ cấp.

Chức năng – nhiệm vụ:

1. Lập dự toán ngân sách, kế hoạch thu chi và tổ chức thực hiện khi kế hoạch được phê duyệt.
2. Tổ chức và quản lý chặt chẽ việc thu viện phí theo quy định.
3. Xây dựng định mức chi tiêu cho từng hoạt động cụ thể của bệnh viện.
4. Tổ chức công tác kế toán trong bệnh viện, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác kế toán, chế độ thu chi của bệnh viện.
5. Định kỳ thực hiện báo cáo quyết toán, tổng kết tài sản, kiểm kê tài sản.
6. Tổ chức bảo quản lưu trữ các chứng từ, sổ sách kế toán theo đúng quy định.
7. Tổng hợp tình hình, số liệu cụ thể, phân tích kết quả hoạt động của bệnh viện.

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Trưởng phòng: CN Nguyễn Thị Dung

Phó phòng: CN Đỗ Thị Kim Phương

Trưởng phòng tiền nhiệm:

1. Đ/c Vũ Chuông
2. Đ/c Phạm Thị Hòa
3. Đ/c Nguyễn Gia Liên
4. Đ/c Nguyễn Ngọc Chiến



Đ/c Vũ Chuông



Đ/c Phạm Thị Hoà



Đ/c Nguyễn Gia Liên



Đ/c Nguyễn Ngọc Chiến



Đ/c Nguyễn Thị Dung



Đ/c Đỗ Thị Kim Phương



Tập thể phòng Tài chính kế toán

PHÒNG VẬT TƯ THIẾT BỊ Y TẾ

Phòng Vật tư thiết bị Y tế là phòng chức năng trực thuộc Ban giám đốc, Biên chế tổ chức gồm 7 CBCNV, có nhiệm vụ tư vấn cho Ban Giám đốc về trang thiết bị y tế (TTBYT) trong các công việc:

1. Mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa.
2. Xây dựng kế hoạch trang bị ngắn hạn, dài hạn.
3. Đánh giá hiệu quả hoạt động khai thác
4. Kiểm kê, đánh giá tình trạng hoạt động
5. Xây dựng quy trình vận hành, nội quy bảo quản.

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Trưởng phòng: KS Lại Huy Thi

Phó trưởng phòng: CN Ngô Thị Lan

Trưởng phòng tiền nhiệm:

Đ/c Hoàng Cang



Đ/c Lại Huy Thi



Đ/c Ngô Thị Lan



Tập thể phòng Vật tư thiết bị Y tế



Lễ kết nạp Đảng viên mới

PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

Phòng Hành chính quản trị có chức năng – nhiệm vụ:

1. Cung cấp, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất trang thiết bị thông dụng trong bệnh viện.

2. Cung ứng phương tiện, trang phục và những vật dụng thiết yếu để phục vụ hoạt động chuyên môn.

Biên chế tổ chức của phòng gồm 30 cán bộ công nhân viên, làm việc ở các tổ Quản trị, Hành chính, Điện – nước, Lò hơi, Sửa chữa, Thang máy.

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Trưởng phòng: Bác sĩ CK I Đào Trọng Đạo

Phó phòng: CN Đào Mạnh Quyền

Trưởng phòng tiền nhiệm:



Đ/c Nguyễn Văn Hải



Đ/c Đào Trọng Đạo



Đ/c Đào Mạnh Quyền



Tập thể phòng Hành chính quản trị



PHÒNG Y TÁ – ĐIỀU DƯỠNG

Thành lập ngày 2 tháng 6 năm 1989, **phòng Y tá – Điều dưỡng** là phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Giám đốc bệnh viện và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về tổ chức, điều hành, giám sát công tác chăm sóc người bệnh và thực hiện quy chế quản lý bệnh viện. Phòng có chức năng- nhiệm vụ:

1. Tổ chức học tập cho y tá mới, học lại chế độ chức trách, kỹ năng giao tiếp.
2. Tham gia quản lý vật tư tiêu hao.
3. Phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ quản lý nhân lực (thực hiện luân chuyển, bố trí cán bộ cho phù hợp yêu cầu)
4. Triển khai công tác chăm sóc toàn diện cho người bệnh trong bệnh viện.
5. Thực hiện huấn luyện chuyên môn định kỳ hàng tháng.
6. Tổ chức thi tay nghề điều dưỡng, kỹ thuật viên hàng năm.
7. Nhắc nhở việc tự giác thực hiện tốt 12 điều y đức của Bộ Y tế.

Lãnh đạo phòng hiện nay:

Trưởng phòng: Cử nhân Lê Thị Bích Thủy

Phó phòng:

- Phụ trách khối Ngoại: Điều dưỡng trưởng Trương Thị Minh Tuấn
- Phụ trách khối Nội: Điều dưỡng trưởng Nguyễn Thị Hòa
- Phụ trách khối Chuyên khoa lẻ: CN Phạm Thị Thảo

Trưởng phòng tiền nhiệm:

Điều dưỡng trưởng Trương Thị Minh Tuấn



Đ/c Lê Thị Bích Thủy



Đ/c Trương Thị Minh Tuấn



Đ/c Nguyễn Thị Hoè



Đ/c Phạm Thị Thảo



Tập thể phòng Y tá - Điều dưỡng

KHOA PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU (Khoa Ngoại 7)

Khoa Phẫu thuật tiết niệu được thành lập năm 1970. Hiện nay biên chế tổ chức của Khoa gồm 23 cán bộ công nhân viên; có 1 tiến sĩ, 2 thạc sĩ, 2 bác sĩ CK II, 1 bác sĩ CK I, 7 bác sĩ, 14 y tá, 2 hộ lý. Khoa đã thực hiện được nhiều ca phẫu thuật khó:

1. Ứng dụng phương pháp khống chế động mạch thận trong phẫu thuật sỏi thận.
2. Phẫu thuật cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình bàng quang bằng ruột
3. Phẫu thuật nội soi qua ổ bụng điều trị sỏi niệu quản
4. Phẫu thuật tạo hình niệu đạo bằng phương pháp cắt nội soi qua niệu đạo
5. Phẫu thuật nội soi cắt u phì đại tiền liệt tuyến trên 50gr với dịch rửa Sorbitol.
6. Mở thành công ca ghép thận tự thân đầu tiên tại Hải Phòng.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Bùi Minh Tân

Phó khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Công Bình

Bác sĩ CK III Lê Thế Cường- Bí thư Đảng ủy Trường Đại học Y Hải Phòng

Trưởng khoa tiền nhiệm

PGS, TS, bác sĩ Đỗ Phú Đông



Đ/c Lê Thế Cường



Đ/c Bùi Minh Tân



Đ/c Nguyễn Công Bình



Tập thể khoa Ngoại 7



KHOA NGOẠI TỔNG HỢP

(Khoa Ngoại 8)

Khoa Ngoại 8 hiện biên chế gồm 30 CBCNV (6 bác sĩ, 22 y tá, 2 hộ lý). Khoa có 12 giường bệnh; 5 phòng khám Chuyên khoa (Chấn thương, Tiết niệu, Tiêu hóa, Ung bướu, Bướu cổ); 2 phòng Tiểu phẫu hoạt động 24/24 giờ. Khoa có **chức năng – nhiệm vụ**:

1. Tiếp đón bệnh nhân cấp cứu ngoại khoa.
2. Xử trí, phân loại bệnh nhân đưa đi điều trị tại các khoa
3. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, trường Trung cấp Y Hải Phòng và Trung cấp Y Hải Dương.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Dương Đức Hưng

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ CK II Bùi Ngọc Chấn
2. Bác sĩ CK II Vũ Thị Minh
3. Bác sĩ CK I Trần Thanh Tùng
4. Bác sĩ CK II Lương Duy Khánh
5. Bác sĩ CK II Lê Trung Dũng.



Đ/c Bùi Ngọc Chấn



Đ/c Vũ Thị Minh



Đ/c Trần Thanh Tùng



Đ/c Lương Duy Khánh



Đ/c Lê Trung Dũng



Đ/c Dương Đức Hùng



Tập thể khoa Ngoại 8

KHOA PHẪU THUẬT TIÊU HÓA

(Khoa Ngoại 9)

Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa thành lập năm 1983. Biên chế hiện nay của Khoa gồm 22 CBCNV, trong đó có 8 bác sĩ (1 tiến sĩ, 2 thạc sĩ, 1 CK II, 2 CK I, 2 bác sĩ điều trị).

Chức năng – nhiệm vụ:

1. Khám và điều trị những bệnh lý hệ tiêu hóa, các tạng bụng, can thiệp nội soi, mổ nội soi ổ bụng...
2. Tham gia giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, học sinh trường Trung cấp Y Hải Phòng và Trung cấp Y Hải Dương.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Duy Duyên

Phó khóa: Tiến sĩ, bác sĩ Phạm Văn Duyệt

Bác sĩ CK I Phan Thị Tuyết Lan

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Hồ Văn Cang
2. Bác sĩ Lê Văn Phú
3. Bác sĩ CK II Nguyễn Lược
4. Bác sĩ CK II Vũ Thị Minh
5. Bác sĩ CK II Bùi Ngọc Chấn



Đ/c Nguyễn Lược



Đ/c Vũ Thị Minh



Đ/c Bùi Ngọc Chấn



Đ/c Nguyễn Duy Duyên



Hình ảnh mổ cắt khối tá tụy



Hình ảnh báo cáo khoa học



Tập thể bác sỹ và nhân viên khoa Ngoại 9

KHOA CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

(Khoa Ngoại 10)

Biên chế tổ chức của **khoa Chấn thương Chỉnh hình** gồm 23 CBCNV: 9 bác sĩ (2 thạc sĩ, 2 bác sĩ CK II, 4 bác sĩ CK I), 12 y tá, 2 hộ lý. Khoa có **chức năng – nhiệm vụ**:

1. Khám và điều trị những bệnh chấn thương mới và cũ, hậu quả của những chấn thương để lại về xương và khớp.
2. Khám và điều trị bằng nắn bó bột những ca chấn thương cấp cứu ít đi lệch hoặc không đi lệch.
3. Tham gia giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng và học sinh trường Trung cấp y Hải Phòng.
4. Đi tuyến nhằm hỗ trợ tuyến dưới về chấn thương.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Dương Mạnh Hùng

Phó khoa: Bác sĩ CK I Trần Ngọc Lâm

Bác sĩ CK II Vũ Đức Chuyện

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Phạm Như Trác
2. PGS, bác sĩ Đoàn Văn Đảm
3. Bác sĩ CK II Nguyễn Thế Ngọc



Đ/c Đoàn Văn Đảm



Đ/c Nguyễn Thế Ngọc



Đ/c Dương Mạnh Hùng



Tập thể khoa Ngoại 10



Lãnh đạo Thành phố, Sở Y tế thăm bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện

KHOA BỎNG TẠO HÌNH

(Khoa Ngoại 11)

Khoa Bỏng tạo hình hiện có 19 CBCNV, gồm 6 bác sĩ (2 thạc sĩ, 3 CK II, 1 nghiên cứu sinh), 11 y tá, 2 hộ lý. Khoa có 52 giường với chức năng – nhiệm vụ:

1. Khám và điều trị những bệnh nhân bỏng mới.
2. Phẫu thuật tạo hình
3. Phẫu thuật điều trị di chứng
4. Phẫu thuật thẩm mỹ
5. Phẫu thuật điều trị các bệnh tuyến giáp

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Đức Thành

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ CK II Phạm Văn Trung

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. GS.TS, bác sĩ Đỗ Quang
2. Bác sĩ cao cấp, bác sĩ CK II, thạc sĩ Phạm Thị Việt



Đ/c Phạm Thị Việt



Đ/c Nguyễn Đức Thành



Đ/c Phạm Văn Trung



Tập thể khoa Ngoại 11



KHOA PHẪU THUẬT THẦN KINH

(Khoa Ngoại 12)

Thành lập tháng 7 năm 1991, *khoa Phẫu thuật Thần kinh* hiện biên chế tổ chức có 16 CBCNV gồm 5 bác sĩ, 9 y tá, 2 hộ lý. Khoa có nhiệm vụ chẩn đoán và điều trị các bệnh lý thần kinh và cột sống. Các phẫu thuật đã thực hiện được:

1. *Hệ thống thần kinh*: u não, tụ máu nội sọ do TBMN, não úng thủy, tụ máu nội sọ và dập não do chấn thương sọ não kín và vết thương sọ não hở.

2. *Cột sống và tủy*: thoát vị đĩa đệm cổ và thắt lưng, trượt đốt sống thắt lưng, gãy cột sống, gãy liệt tủy và u tủy.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Đức Thiết

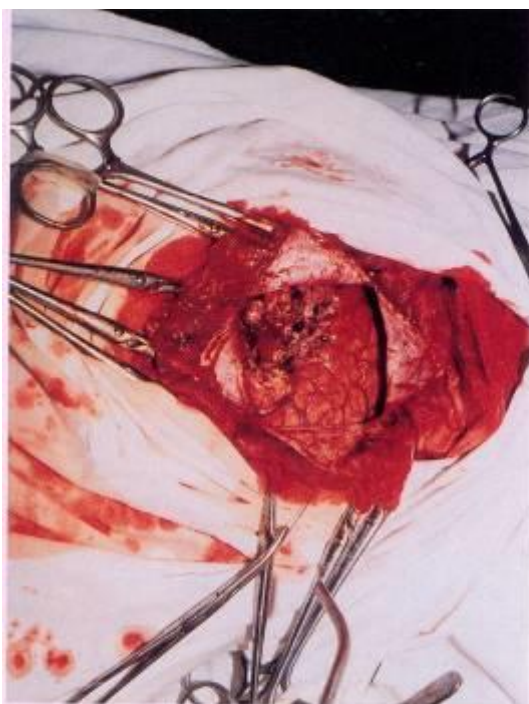
Phó khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Ngọc Hùng



Đ/c Nguyễn Đức Thiết



Đ/c Nguyễn Ngọc Hùng



Phẫu thuật cắt u não



Bệnh nhân sau mổ cắt u não



Tập thể khoa Phẫu thuật thần kinh

KHOA PHẪU THUẬT LÒNG NGỰC

Khoa được thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1999, hiện có 16 CBCNV, gồm 5 bác sĩ, 9 y tá, 2 hộ lý. **Khoa Phẫu thuật Lòng ngực** có 28 giường bệnh, đã thực hiện được:

1. Phẫu thuật tim kín như nong van tim hai lá, cắt ống động mạch, phẫu thuật phổi, cắt u trung thất, các phẫu thuật mạch máu được duy trì thường quy.

2. Cấp cứu nhiều ca bệnh hiểm nghèo như vỡ tim, vết thương tim, vỡ eo động mạch chủ, đứt phế quản, vết thương động mạch chủ, nổi bàn tay đứt rời...

3. Đặc biệt ngày 30/10/2004 ca mổ tim phổi máy đầu tiên tại Hải Phòng đã được tiến hành thành công. Từ đó đến nay đã được thực hiện một cách thường xuyên.

4. Một số kỹ thuật mới được áp dụng tại khoa: phẫu thuật nội soi lồng ngực cắt kén khí, cắt thần kinh giao cảm ngực chữa ra mồ hôi tay.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ Phạm Minh Ánh

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Ngô Phi Long



Đ/c Phạm Minh Ánh



Đ/c Ngô Phi Long



Tập thể khoa Phẫu thuật Lồng ngực



Ca mổ còn ống động mạch

KHOA Ung BƯỚU

Thành lập ngày 22 tháng 6 năm 1993, *khoa Ung bướu* hiện có 23 CBCNV gồm: 8 bác sĩ (trong đó có 2 CK II, 4 thạc sĩ), 10 KTV, 1 y tá, 4 hộ lý. Khoa có nhiệm vụ:

1. Khám và phân loại bệnh nhân ung thư tại phòng khám chuyên khoa
2. Khám bệnh cộng đồng, làm tốt công tác tuyến, thực hiện chương trình khám phá hiện sớm một số bệnh ung thư tại các cơ sở y tế Quận, Huyện thuộc thành phố Hải Phòng.
3. Điều trị phẫu thuật, đặc biệt như cắt tạo hình thực quản, cắt khối tá tụy, cắt vú nạo vét hạch.
4. Xạ trị, hóa trị
5. Tham gia giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Lam Hòa

Phó khoa: Bác sĩ CK I Nguyễn Văn Tuyên

 Bác sĩ CK I Nguyễn Đình Giang

Trưởng khoa tiền nhiệm:

Bác sĩ Nguyễn Văn Tuyên



Đ/c Nguyễn Lam Hoà



Đ/c Nguyễn Văn Tuyên



Đ/c Nguyễn Đình Giang



Tập thể khoa Ung Bướu



KHOA HỒI SỨC NGOẠI

Khoa Hồi sức Ngoại được thành lập vào tháng 8 năm 2005 (tách ra từ khoa Hồi sức Trung tâm). Biên chế tổ chức hiện nay có 27 CBCNV, gồm 10 bác sĩ (2 CK II, 1 bác sĩ CK I, 1 thạc sĩ, 1 bác sĩ Nội trú), 13 y tá, 4 hộ lý. Khoa có 20 giường bệnh, được đầu tư tốt các trang thiết bị hỗ trợ cấp cứu: máy thở, monitor, bơm điện, máy theo dõi độ bão hòa ôxy, máy điện tim...

Chức năng – nhiệm vụ

- Hồi sức các bệnh nhân cấp cứu ngoại khoa

- Định hướng:

1. Hồi sức mổ tim hở
2. Hồi sức suy đa phủ tạng
3. Phát triển kỹ thuật siêu lọc máu, thận nhân tạo
4. Thở máy xâm nhập và không xâm nhập
5. Đặt máy tạo nhịp cấp cứu.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Thắng Toàn

Phó khoa: Bác sĩ CK II Trần Thị Thanh Thủy

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ CK II Bùi Như Ngọc
2. Tiến sĩ, bác sĩ Song Anh
3. Tiến sĩ, bác sĩ Huỳnh Phan
4. Bác sĩ CK II Trần Thanh Tùng



Đ/c Nguyễn Song Anh



Đ/c Huỳnh Phan



Đ/c Trần Thanh Tùng



Đ/c Nguyễn Thắng Toàn



Đ/c Trần Thị Thanh Thủy



Tập thể khoa Hồi sức ngoại

KHOA GÂY Mê HỒI TỈNH

Khoa Gây mê hồi tỉnh được thành lập ngay sau ngày Hải Phòng giải phóng (13/5/1955). Hiện khoa có 43 CBCNV: 10 bác sĩ (1 bác sĩ cao cấp, 1 thạc sĩ, 1 bác sĩ CK I), 28 Đ DV-KTV, 5 hộ lý. Cơ sở làm việc của Khoa ở 2 khu:

1. Khu 6 tầng: có 9 phòng mổ hiện đại; 1 phòng hồi tỉnh 6 giường bệnh
2. Khu 2 tầng: có 4 bàn mổ cấp cứu và chuyên khoa; 1 phòng hồi tỉnh 6 giường bệnh.

Khoa Gây mê hồi tỉnh là một trong những cơ sở truyền hình trực tuyến của bệnh viện trung ương

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ cao cấp Nguyễn Văn Nghĩa

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Cao Thị Bích Hạnh

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Phạm Thụy Liên
2. Bác sĩ Bùi Thúy Hạnh
3. Bác sĩ Lê Thị Nguyệt Ánh
4. Bác sĩ Ngô Văn Hoàn
5. Bác sĩ Bùi Như Ngọc
6. Bùi Thị Tuyết Mai



Đ/c Ngô Văn Hoàn



Đ/c Nguyễn Văn Nghĩa



Đ/c Cao Thị Bích Hạnh



Tập thể khoa Gây mê hồi tỉnh

KHOA PHỤC VỤ THEO YÊU CẦU

Thành lập ngày 01/02/1990, hiện *khoa Phục vụ theo yêu cầu* có 14 CBCNV, gồm 3 bác sĩ (1 CK II, 2 CK I), 7 ĐDV, 4 hộ lý, Khoa có 30 giường bệnh với chức năng khám và điều trị theo yêu cầu thuộc tất cả các chuyên khoa (trừ lây, HIV). Khoa còn kết hợp với bệnh viện Việt Đức mời các chuyên gia đầu ngành về hội chẩn và mổ những ca khó theo yêu cầu của bệnh viện.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Bùi Thanh Doanh

Phó khoa: Bác sĩ CK I Nguyễn Kim Loan

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ CK II Vũ Thị Minh
2. BÁC SĨ CK I Trần Thanh Tùng
3. Bác sĩ cao cấp CK II Lê Trung Dũng



Đ/c Vũ Thị Minh



Đ/c Trần Thanh Tùng



Đ/c Lê Trung Dũng



Đ/c Bùi Thanh Doanh



Tập thể khoa Phục vụ theo yêu cầu

KHOA QUỐC TẾ

Khoa Quốc tế hiện có 7 CBCNV, gồm 1 bác sĩ, 5 y tá, 1 hộ lý. Khoa có 5 giường bệnh, có nhiệm vụ khám và điều trị cho bệnh nhân người nước ngoài, như các khách du lịch, các chuyên gia đang công tác tại Việt Nam, các thuyền viên quá cảnh ở Việt Nam. Khoa còn có nhiệm vụ điều trị cho một số cán bộ Thành ủy.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Nguyễn Thị Hương

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Võ Thị Xuân Trà
2. Bác sĩ Nguyễn Văn Tân
3. PGS.TS, bác sĩ Nguyễn Thanh Giang
4. Bác sĩ Nguyễn Thị Tuệ
5. Tiến sĩ, bác sĩ Hoàng Đăng Mịch



Đ/c Nguyễn Văn Tân



Đ/c Nguyễn Thanh Giang



Đ/c Nguyễn Thị Tuệ



Đ/c Hoàng Đăng Mịch



Đ/c Nguyễn Thị Hương



Tập thể khoa Quốc tế

PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA NỘI

Phòng khám Chuyên khoa Nội hiện có 22 CBCNV, gồm 7 bác sĩ (2 CK II, 5 CK I và thạc sĩ các chuyên khoa), 13 y tá, 2 bảo vệ.

Phòng có ***nhiệm vụ:***

1. Khám chữa bệnh ngoại trú
2. Khám bệnh, phân loại và cấp cứu các bệnh Nội khoa: tim mạch, tiêu hóa, thần kinh, hô hấp, yêu cầu, nội tiết, tiết niệu, lây.
3. Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, tư vấn sức khỏe cho nhân dân.

Lãnh đạo khoa hiện nay: Bác sĩ CK I Tổng Thị Thiếp

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Lê Văn Thông (1960)
2. Bác sĩ Nguyễn Đình Quế
3. Bác sĩ Lê Việt Thu
4. Bác sĩ Võ Thị Xuân Trà
5. Bác sĩ Nguyễn Văn Tân
6. Bác sĩ Lê Khắc Đệ
7. Bác sĩ Phạm Thanh Thủy
8. Bác sĩ Đinh Thị Nga
9. Bác sĩ Lê Thị Bích Dung
10. Bác sĩ Chu Minh Hà



Đ/c Lê Khắc Đệ



Đ/c Đinh Thị Nga



Đ/c Lê Thị Bích Dung



Đ/c Chu Minh Hà



Đ/c Tống Thị Thiệp



Tập thể khoa Khám bệnh đa khoa
(Phòng khám chuyên khoa nội)

KHOA NỘI 1

Khoa Nội 1 hiện có 16 CBCNV; gồm 6 bác sĩ, 8 điều dưỡng, 1 hộ lý.

Khoa có ***nhiệm vụ:***

1. Khám và điều trị những bệnh về đường tiêu hóa.
2. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng và trường Trung cấp Y Hải Phòng.

Các kỹ thuật đang tiến hành tại khoa: Siêu âm chọc hút áp xe gan, tiêm cồn điều trị K gan dưới hướng dẫn của siêu âm- Nội soi dạ dày chẩn đoán và điều trị (tiêm cầm máu qua soi dạ dày bằng Ethanol và Adrenalin).

Phương hướng: Phát triển kỹ thuật Chụp đường mật – tụy ngược dòng qua nội soi và cùng với điện quang can thiệp làm tắc mạch điều trị K gan.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Văn Rót

Phó khoa: Bác sĩ CK I Lê Thị Bích Dung

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Tiến sĩ, bác sĩ Đặng Hồi Xuân
2. Bác sĩ Lê Doãn Hùng
3. Bác sĩ CK II Nguyễn Thái Hòa
4. PGS, TS, bác sĩ Nguyễn Thanh Giang
5. Bác sĩ CK II Đặng Thị Thanh Hương



Đ/c Nguyễn Thái Hòa



Đ/c Nguyễn Văn Rót



Đ/c Lê Thị Bích Dung



Nội soi dạ dày



Tập thể khoa Nội 1

KHOA NỘI 2

Khoa Nội 2 được thành lập năm 1960. Hiện biên chế tổ chức có 17 CBCNV, gồm 7 bác sĩ (trong đó có 1 tiến sĩ, 1 thạc sĩ, 4 bác sĩ CK I), 8 điều dưỡng viên, 2 hộ lý.

Khoa có 46 giường bệnh, có **chức năng- nhiệm vụ**:

1. Khám và điều trị những bệnh về đường hô hấp, cơ xương khớp và bệnh máu.
2. Các kỹ thuật đang được triển khai: Soi phế quản, chọc tháo dịch khớp, tiêm nội khớp, chọc tháo dịch màng phổi, hút khí màng phổi...
3. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, trường Trung cấp Y Hải Phòng và các bác sĩ của tuyến dưới.

Lãnh đạo khoa hiện nay

Trưởng khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Đỗ Thị Vân

Phó khoa: Bác sĩ CK I Lê Mạnh Hùng

 Bác sĩ CK I Trần Văn Thành

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Hồ Tấn Phi
2. Giáo sư, bác sĩ Vũ Đình Hải
3. Bác sĩ CK II Lê Khắc Đệ



Đ/c Vũ Đình Hải



Đ/c Lê Khắc Đệ



Đ/c Lê Mạnh Hùng



Đ/c Đỗ Thị Vân



Đ/c Lê Trần Văn Thành



Tập thể khoa Nội II

KHOA NỘI 3 **(Thận – Nội tiết)**

Được thành lập ngày 01/4/1994, hiện Khoa có 19 CBCNV: 6 bác sĩ, 10 y tá, 3 hộ lý. **Khoa Nội 3** có 40 giường bệnh:

Chức năng – nhiệm vụ:

Điều trị nội trú và ngoại trú các bệnh đái tháo đường, bệnh rối loạn chuyển hóa, bệnh nội tiết, bệnh thận tiết niệu. Trong khoa điều trị mặt bệnh chính là đái tháo đường có biến chứng; basedow có suy tim, suy thận mạn giai đoạn III, IV; bệnh thận Lupus; hội chứng thận hư. Một số bệnh nội tiết và rối loạn chuyển hóa khác gặp ít hơn như đái tháo nhạt, suy giáp, suy thận mạn, hội chứng Cushing, hội chứng buồng trứng đa nang, bệnh Goutte, hạ canxi cấp và mạn.

Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, trường Trung cấp Y Hải Phòng và các bác sĩ của tuyến dưới.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Hoàng Đăng Mịch

Phó khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Đỗ Thị Tính

Bác sĩ CK I Trần Thị Mai

Trưởng khoa tiền nhiệm:

Bác sĩ CK I Nguyễn Thị Lài



Đ/c Nguyễn Thị Lài



Đ/c Hoàng Đăng Mịch



Đ/c Trần Thị Mai



Đ/c Đỗ Thị Tĩnh



Tập thể khoa Nội III

KHOA NỘI 4

Khoa Nội 4 hiện có 16 CBCNV (6 bác sĩ, 7 y tá, 3 hộ lý). Với 52 giường bệnh. Khoa có nhiệm vụ khám và điều trị những bệnh nội khoa cho các đối tượng bệnh nhân nằm trong diện quản lý của Ban bảo vệ sức khỏe Thành phố Hải Phòng.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Ngô Văn Điển

Phó khoa: Bác sĩ CK I Trần Việt Dũng

 Bác sĩ CK I Vũ Thị Bích Hồng

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Tiến sĩ, bác sĩ Đặng Hồi Xuân
2. Bác sĩ Lê Doãn Hùng
3. Bác sĩ CK II Nguyễn Thái Hòa
4. Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Thanh Giang
5. Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Huỳnh Phan
5. Bác sĩ CK II Nguyễn Văn Thanh
7. Bác sĩ CK II Vũ Thị Mão



Đ/c Ngô Văn Điển



Đ/c Trần Việt Dũng



Đ/c Vũ Thị Bích Hồng



Tập thể khoa Nội IV



Lễ kết nạp Đảng viên mới

KHOA TIM MẠCH

Thành lập ngày 15 tháng 7 năm 1992, **khoa Tim mạch** hiện có 24 CBCNV gồm 10 bác sĩ, 10 y tá, 4 hộ lý. Khoa có 55 giường bệnh, và đã triển khai một số kỹ thuật trong chẩn đoán, điều trị và cấp cứu: siêu âm Doppler màu, nghiệm pháp gắng sức, sốc điện đồng bộ chuyển nhịp, đặt máy tạo nhịp tạm thời, tạo nhịp vĩnh viễn, điều trị nhồi máu cơ tim bằng tiêu sợi huyết, đặt ống nội khí quản, đặt tĩnh mạch trung tâm, dẫn nhịp vượt tần số...

Khoa tim mạch còn có ***nhiệm vụ*** đào tạo:

1. Tập huấn các lớp cấp cứu tim mạch, lớp siêu âm tim cho các bác sĩ tuyến dưới.
2. Là trung tâm thực hành của các bác sĩ, sinh viên y khoa và các lớp sau đại học.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Bằng Phong

Phó khoa: Tiến sĩ, bác sĩ CK II Nguyễn Thị Dung

Bác sĩ CK I Trần Thị Xuân Lan

Trưởng khoa tiền nhiệm:

Bác sĩ CK II Đinh Thị Nga



Đ/c Đinh Thị Nga



Đ/c Nguyễn Thị Dung



Đ/c Nguyễn Bằng Phong



Đ/c Trần Thị Xuân Lan



Tập thể khoa Tim mạch

KHOA THẦN KINH

Với các **chức năng**: Khám và điều trị ngoại trú, nội trú các bệnh thần kinh; Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng và trường trung cấp Y Hải Phòng và các bác sĩ tuyến dưới; Tham gia công tác tuyến; khoa Thần kinh được thành lập năm 1979. Hiện Khoa có 22 CBCNV gồm 8 bác sĩ, 10 y tá, 4 hộ lý với 53 giường bệnh.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ Nguyễn Bá Bôi

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Nguyễn Thị Thu Huyền

Thạc sĩ, bác sĩ Khúc Thị Nhện

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Nguyễn Bá Thịnh

2. Bác sĩ Đặng Văn Toàn



Ban lãnh đạo khoa Thần kinh



Tập thể khoa Thần kinh

KHOA TRUYỀN NHIỄM

Khoa Truyền nhiễm có 60 giường bệnh với 20 CBCNV gồm 5 bác sĩ, 10 y tá và 5 hộ lý. Khoa có chức năng- nhiệm vụ:

1. Khám và điều trị những người bệnh mắc bệnh nhiễm trùng và bệnh nhiệt đới.
2. Quản lý y tế các bệnh mạn tính (viêm gan virus B, C, HIV...)
3. Phát hiện và phòng chống các dịch bệnh.
4. Thông tin tư vấn các bệnh nhiễm trùng, đặc biệt là bệnh nhiễm HIV.
5. Đào tạo và nghiên cứu khoa học.
6. Hợp tác trong nước và quốc tế.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Ngô Việt Hùng

Phó khoa: Bác sĩ CK II Bùi Thị Bích Thủy

Thạc sĩ, bác sĩ Phạm Thị Hạnh Phúc

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Vũ Tiến Thọ
2. PGS, bác sĩ Hoàng Thúc Thùy
3. Bác sĩ CK I Nguyễn Thị Minh



Đ/c Hoàng Thúc Thùy



Đ/c Nguyễn Thị Minh



Đ/c Ngô Việt Hùng



Đ/c Phạm Thị Hạnh Phúc



Tập thể khoa Truyền nhiễm

KHOA HỒI SỨC NỘI

Tách ra từ khoa Hồi sức trung tâm, ***khoa Hồi sức Nội*** được thành lập từ tháng 8 năm 2005. Khoa được biên chế tổ chức 31 CBCNV, gồm: 11 bác sĩ (1 tiến sĩ, 1 bác sĩ CK II, 2 thạc sĩ, 7 bác sĩ điều trị, 2 cử nhân điều dưỡng), 12 y tá, 3 hộ lý.

Khoa có ***chức năng- nhiệm vụ***:

1. Hồi sức cấp cứu cho tất cả bệnh nhân nặng thuộc hệ nội.
2. Cấp cứu và điều trị cho các bệnh nhân ngộ độc vào viện
3. Điều trị lọc máu ngoài thận cấp cứu cho bệnh nhân nặng của bệnh viện và lọc máu chu kỳ cho bệnh nhân suy thận mạn.
4. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng và trường Trung cấp Y Hải Phòng.
5. Chỉ đạo tuyến về cấp cứu và hồi sức.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Trần Thanh Cảng

Phó khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Thị Minh Tâm



Đ/c Trần Thanh Cảng



Đ/c Nguyễn Thị Minh Tâm



Các bác sĩ trong khoa triển khai biện pháp “thở máy dài ngày” cho bệnh nhân nặng.

Gội đầu cho bệnh nhân, thực hiện tốt nhiệm vụ “Chăm sóc toàn diện”.



Tập thể khoa Hồi sức nội

KHOA MẮT

Khoa Mắt được biên chế 27 CBCNV, gồm 7 bác sĩ, 17 y tá, 3 hộ lý. Với 65 giường. Những nét chính trong hoạt động của Khoa:

1. Hàng năm phẫu thuật gần 2.000 ca, trong đó phẫu thuật đục Thủy tinh thể (TTT) chiếm đa số.

2. Điều trị nội khoa: khoảng 1.300- 1.500 người bệnh/năm

3. Khám bệnh: khoảng 16.000 – 17.000 người bệnh/năm

4. Áp dụng các kỹ thuật mới:

- Đo khúc xạ, siêu âm: Chỉnh kính cận, loạn, viễn chính xác

- Điều trị đục bao sau thứ phát sau phẫu thuật đục TTT bằng laser YAG

- Phẫu thuật Phaco...

5. Phương hướng phát triển những năm tới:

- Siêu âm B: tìm hiểu bệnh lý đáy mắt, hốc mắt.

- Chụp mạch ký huỳnh quang võng mạc: chẩn đoán và tiên lượng bệnh võng mạc do Đái tháo đường.

- Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính.

Năm 1962, khoa Mắt được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Khúc Thị Nhun

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Nguyễn Được

Thạc sĩ, bác sĩ Hoàng Tùng Sơn

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Nguyễn Hiền Mão

2. Bác sĩ CK II Trần Kiện

3. Bác sĩ CK II Nguyễn Kế Xuân



Đ/c Trần Kiện



Đ/c Nguyễn Kế Xuân



Đ/c Khúc Thị Nhựn



Tập thể khoa Mắt

KHOA TAI MŨI HỌNG

Khoa Tai Mũi Họng hiện có 15 CBCNV, gồm 6 bác sĩ, 1 cử nhân, 6 y tá, 2 hộ lý. Khoa có **chức năng – nhiệm vụ**:

1. Khám chữa bệnh TMH thông thường (ngoại trú).
2. Điều trị, phẫu thuật: bệnh lý Amidan, nang và dò vùng cổ, hạt xơ dây thanh, viêm tai giữa, dị vật thực quản, dị vật thanh quản khí phế quản, chấn thương TMH, đặt ống nong (T-tube) trong điều trị sẹp hẹp thanh khí quản cổ...
3. Phẫu thuật cắt thanh quan toàn phần và nạo vét hạch cổ trong ung thư thanh quản hạ họng.
4. Phẫu thuật mở cạnh mũi, cắt một phần xương hàm trên trong ung thư mũi xoang.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Trần Ngọc Thủy

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Lương Tuấn Thành

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ CK II Trần Ngọc Dũng
2. Bác sĩ Quãn Ngọc Bích
3. PGS, Ts, bác sĩ Đỗ Phú Đông
4. Bác sĩ Trần Thị Hiền (Quyền trưởng phòng)
5. Bác sĩ CK II Nguyễn Thị Thảo (quyền trưởng phòng)



Đ/c Trần Ngọc Dũng



Đ/c Trần Ngọc Thủy



Đ/c Lương Tuấn Thành



Tập thể khoa Tai Mũi Họng

KHOA RĂNG HÀM MẶT

Khoa Răng Hàm Mặt thành lập năm 1958, hiện có 31 CBCNV: 12 bác sĩ, 16 điều dưỡng viên, 3 hộ lý.

Chức năng – nhiệm vụ:

1. Điều trị nội nha
2. Trám răng thẩm mỹ
3. Phục hình làm răng sứ, hàm khung cầu chụp các loại
4. Điều trị các chấn thương vùng hàm mặt: phẫu thuật kết hợp xương, tạo hình sẹo xấu di chứng chấn thương
5. Tham gia công tác đào tạo cho sinh viên, học sinh.
6. Bồi dưỡng chuyên môn cho các bác sĩ tuyến dưới.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

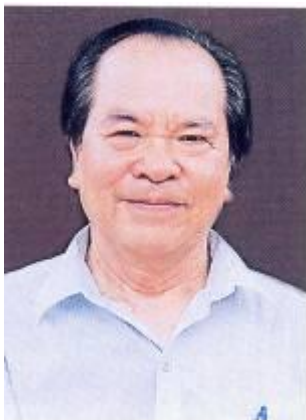
Trưởng khoa: Bác sĩ CK II Nguyễn Thị Thu

Phó khoa: Bác sĩ CK I Nguyễn Thị Lý

Bác sĩ CK II Phạm Văn Liệu- Trưởng bộ môn RHM trưởng
ĐH Y Hải Phòng.

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Nguyễn Bạch Tuyết
2. Nha sĩ Nguyễn Thị Tòng
3. Bác sĩ Trần Văn Oanh
4. Bác sĩ CK II Trần Văn Thạch



Đ/c Trần Văn Thạch



Đ/c Nguyễn Thị Thu



Đ/c Phạm Văn Liệu



Đ/c Nguyễn Thị Lý



Tập thể khoa Răng hàm mặt

KHOA DA LIỄU

Khoa Da liễu biên chế tổ chức gồm 19 CBCNV: 7 bác sĩ, (trong đó có 1 CK II, 2 thạc sĩ, 4 bác sĩ CK), 9 y tá, 3 hộ lý. Khoa có 30 giường, với **chức năng- nhiệm vụ**:

1. Khám và điều trị các bệnh ngoài da, bệnh nhân bệnh phong có cơn phản ứng và các bệnh lây truyền qua đường tình dục.
2. Hỗ trợ tuyến dưới về chuyên môn và kỹ thuật thuộc chuyên khoa Da liễu.
3. Phối hợp với các khoa cận lâm sàng và lâm sàng của bệnh viện để chẩn đoán và điều trị các bệnh hệ thống. Áp dụng các kỹ thuật mới như Laser CO2 trong điều trị nhiều bệnh da mà kỹ thuật trước đây không điều trị được hoặc kết quả thấp.

Lãnh đạo khoa hiện:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Doãn Thị Mùi

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Trịnh Đình Cung
2. Bác sĩ Nguyễn Thị Thu
3. Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Xuân Sơn.



Đ/c Trịnh Đình Cung



Đ/c Nguyễn Xuân Sơn



Đ/c Doãn Thị Mùi



Tập thể khoa Da liễu

KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Khoa Chẩn đoán hình ảnh được biên chế 35 CBCNV, gồm 10 bác sĩ, 23 KTV, 2 hộ lý.

Chức năng – nhiệm vụ:

1. Giải quyết các yêu cầu về Chẩn đoán hình ảnh cho bệnh viện 700 giường

2. Đào tạo chuyên khoa sau Đại học

3. Chỉ đạo tuyến dưới về chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh.

Trang thiết bị:

- 04 máy điện tim 3 cần, 01 máy điện tim 6 cần

- 03 máy siêu âm đen trắng, 02 máy siêu âm đen trắng Aloka, 01 máy siêu âm màu.

- 01 máy nội soi phế quản, 02 máy nội soi dạ dày

- 02 máy chụp X quang tổng hợp của Tiệp, 03 máy X quang tăng sáng truyền hình.

- 01 máy chụp X quang 4 hộp Toshiba, 01 máy chụp X quang tuyến vú.

- 01 máy chụp X quang di động chụp tại giường.

- 01 máy chụp CT Scanner Phillips.

- 01 máy điện não đồ.

Vài chỉ số hoạt động (trung bình tháng):

- X quang thường quy: 7.000 cas/tháng

- CT Scanner: 4.00 cas/tháng

- Siêu âm: 4.500 cas/tháng

- Nội soi: 800 cas/tháng

- Điện tim: 1.343 cas/tháng

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Quốc Hùng

Phó khoa: Bác sĩ CK I Đỗ Văn Rần

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Đinh Phùng Yên

2. Bác sĩ Nguyễn Tất Tuyền



Đ/c Đinh Phùng Yêm



Đ/c Nguyễn Quốc Hùng



Đ/c Đỗ Văn Rân



Máy chụp
cắt lớp vi tính



Tập thể khoa
Chẩn đoán hình ảnh

KHOA VI SINH VẬT

Khoa Vi sinh vật hiện có 15 CBCNV, gồm 4 bác sĩ (1 tiến sĩ, 3 thạc sĩ), 9 KTV, 2 hộ lý. Khoa có **nhiệm vụ**:

1. Nuôi cấy, định danh vi khuẩn và xác định tính kháng kháng sinh của vi khuẩn.
2. Nuôi cấy, định danh vi nấm, ký sinh trùng.
3. Chẩn đoán huyết thanh miễn dịch
4. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, trường Trung cấp Y Hải Phòng, trường Cao đẳng Y tế Hải Dương
5. Tham gia công tác đào tạo cho tuyến dưới.
6. Khoa sẽ phát triển thêm bộ phận vi sinh phân tử và chẩn đoán thêm 1 số loại vi khuẩn, phấn đấu trở thành trung tâm chẩn đoán và nghiên cứu vi sinh lâm sàng hiện đại chuyên sâu của thành phố Hải Phòng và khu vực.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Chu Thị Nga

Phó khoa: Tiến sĩ, bác sĩ Nguyễn Thị Thông

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Phạm Văn Nông
2. Bác sĩ Nguyễn Thị Bích Ngọc
3. Bác sĩ CK II Hoàng Thị Tuyết Minh



Đ/c Phạm Văn Nông



Đ/c Hoàng Thị Tuyết Minh



Đ/c Chu Thị Nga



Máy đếm tế bào CD4- Cyffow



Tập thể khoa Vi sinh vật

KHOA SINH HÓA

Với biên chế tổ chức gồm 20 CBCNV: 3 bác sĩ (1 thạc sĩ), 2 dược sĩ CK I, 1 cử nhân, 11 KTV, 2 hộ lý; **khoa Sinh hóa có chức năng- nhiệm vụ:**

1. Thực hiện các xét nghiệm Sinh hóa phục vụ cho khám chữa bệnh nội trú và ngoại trú.
2. Thực hiện 20 xét nghiệm với 98 thông số hóa sinh cơ bản, chẩn đoán ung thư, xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, nội tiết và xét nghiệm đặc biệt khác.
3. Tham gia giảng dạy cho học sinh, sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng, trường Trung cấp Y Hải Phòng, trường Cao đẳng kỹ thuật Y tế Trung ương I Bộ Y tế.
4. Tham gia công tác đào tạo cho tuyến dưới.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Trần Hoài Nam – Phó GD Bệnh viện

Phó khoa: Dược sĩ CK I Phạm Thị Lan

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. PGS, dược sĩ Vũ Khánh
2. Bác sĩ Lê Thị Huê (phó phòng phụ trách)
3. Bác sĩ Bùi Bích Hiền (phó phòng phụ trách)



Đ/c Trần Hoài Nam



Đ/c Phạm Thị Lan



Máy miễn dịch Huỳnh quang hoàn toàn tự động



Tập thể khoa Sinh hóa

KHOA HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU

Khoa Huyết học – Truyền máu được biên chế 21 CBCNV, gồm 5 bác sĩ (1 thạc sĩ, 1 cử nhân XN, 13 KTV, 2 hộ lý). Khoa có ***chức năng-nhiệm vụ***:

1. Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm về huyết học góp phần nâng chất lượng chẩn đoán bệnh và theo dõi kết quả điều trị bệnh nhân.
2. Thực hiện việc tuyển chọn người cho máu, thu gom, sàng lọc, sản xuất các chế phẩm máu; lưu trữ, bảo quản và phân phối máu.
3. Đảm bảo tốt công tác an toàn truyền máu góp phần điều trị và cấp cứu bệnh nhân.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ Vũ Thị Minh Hà

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Hoàng Văn Phóng

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Y sĩ Nguyễn Thị Sâm
2. Nguyễn Thị Thục
3. Bác sĩ Hồ Chí Huệ
4. Y sĩ Phạm Thị Dân
5. Bác sĩ Hồ Chí Huệ
6. Y sĩ Phạm Luận
7. Bác sĩ Hoàng Thị Hiên



Đ/c Hoàng Thị Hiên



Đ/c Vũ Thị Minh Hà



Tập thể khoa Huyết học truyền máu



Lễ kết nạp Đảng viên mới

KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

Khoa Giải phẫu bệnh hiện có 11 CBCNV: 4 bác sĩ, 4 KTV, 3 hộ lý.
Khoa có chức năng – nhiệm vụ:

1. Khám nghiệm tử thi.
2. Xét nghiệm chẩn đoán mô học
3. Xét nghiệm chẩn đoán tế bào học và tế bào chẩn đoán tức thì
4. Xét nghiệm độc chất trong dịch – trong các tạng
5. Phục vụ giúp đỡ các gia đình có bệnh nhân tử vong vệ sinh, bảo quan thi hài
6. Tham gia đào tạo và công tác chuyên khoa đầu ngành
7. Đảm nhận hầu hết công tác giám định pháp y của thành phố Hải Phòng.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ Nguyễn Văn Tùng

Phó khoa: Bác sĩ Nguyễn Chí Việt

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Phan Trinh
2. Bác sĩ Phạm Long



Đ/c Phạm Long



Đ/c Nguyễn Văn Tùng



Đ/c Nguyễn Chí Việt



Tập thể khoa Giải phẫu bệnh

KHOA Y HỌC HẠT NHÂN

Khoa Y học hạt nhân được biên chế 5 CBCNV, gồm 1 bác sĩ, 3 KTV, 1 hộ lý. Khoa có 6 giường với **chức năng – nhiệm vụ**:

- Chẩn đoán và điều trị nội ngoại trí các bệnh Basedow, K giáp, đa hồng cầu nguyên phát, u máu, sẹo lồi, Eczema...

- Thời gian tới sẽ điều trị giảm đau trong Ung thư di căn xương bằng P-32, Ung thư gan nguyên phát bằng I 131 Lipiodon.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Đỗ Văn Sang

Trưởng khoa tiền nhiệm:

Bác sĩ CK II Nguyễn Bằng Phong



Đ/c Đỗ Văn Sang



Tập thể khoa Y học hạt nhân

KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

Khoa Phục hồi chức năng hiện có 16 CBCNV, gồm 6 bác sĩ (1 CK I, 1 thạc sĩ), 1 y sĩ, 7 KYV, 1 y tá. Khoa có ***chức năng – nhiệm vụ***

1. Điều trị phục hồi chức năng: kết hợp chặt chẽ với các khoa của bệnh viện nhằm hoàn thiện kết quả điều trị với chất lượng cao cho người bệnh, đặc biệt liên quan tới các khoa như Ngoại chấn thương, Thần kinh, Khớp, Tim mạch...

2. Phục hồi chức năng cho bệnh nhân tuyến dưới gửi tới

3. Tham gia các chương trình phục hồi chức năng cộng đồng.

4. Tham gia công tác giảng dạy cho sinh viên và học sinh các trường Y.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Trần Công Văn

Phó khoa: Thạc sĩ, bác sĩ Vũ Văn Túy

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Bác sĩ Mai Thị Xuyên

2. Bác sĩ Nguyễn Tất Tuyền



Đ/c Trần Công Văn



Đ/c Vũ Văn Túy



Tập thể khoa Phục hồi chức năng

KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN

Khoa Y học cổ truyền hiện có 10 CBCNV: 3 bác sĩ (2 CK I, 1 thạc sĩ), 5 y tá, 2 hộ lý. Khoa có **chức năng – nhiệm vụ**

1. Thực hiện kết hợp Y học cổ truyền (YHCT) với Y học hiện đại (YHHĐ) trong khám chữa bệnh ngoại trú và nội trú.

2. Phối hợp với các khoa lâm sàng tiến hành nghiên cứu ứng dụng Y học cổ truyền và kết hợp YHCT với YHHĐ, ứng dụng các thành tựu về YHCT trong điều trị và nghiên cứu khoa học.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ Đoàn Kim Trâm

Phó khoa: Bác sĩ Phạm Văn Lâm

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Lương y Nguyễn Nghĩ
2. Lương y Dương Hoàng Trọng
3. Lương y Hoàng Trắc Hoàn
4. Bác sĩ Nguyễn Đắc
5. Bác sĩ Nguyễn Thanh Bình



Đ/c Nguyễn Thanh Bình



Đ/c Đoàn Kim Trâm



Đ/c Phạm Văn Lâm



Tập thể khoa Y học cổ truyền



Hội thi Điều dưỡng thanh lịch

KHOA CHỐNG NHIỄM KHUẨN

Khoa Chống nhiễm khuẩn thành lập vào tháng 6 năm 2001, gồm 30 CBCNV: 1 bác sĩ, 3 y tá, 3 dược tá, 23 công nhân. Khoa có **chức năng- nhiệm vụ**:

1. Cùng với phòng Điều dưỡng bệnh viện và khoa Vi sinh vật kiểm soát việc thực hiện công tác vô khuẩn, khử khuẩn trong các thủ thuật chăm sóc người bệnh tại các khoa điều trị, trong các phẫu thuật của khối Ngoại.

2. Cùng với phòng Điều dưỡng bệnh viện giám sát việc phân loại rác thải y tế tại các khoa phòng và quản lý rác thải y tế trước khi công ty Môi trường đô thị thành phố tới thu gom.

3. Hấp tiệt khuẩn ga, áo mổ, săng... phục vụ cho công tác phẫu thuật toàn bệnh viện bao gồm: Khoa Gây mê hồi tỉnh của liên khoa Ngoại, các phòng mổ, phòng tiểu phẫu...

4. Hấp tiệt khuẩn găng, gạc, săng cho các khoa.



5. Hàng ngày mang trả đồ vải đã giặt sạch tới tất cả các khoa và thu gom đồ vải sau phẫu thuật, ga, quần áo, chăn màn của người bệnh đã sử dụng tại khoa về giặt khử khuẩn theo quy định.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Trưởng khoa: Bác sĩ CK I Nguyễn Thị An

Đ/c Nguyễn Thị An



Tập thể khoa Chống nhiễm khuẩn

KHOA DƯỢC

Khoa Dược hiện có 15 CBCNV, gồm 1 thạc sĩ, 1 dược sĩ CK, 4 dược sĩ đại học, 8 dược sĩ trung học, 5 KTVTC. Khoa có **chức năng – nhiệm vụ**

1. Lập kế hoạch, cung cấp và đảm bảo số lượng thuốc thông thường và thuốc chuyên khoa, vật dụng y tế tiêu hao.
2. Pha chế một số thuốc dùng trong bệnh viện.
3. Kiểm tra, theo dõi việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong toàn bệnh viện.
4. Tham gia quản lý kinh phí thuốc, thực hiện tiết kiệm đạt hiệu quả cao trong phục vụ người bệnh.
5. Là cơ sở thực hành của các trường đại học y dược, khoa y, các trường đại học và trung học y tế.
6. Tham gia công tác nghiên cứu khoa học, thông tin về thuốc.

Lãnh đạo khoa hiện có:

Trưởng khoa: Thạc sĩ, dược sĩ Đặng Thành Đông

Phó khoa: Dược sĩ CK I Mai Công Thán

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Dược sĩ Lê Đăng Đệ
2. Dược sĩ Nguyễn Kim Chấn
3. Dược sĩ Trần Đình Kỳ
4. Dược sĩ Nguyễn Phúc Lâm
5. Dược sĩ Vũ Thị Việt
6. Dược sĩ Dương Thị Thanh
7. Dược sĩ Cấn Trọng Khoa
8. Dược sĩ CK I Vũ Thị Thanh



Đ/c Cấn Trọng Khoa



Đ/c Vũ Thị Thanh



Đ/c Đặng Thành Đông



Tập thể khoa Dược

KHOA DINH DƯỠNG

Khoa Dinh dưỡng thành lập năm 1959 cùng với sự ra đời của bệnh viện Việt Tiệp. Biên chế của khoa có 7 CBCNV. Khoa có nhiệm vụ tổ chức việc phục vụ ăn uống cho người bệnh, đảm bảo về số lượng, chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm và quản lý chặt chẽ chế độ ăn uống theo bệnh lý.

Lãnh đạo khoa hiện nay:

Phụ trách khoa: Cử nhân Lê Thị Hải

Trưởng khoa tiền nhiệm:

1. Y sĩ Nguyễn Văn Chương
2. Y sĩ Nguyễn Thị Thảo
3. Y sĩ Nguyễn Thị Diệu
4. KS Nguyễn Thị Đát
5. KS Hồ Thị Bích Vân
6. Y sĩ Đỗ Thị Minh Tâm
7. KTTH Bùi Thúy Sâm



Đ/c Nguyễn Thị Thảo



Đ/c Nguyễn Thị Diệu



Đ/c Đỗ Thị Minh Tâm



Đ/c Bùi Thủy Sâm



Đ/c Lê Thị Hải



Tập thể khoa Dinh dưỡng

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu

Chương I

NHÀ THƯƠNG BẢN XÚ

Chương II

BỆNH VIỆN THÀNH PHỐ

Chương III

**VỪA CHỮA BỆNH VỪA SƠ TÁN GÓP PHẦN ĐÁNH THẮNG
CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA GIẶC MỸ (1965-1975)**

Chương IV

**BỆNH VIỆN VIỆT TIỆP HẢI PHÒNG- ĐƠN VỊ LÁ CỜ ĐẦU
CỦA NGÀNH Y TẾ CẢ NƯỚC**

Chương V

**BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP TRONG THỜI KỲ ĐỔI
MỚI (1985-2005)**

Chương VI

HỒI ỨC VÀ NHỮNG TRANG NGHĨA TÌNH

Phụ lục

LÃNH ĐẠO BỆNH VIỆN (1955-2005)

BAN GIÁM ĐỐC

ĐẢNG BỘ

CÔNG ĐOÀN

ĐOÀN THANH NIÊN

CÁC PHÒNG, KHOA BỆNH VIỆN

ĐOÀN THANH NIÊN

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh Bệnh viện có tổng số 237 đoàn viên, chia làm 22 chi đoàn. Đoàn thanh niên Bệnh viện luôn tích cực tham gia các phong trào do Thành đoàn phát động và đạt danh hiệu Tổ chức đoàn xuất sắc nhiều năm liền. Đoàn Thanh niên đã thành lập đội thanh niên tình nguyện phòng chống bão sẵn sàng lên đường khi có điều động và hoàn thành 2 công trình Thanh niên tiêu biểu:

- + “Mổ tim hở” (chi đoàn khoa Phẫu thuật lồng ngực – Tim mạch)
- + “Chụp cắt lớp vi tính dựng hình không gian 3 chiều” (chi đoàn CĐHA)

Lãnh đạo Đoàn hiện nay: Đ/c Nguyễn Thị Hồng Huệ- Bí thư

Bí thư đoàn tiền nhiệm:

1. Đ/c Nguyễn Văn Tuấn
2. Đ/c Đỗ Thị Mười.
3. Đ/c Nguyễn Thành Hoan
4. Đ/c Nguyễn Hữu Choáng
5. Đ/c Nguyễn Ngọc Mỹ
6. Đ/c Nguyễn Ngọc Chiến
7. Đ/c Nguyễn Thị An
8. Đ/c Nguyễn Thị Mỹ
9. Đ/c Lê Thị Tuyết Dung
10. Đ/c Lê Thị Hải
11. Đ/c Cao Thị Bích Hạnh
12. Đ/c Lương Ngọc Thắng



Đ/c Nguyễn Ngọc Chiến



Đ/c Nguyễn Thị An



Đ/c Lê Thị Tuyết Dung



Đ/c Lê Thị Hải



Đ/c Cao Thị Bích Hạnh



Đ/c Lương Ngọc Thắng



Đ/c Nguyễn Thị Hồng Huệ



Ban Chấp hành Đoàn TNCSHCM bệnh viện nhiệm kỳ 2005-2008

PHỤ LỤC

I. SỰ QUAN TÂM CỦA LÃNH ĐẠO ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỚI BỆNH VIỆN

Sau 50 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, bệnh viện Việt Tiệp đã vinh dự đón tiếp Bác Hồ vào ngày 21/1/1963.

Bệnh viện còn được đón tiếp các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước về thăm:

- Đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư của Đảng.
- Đồng chí Hoàng Quốc Việt, Chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam.
- Đồng chí Tố Hữu, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
- Đồng chí Lê Thanh Nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ.
- Đồng chí Nguyễn Khánh, phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.
- Đồng chí Phạm Gia Khiêm, Phó Thủ tướng Chính phủ.
- Bộ trưởng Bộ Y tế các thời kỳ.

II. MỘT SỐ SỐ LIỆU CỤ THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (1955-2005)

- Hội nghị khoa học: 34 lần (lần thứ 34 vào năm 2003 với 46 đề tài)
- Số đề tài nghiên cứu khoa học: 1.409
- Số lần khám bệnh: 6.596.527
- Số người chữa bệnh nội, ngoại trú: 2.328.943
- Số lần chụp X quang: 1.341.957
- Số tiêu bản xét nghiệm: 12.256.001
- Số ca mổ lớn: 136.934

III. SỐ LIỆU VỀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

- Hộ lý, y tá lên trung học: 591
- Trung học lên đại học: 152
- Cán bộ quản lý có trình độ đại học (đến năm 1998): 29
- Trên đại học (đến năm 1998): 193
- Giáo sư: 06
- Tiến sĩ, phó tiến sĩ: 14
- Thạc sĩ: 49
- Bác sĩ CK II: 35
- Bác sĩ CK I: 70
- Cử nhân cao đẳng điều dưỡng: 30

IV. CÁN BỘ ĐI CHIẾN TRƯỜNG B, C, K

- Bác sĩ: 18

- Y sĩ: 08
- Y tá: 24
- Cán bộ khác: 07

V. KHEN THƯỞNG

- Huân chương Lao động hạng Nhất, năm 1984
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, năm 1972
- Huân chương Kháng chiến hạng Nhì, năm 1972
- Huân chương Lao động hạng Ba (1962, 1966, 1976, 1981)
- Lẵng hoa của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, năm 1974
- Cờ luân lưu của Chính phủ thưởng đơn vị dẫn đầu ngành Y tế cả nước (1967, 1977, 1978, 1979)
- Cờ thưởng của Tổng Công đoàn Việt Nam, năm 1972
- Cờ thưởng của Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (1965, 1968, 1969, 1972)
- Cờ thưởng quyết thắng, năm 1973
- Cờ thưởng của Thành ủy và UBND thành phố Hải Phòng (1975, 1976)
- Cờ thưởng của Trung ương Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh, năm 1975
- Cờ thưởng của LHCD thành phố (1976, 1977, 1978)
- Cờ thưởng của Thành hội LHPN (1974, 1976)
- Cờ thưởng của Thành đoàn Thanh niên về phong trào thanh niên “3 sẵn sàng” từ năm 1970-1975 và phong trào tình nguyện vượt mức kế hoạch (1976, 1977, 1978)
- Nhiều bằng khen Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Tổng công đoàn, Trung ương Hội LHPN, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Công đoàn Y tế Việt Nam.
- Nhiều huân chương, bằng khen cho các khoa, phòng và CBCNV
- Huy hiệu Bác Hồ cho bác sĩ Trần Ngọc Dũng, bác sĩ Lê Trung Dũng, y tá Đỗ Thị Thanh, y tá Trịnh Thị Nhạ, lái xe Trần Hộ.
- Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích xuất sắc trong công tác khám và chữa bệnh (1994-1996-1999-2000-2001)
- Bằng khen của UBND thành phố về thành tích xuất sắc trong công tác khám chữa bệnh (1994-1997-2001-2004)
- Cờ thưởng Bộ Y tế Đơn vị dẫn đầu về công tác điều trị (1997-1998-2002)

- 6 cán bộ được Nhà nước phong tặng danh hiệu thầy thuốc ưu tú.
- Tổng công đoàn Lao động Việt Nam tặng thưởng 7 danh hiệu lao động sáng tạo.
- 489 cán bộ công nhân viên được Bộ Y tế tặng huy chương “Vì sức khỏe nhân dân”.